

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018)

### NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Quyết định niêm yết số: 583.../ QĐ-SGDHCM ..... do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM cấp ngày 30 tháng 12 năm 2019)

### BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI

#### 1. Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: (84-24) 22200588 – Fax: (84-24) 22200399

Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn)

#### 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Địa chỉ: Lầu 5 & 6 Toà nhà AB, Số 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (028) 3823 3299 – Fax: (028) 3823 3301

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

### PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

**ÔNG QUÁCH HÙNG HIỆP – PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC BIDV**

(Điện thoại: (84-24) 22200588 – Fax: (84-24) 22200399)

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**



**BIDV**

**BẢN CÁO BẠCH**

---

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 22200588 – Fax: (84-24) 22200399

Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn) – Email: [bidv247@bidv.com.vn](mailto:bidv247@bidv.com.vn)



**NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Tên trái phiếu	Trái phiếu Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng quý IV năm 2019
Loại trái phiếu	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định hiện hành
Mã trái phiếu	BID11908
Thời điểm đáo hạn	21/11/2026
Lãi suất	<p>+ Lãi Suất Tham Chiếu (*) + biên độ 1,3%/năm</p> <p>+ Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi trong năm thứ 06 (sáu) và thứ 07 (bảy) kể từ Ngày Phát Hành sẽ bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,55% /năm.</p> <p><i>(*)Lãi suất tham chiếu có nghĩa là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) ngân hàng bao gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch, và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực Hà Nội tại ngày làm việc thứ bảy (07) trước ngày phát hành đối với kỳ thanh toán lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ bảy (07) trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ thanh toán lãi đối với các kỳ thanh toán lãi tiếp theo.</i></p>
Kỳ trả lãi	Lãi được thanh toán sau hàng năm, định kỳ vào các ngày tròn năm so với ngày phát hành
Mệnh giá	100.000 (một trăm nghìn) đồng/trái phiếu
Tổng số lượng niêm yết	5.000.000 (năm triệu) trái phiếu
Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá)	500.000.000.000 (năm trăm tỷ) đồng



## **BẢN CÁO BẠCH**

### **TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

*Từ 01/01/2013 đến 31/12/2017:*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

*Từ 01/01/2018 đến nay:*

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 38315100 Fax: (84.24) 38315090

### **TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: Lầu 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 3299 Fax: (028) 3823 3301

Website: [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)



**MỤC LỤC**

	Trang
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....	5
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT .....	16
V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT .....	98
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT .....	106
VII. CÁC PHỤ LỤC .....	107

## **NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

*Nhà đầu tư nên xem xét cẩn trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Báo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.*

#### **1. Rủi ro về kinh tế**

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chi số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, doanh nghiệp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

##### ***Rủi ro về lãi suất***

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro cơ bản, phát sinh khi lãi suất thị trường biến động ảnh hưởng bất lợi gây tổn thất đối với thu nhập lãi thuần, giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (thuộc Sổ ngân hàng) và giá trị danh mục kinh doanh (thuộc Sổ kinh doanh) của ngân hàng. Rủi ro lãi suất được quản lý tập trung tại Trụ sở chính. Rủi ro lãi suất bao gồm rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng và rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh.

Đối với rủi ro lãi suất Sổ ngân hàng: là khả năng xảy ra tổn thất đối với thu nhập lãi thuần và/hoặc giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của ngân hàng. Khi lãi suất thị trường biến động, tùy thuộc vào trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất (khe hở tái định giá) và khe hở thời lượng của Sổ ngân hàng, thu nhập lãi thuần và giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu của BIDV có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Đối với rủi ro lãi suất Sổ kinh doanh: là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của BIDV.

##### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là tổn thất có khả năng xảy ra đối với nợ của BIDV do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Nguyên nhân gây ra rủi ro tín dụng có thể xuất phát từ sự bất cập trong cơ chế, chính sách của Nhà



## **BẢN CÁO BẠCH**

nước; môi trường pháp lý cho hoạt động tín dụng chưa hoàn thiện; thông tin được cung cấp không đầy đủ, trung thực; khách hàng cố tình không trả nợ, chủ ý lừa đảo ngân hàng; sự suy giảm chung của nền kinh tế khu vực hoặc toàn cầu; việc sụt giảm hiệu quả kinh doanh của khách hàng; thiên tai địch họa hoặc các yếu tố bất khả kháng khác. Tất cả những rủi ro đó có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ vay của BIDV và đòi hỏi BIDV phải tăng chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng.

### ***Rủi ro về ngoại hối***

Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi BIDV có trạng thái ngoại tệ. Rủi ro ngoại hối của BIDV hiện nay phát sinh và được quản lý theo các danh mục toàn hàng, danh mục tự doanh và danh mục kinh doanh phục vụ khách hàng. Rủi ro ngoại hối được quản lý tập trung tại Trụ sở chính

### ***Rủi ro về thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường.

BIDV luôn kiểm soát chặt chẽ rủi ro thanh khoản trên cơ sở tuân thủ các quy định của NHNN và các văn bản nội bộ. Trong năm 2018, tình hình thanh khoản của BIDV diễn biến tốt, các nghĩa vụ thanh toán đối với khách hàng luôn được đảm bảo đúng hạn. BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp.

### ***Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng***

Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2019, tổng các cam kết ngoại bảng của BIDV là 218.601 tỷ đồng, trong đó bảo lãnh tài chính và cam kết thanh toán thư tín dụng là 205.251 tỷ đồng, các cam kết khác là 13.350 tỷ đồng.

Rủi ro từ các cam kết ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh). Khi đó BIDV sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

Để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro, BIDV đã ban hành quy trình thẩm định và cấp bảo lãnh, cam kết L/C, hệ thống định hạng tín dụng và phân loại khách hàng, quy định về tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ dựa trên mức độ rủi ro của từng nhóm khách hàng cũng như mức độ rủi ro của từng loại bảo lãnh, cụ thể:

- Đối với các cam kết bảo lãnh: BIDV phân loại bảo lãnh theo các mức độ rủi ro tăng dần (lần lượt là: bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thực hiện hợp đồng/hoàn tiền tạm ứng, bảo lãnh thanh toán/vay vốn,...). Căn cứ mức độ rủi ro của từng sản phẩm bảo lãnh



và mức độ tín nhiệm của khách hàng, BIDV sẽ yêu cầu tỷ lệ tài sản đảm bảo/ký quỹ phù hợp để hạn chế rủi ro.

- Đối với các cam kết thanh toán L/C : BIDV quản lý khả năng xảy ra tổn thất thông qua việc thẩm định trước khi phát hành L/C, yêu cầu tỷ lệ ký quỹ/tài sản đảm bảo tương ứng với mức độ tín nhiệm của từng nhóm khách hàng.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

BIDV là ngân hàng TMCP đại chúng quy mô lớn, niềm yết, hoạt động của BIDV chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen, phức tạp, khiến cho hoạt động của các NHTMCP như BIDV tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- (i) Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của TCTD, CNHNHN trong ngắn hạn. Đồng thời, việc quá thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.
- (ii) Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: Việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác; bên cạnh đó, một số trường hợp, văn bản giải thích, hướng dẫn của cấp dưới không hoàn toàn thống nhất với văn bản của cấp trên (nghị định không thống nhất, với luật, pháp lệnh; Thông tư không thống nhất với nghị định/luật/pháp lệnh,...) dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- (iii) Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng luật của các cơ quan tư pháp (toà án, viện kiểm sát) đối với những vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể trong một số trường hợp có thể chưa thống nhất, theo đó, một số trường hợp có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.



Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra một khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển, do vậy, điều này hiện vẫn có thể coi là một trong các rủi ro tiềm tàng đối với các nhà đầu tư Trái Phiếu liên quan đến vấn đề thay đổi quy định pháp luật từ phía các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

### **3. Rủi ro về ngành**

BIDV là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao.

BIDV hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng khác, bao gồm các ngân hàng thương mại Nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, các ngân hàng 100% vốn nước ngoài và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Nếu Chính phủ Việt Nam mở cửa thị trường rộng hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài theo các hiệp định thương mại đã ký kết hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, sự cạnh tranh trong ngành ngân hàng sẽ gia tăng đáng kể.

### **4. Rủi ro hoạt động**

Rủi ro hoạt động là rủi ro có thể xuất hiện trong hầu hết các hoạt động của ngân hàng, là rủi ro cố hữu, gắn liền với hoạt động ngân hàng nhưng lại rất khó lường đoán. Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài. RRHD bao gồm rủi ro pháp lý, không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã ban hành hệ thống chính sách, quy định, các văn bản hướng dẫn và triển khai các công cụ quản lý rủi ro hoạt động phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN. Bên cạnh đó, BIDV đã chủ động xây dựng, phát triển các chương trình phần mềm để hỗ trợ công tác quản lý rủi ro hoạt động, đồng thời chú trọng nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro trong hệ thống thông qua việc triển khai chương trình đào tạo định kỳ, xây dựng thư viện đào tạo để cập nhật kiến thức đến các đơn vị/cán bộ trong hoàn hệ thống.

### **5. Các rủi ro khác**

#### ***Rủi ro về kinh tế vĩ mô***

- Trong 9 tháng đầu năm 2019, kinh tế Việt Nam duy trì sự ổn định và tăng trưởng tích cực. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn có thể chịu ảnh hưởng từ một số rủi ro đến từ kinh tế thế giới và kinh tế trong nước, bao gồm:
- Rủi ro, thách thức từ bên ngoài: (i) căng thẳng thương mại Mỹ-Trung leo thang, gây ra



hiều xáo trộn với thị trường thế giới; (ii) sự sụt giảm và tăng trưởng chậm lại của các nền kinh tế lớn, nhất là Trung Quốc (dự báo tăng khoảng 6% năm 2019), trong khi khu vực EU đang gặp nhiều vướng mắc do căng thẳng thương mại với Mỹ, tiến trình Brexit phức tạp và bất định...; (iii); rủi ro địa chính trị, biến đổi khí hậu, dịch bệnh

- Các bất ổn, thách thức này khiến triển vọng kinh tế, thương mại toàn cầu giảm tốc, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu, đầu tư tại Việt Nam cũng như có khả năng tác động đến mặt bằng giá cả trong nước.
- Rủi ro từ nội tại: (i) Thâm hụt ngân sách còn cao, các chỉ tiêu nợ so GDP có giảm song vẫn ở mức cao; tỷ lệ nợ công năm 2018 ước ở mức 58,4% GDP, nợ Chính phủ ở mức 50% GDP, nợ nước ngoài ở mức 46% GDP. (ii) Tiến trình cơ cấu lại nền kinh tế, đặc biệt là các khu vực quan trọng còn chậm và gặp nhiều vướng mắc; thoái vốn và cổ phần hóa DNNN không đạt tiến độ theo kế hoạch đã đề ra; khó khăn trong việc thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu, xử lý tài sản đảm bảo. (iii) Sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa được cải thiện nhiều trong bối cảnh hiệu lực thực thi chính sách còn yếu, tiến độ cải thiện môi trường đầu tư, cắt giảm các điều kiện kinh doanh còn chậm; thủ tục đăng ký kinh doanh – khởi nghiệp còn phức tạp, thủ tục hành chính trong các lĩnh vực đất đai, thuế, bảo hiểm xã hội, quản lý thị trường, giao thông vận tải, kiểm tra chuyên ngành hải quan... chậm được cải thiện; tính minh bạch, dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn cần nhiều cải thiện...v.v. (iv) Chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam chưa cao, năng suất lao động tuyệt đối còn thấp so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ trong công việc còn hạn chế.
- Mặc dù vậy, với kinh nghiệm điều hành vĩ mô và với quyết tâm cao của Chính phủ, các bộ, ngành, cùng với cơ hội có được từ đà tăng trưởng, đã cải cách và hội nhập quốc tế trong bối cảnh CPTPP có hiệu lực và EVFTA có thể được thông qua; khả năng tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2019 có thể đạt 7,0%.

### ***Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin***

Hệ thống CNTT có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ việc BIDV phải sử dụng các phần mềm, dịch vụ hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc vận hành sai, không tuân thủ chặt chẽ quy trình theo dõi, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ tấn công mạng (hacker).

Để phòng ngừa và hạn chế các rủi ro hệ thống CNTT, trong những năm qua, cùng với việc phát triển nguồn nhân lực CNTT hợp lý, BIDV không ngừng đầu tư trang thiết bị, xây dựng một hệ thống CNTT hoàn chỉnh: nâng cấp hệ thống tường lửa, hệ thống IPS/IDS với công nghệ mới nhất cho mạng WAN/LAN; trang bị hệ thống phòng chống virus có bản quyền, được cập nhật thường xuyên và dùng cho toàn hệ thống BIDV; trang bị hệ thống NPS để thực hiện kiểm soát truy cập mạng LAN trên toàn hệ thống nhằm nâng cao khả năng bảo mật cho hệ thống; xây dựng trung tâm phục hồi thảm họa theo chuẩn quốc tế; hệ thống lưu trữ SAN cũng như các chính sách an ninh, bảo



mật, an toàn hệ thống để giảm thiểu những rủi ro từ hoạt động CNTT. BIDV cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam có Trung tâm dự phòng sử dụng hệ thống máy chủ dự phòng và công nghệ lưu trữ với các giải pháp tiên tiến nhất, đảm bảo hoạt động của Ngân hàng liên tục kể cả khi xảy ra các thảm họa về thiên tai và các thảm họa khác. Năm 2015, BIDV đã được cấp chứng chỉ quốc tế ISO/IEC 27001:2013 – chứng chỉ ISO cho hệ thống quản lý An toàn thông tin phiên bản mới trên thế giới.

Công tác quản trị và vận hành các hệ thống CNTT, đặc biệt là công tác an ninh bảo mật, an toàn thông tin tại BIDV được quan tâm, chú trọng và giám sát, kiểm soát chặt chẽ 24/24 theo hệ thống quy trình, quy định được ban hành và định kỳ rà soát, cập nhật. Các phương án, kịch bản xử lý dự phòng rủi ro trong các trường hợp phát sinh sự cố CNTT cũng được triển khai xây dựng và tổ chức diễn tập định kỳ, đồng thời phản ứng kịp thời với các sự kiện bảo mật, mất an toàn thông tin từ bên ngoài, đảm bảo yếu tố dự phòng vận hành liên tục, giúp hệ thống CNTT hoạt động ổn định và an toàn trong suốt thời gian qua, được các tổ chức CNTT quốc tế đánh giá cao.

Ngoài ra, trước các nguy cơ về an ninh mạng ngày càng gia tăng, BIDV đã tăng cường các công tác chuẩn bị, nâng cao tính sẵn sàng CNTT tại BIDV để đối phó với những tác động xấu từ bên ngoài và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngày càng khắt khe về tuân thủ trong thời gian tới như: thành lập tổ công tác đặc biệt ứng phó với các tình huống về an ninh mạng; thành lập tổ SOC để theo dõi, giám sát, phát hiện sớm và phân tích, xử lý sự cố bảo mật; phối hợp/ký kết thỏa thuận hợp tác với CMC, VNCert trong công tác đánh giá an ninh ANBM hệ thống CNTT của BIDV. Phối hợp chặt chẽ với NHNN, Hiệp hội an ninh mạng Việt Nam (VNISA), Bộ Công an (C50, PC50) thực hiện tốt công tác cảnh báo và giám sát an ninh mạng của BIDV. Đồng thời, để nâng cao năng lực xử lý của hệ thống cơ sở hạ tầng CNTT, BIDV đang trong giai đoạn xây dựng Trung tâm dữ liệu mới đáp ứng yêu cầu tăng trưởng và các chuẩn công nghệ quốc tế, nâng cao khả năng sẵn sàng và hoạt động liên tục của hệ thống CNTT, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kinh doanh và quản trị điều hành của BIDV, sẽ hoàn thành và đưa vào sử dụng cuối năm 2019.

### ***Rủi ro đối với Trái Phiếu***

#### ***➤ Trái Phiếu không được bảo đảm***

Trái Phiếu xác nhận nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không có bảo đảm và trong mọi trường hợp, quyền yêu cầu thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được giải quyết sau các yêu cầu thanh toán của tất cả các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết.

Do đó, trong trường hợp BIDV phá sản hoặc giải thể, có khả năng tỷ lệ nợ được thu hồi của Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể sẽ thấp hơn so với các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm khác của BIDV. Quyền ưu tiên thanh toán của Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng tương ứng xếp sau quyền ưu tiên thanh toán của các chủ nợ có bảo đảm và không có bảo đảm của BIDV. Trái Phiếu cũng không hạn chế giá trị các khoản nợ được xếp quyền ưu tiên thanh toán trước Trái Phiếu mà BIDV có thể gánh chịu hoặc tiếp nhận.

Bên cạnh đó, cấu trúc Trái Phiếu có thể có những rủi ro cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:



- Trái Phiếu chỉ được BIDV mua lại trước hạn với điều kiện sau khi thực hiện mua lại vẫn đảm bảo các tỷ lệ, giới hạn bảo đảm an toàn theo quy định và báo cáo NHNN (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) để giám sát; và
  - BIDV được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính đó của BIDV bị lỗ.
- *Tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp*

Không có gì đảm bảo về tính thanh khoản của Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp và không có gì bảo đảm rằng một thị trường giao dịch cho Trái Phiếu sẽ phát triển. Trên thị trường thứ cấp, Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố bao gồm lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình hoạt động của BIDV và thị trường của các loại chứng khoán tương tự.

- *Việc hạn chế sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà đầu tư trong nước cho Nhà đầu tư nước ngoài*

Tại Điều 6 của Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Thông tư số 16/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016) có quy định về việc tỷ lệ sở hữu trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải tuân thủ theo quy định của NHNN và các văn bản pháp luật liên quan trong từng thời kỳ.

Do vậy, trong từng thời kỳ và phụ thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu niêm yết đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và do vậy có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà đầu tư trong nước cho Nhà đầu tư nước ngoài.

- *Phát hành thêm chứng khoán*

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

- *Bảo hiểm tiền gửi*

Nhà đầu tư là tổ chức cần biết rằng lợi ích được hưởng từ Trái Phiếu không phải là đối tượng được bảo hiểm theo Chế độ Bảo hiểm Tiền gửi.

## BẢN CÁO BẠCH

### *Rủi ro về thuế tại Việt Nam*

Pháp luật về thuế và các quy định của Việt Nam tiếp tục được bổ sung và hướng dẫn do có những vấn đề nảy sinh trong quá trình triển khai và thực hiện. Bất kỳ thay đổi nào về pháp luật thuế của Việt Nam dẫn đến thay đổi nghĩa vụ thuế và tình trạng thuế của BIDV có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của BIDV.

### *Hạn chế chuyển tài sản về nước*

Đối với Nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Trái Phiếu, quyền chuyển tiền thu được từ các khoản đầu tư hay thu nhập từ các khoản đầu tư vào Trái Phiếu từ Việt Nam ra nước ngoài sẽ phải chịu sự điều chỉnh và hạn chế theo các quy định pháp luật về quản lý ngoại hối (bao gồm cả việc mở tài khoản đầu tư gián tiếp tại tổ chức tín dụng được phép, chuyển đổi ngoại tệ) và có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế Việt Nam (bao gồm nhưng không giới hạn bởi thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam).

**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.**



**II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ chức niêm yết****Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

(Ông) Phan Đức Tú	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ông) Lê Ngọc Lâm	Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành
(Bà) Tạ Thị Hạnh	Chức vụ: Kế toán trưởng
(Bà) Võ Bích Hà	Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

**2. Tổ chức tư vấn niêm yết****Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)**

Ông: Phạm Ngọc Bích      Chức vụ: Giám đốc Điều hành

*(Giấy uỷ quyền số 02/2016/GUQ\_HSC ngày 18/01/2016)*

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng và tư vấn đăng ký, lưu ký và niêm yết trái phiếu số 48-2019/HDDV-HSC-TCDN ngày 18/10/2019 với Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam cung cấp.

**III. CÁC KHÁI NIỆM**

1. “BIDV”, “Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết”: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
2. “HSC”, “Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết”: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
3. “ĐHĐCĐ”: Đại Hội đồng Cổ đông
4. “MHB”: Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
5. “HĐQT”: Hội đồng Quản trị
6. “BGĐ”: Ban Giám đốc
7. “BKS”: Ban Kiểm soát
8. “CHDCND”: Cộng hòa dân chủ nhân dân
9. “CNTT”: Công nghệ Thông tin
10. “ISO”: Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
11. “ATM”: Máy rút tiền tự động
12. “CMTND”: Chứng minh thư nhân dân
13. “CTCP”: Công ty Cổ phần
14. “NHTM”: Ngân hàng Thương mại
15. “NHNN”: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
16. “UBCKNN”: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
17. “TMCP”: Thương mại Cổ phần
18. “TNHH”: Trách nhiệm hữu hạn
19. “TCTD”: Tổ chức tín dụng
20. “SGDCK”: Sở Giao dịch chứng khoán
21. “UBND”: Ủy Ban Nhân Dân
22. “UNDP”: Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc



**BIDV**

## **BẢN CÁO BẠCH**

---

23. “USD”: Đồng đô la Mỹ
24. “VND”: Việt Nam Đồng
25. “VPDD”: Văn phòng đại diện


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này.



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

##### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

##### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên tiếng Việt: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam
- Tên viết tắt: BIDV
- Mã chứng khoán: BID
- Logo: 
- Vốn điều lệ (thời điểm gần nhất): 40.220.180.400.000 đồng (*Bốn mươi nghìn hai trăm hai mươi tỷ một trăm tám mươi triệu bốn trăm nghìn đồng*)
- Trụ sở chính: Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 22200588
- Fax: (84-24) 22200399
- Website: [www.bidv.com.vn](http://www.bidv.com.vn)
- Mã số thuế: 0100150619
- Đăng ký kinh doanh:

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/04/1993, cấp thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018.

Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng thương mại cổ phần số 84/GP-NHNN ngày 23 tháng 04 năm 2012, đã được cấp sửa đổi theo Quyết định số 2021/QĐ-NHNN ngày 13/10/2015, Quyết định số 173/QĐ-NHNN ngày 18/02/2016 của NHNN, Quyết định số 2266/QĐ-NHNN ngày 27/10/2017, Quyết định số 842/QĐ-NHNN ngày 20/4/2018, và Quyết định số 1166/QĐ-NHNN ngày 30/5/2018.

##### Các lĩnh vực hoạt động

BIDV là một ngân hàng thương mại cổ phần đa năng, hướng tới hình thành tập đoàn tài chính – ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh:

- ☛ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
- ☛ Hoạt động ngân hàng bán lẻ: tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thế;
- ☛ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật. Hoạt động ngân hàng đầu tư bao gồm nhưng không hạn chế ở các loại hình sau:
  - Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư, tư vấn phát hành chứng khoán, IPO, tư vấn niêm yết;
  - Bảo lãnh phát hành chứng khoán; đại lý phát hành chứng khoán;
  - Môi giới và tự doanh chứng khoán;
  - Quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư;
  - Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
  - Dịch vụ lưu ký chứng khoán, ngân hàng giám sát;
  - Dịch vụ quản lý tài sản;
  - Hoạt động nghiên cứu;
  - Các hoạt động ngân hàng đầu tư khác theo quy định của pháp luật.
- ☛ Bảo hiểm: BIDV thực hiện cung ứng dịch vụ bảo hiểm sau đây dưới hình thức thành lập công ty có liên quan hoặc làm đại lý cho các công ty bảo hiểm theo quy định của pháp luật:
  - Bảo hiểm nhân thọ;
  - Bảo hiểm phi nhân thọ;
  - Tái bảo hiểm;
  - Các dịch vụ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.



**1.2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), tiền thân là Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, được thành lập theo Quyết định 177/TTg ngày 26/04/1957 của Thủ tướng Chính phủ, với chức năng ban đầu là cấp phát và quản lý vốn kiến thiết cơ bản từ nguồn vốn ngân sách phục vụ tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Ngày 08/11/1994 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 654/QĐ-TTg về việc chuyển giao nhiệm vụ cấp phát vốn ngân sách và tín dụng theo Kế hoạch nhà nước từ BIDV về Tổng cục Đầu tư (trực thuộc Bộ Tài chính) và Quyết định 293/QĐ-NH9 ngày 18/11/1994 của Thống đốc NHNN cho phép BIDV được kinh doanh đa năng như một Ngân hàng Thương mại. BIDV đã thực hiện những bước chuyển đổi cấu trúc cơ bản, định hướng kinh doanh mạnh mẽ theo hướng một ngân hàng thương mại đa năng, hoạt động đa ngành, kinh doanh đa lĩnh vực vì mục tiêu lợi nhuận. Những nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên BIDV đã góp phần tích cực trong sự nghiệp đổi mới kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; khẳng định vai trò và vị trí của BIDV trong hoạt động ngân hàng; và đặc biệt, đã được Đảng và Nhà nước ghi nhận với danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”.

Qua hơn 60 năm trưởng thành và phát triển, đến nay BIDV là một trong bốn ngân hàng thương mại lớn nhất ở Việt Nam. Sau khi thực hiện chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) vào ngày 28 tháng 12 năm 2011, kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2012, BIDV chính thức chuyển sang vận hành với tư cách một Ngân hàng thương mại cổ phần, trong đó Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối.

**Bảng 1: Chặng đường phát triển của BIDV**

<b>Năm</b>	<b>Sự kiện</b>
1957	Được thành lập với tên gọi Ngân hàng Kiến thiết Việt Nam, trực thuộc Bộ Tài Chính, 100% sở hữu Nhà nước.
1981	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng Việt Nam (trực thuộc Ngân hàng Nhà nước).
1990	Đổi tên thành Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
1992	Bắt đầu hoạt động với các đối tác nước ngoài.
1995	Chuyển sang hoạt động như một Ngân hàng thương mại với số vốn điều lệ là 1.100 tỷ đồng.
1996	Là Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam được các công ty kiểm toán quốc tế thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo 2 chuẩn mực Việt Nam và quốc tế, và áp dụng liên tục cho tới nay (18 năm).
2001	Ngân hàng thương mại đầu tiên tại Việt Nam nhận chứng chỉ ISO 9001:2000.



Năm	Sự kiện
2001–2006	Thực hiện đề án tái cơ cấu ngân hàng. Tăng vốn điều lệ từ 1.100 tỷ đồng lên 4.077 tỷ đồng.
2006	Là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín toàn cầu Moody's thực hiện xếp hạng tín nhiệm, và được áp dụng liên tục cho tới nay (10 năm).
2008	Chuyển đổi mô hình tổ chức theo dự án hỗ trợ kỹ thuật giai đoạn 2 do World Bank tài trợ. Tăng vốn điều lệ lên 8.756 tỷ đồng.
2009	Tăng vốn điều lệ lên 10.498 tỷ đồng.
2010	Tiếp tục tăng vốn điều lệ, đạt mức 14.600 tỷ đồng. Bắt đầu tiến hành định hạng năng lực tài chính bởi tổ chức định hạng quốc tế S&P.
2011	Điều chỉnh giảm vốn điều lệ xuống mức 12.947 tỷ đồng do thực hiện bóc tách các khoản đầu tư vào thị trường Campuchia theo chỉ đạo của Chính phủ. Ngày 28/12/2011, tiến hành IPO thành công với việc phát hành 3% vốn điều lệ (tương đương với 847,5 tỷ đồng), giá đấu thành công bình quân là 18.583 đồng/cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần).
08/03/2012	Tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần đầu và thông qua đề án Tái cơ cấu 2011-2015 và chiến lược phát triển nhằm đưa BIDV trở thành ngân hàng kinh doanh đa dạng trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, hoạt động theo thông lệ quốc tế, có chất lượng và hiệu quả hàng đầu trong các định chế tài chính tại Việt Nam.
27/04/2012	Chính thức chuyển đổi thành Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150619 (đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, thay đổi lần thứ 13 ngày 27/04/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) với số vốn điều lệ là 23.012 tỷ đồng.
06/08/2013	Tăng vốn điều lệ lên 28.112.026.440.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu.
24/01/2014	Chính thức giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX).
22/05/2015	Hoàn thành phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập MHB vào BIDV.



Năm	Sự kiện
2015	Tăng vốn điều lệ lên 34.187.153.340.000 đồng.
30/06/2016	BIDV được cấp phép chính thức thành lập chi nhánh tại Myanmar.
2016	BIDV trở thành ngân hàng TMCP đầu tiên cán mốc giá trị tổng tài sản trên 1 triệu tỷ đồng.
26/4/2017	Kỷ niệm 60 năm ngày thành lập BIDV và đón nhận Huân chương Lao động hạng nhất của Chủ tịch nước CHXH Chủ nghĩa Việt Nam, Huân chương độc lập hạng nhất của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Huân chương Hoàng gia cao quý nhất của Quốc vương Campuchia.

*Nguồn: BIDV*

**Bảng 2: Các danh hiệu & phần thưởng cao quý BIDV được trao trong thời gian qua**

<b>A Đánh giá ghi nhận của Đảng và Nhà nước Việt Nam</b>	
1	Là ngân hàng đầu tiên được Nhà nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” (2000).
2	Huân chương Hồ Chí Minh (2007).
3	Huân chương Độc lập hạng Ba (1999), Độc lập hạng Nhất (2002 và 2012).
4	Huân chương Lao động hạng Nhất (1997).
5	Huân chương Lao động hạng Nhất (2017).
6	53 Huân chương Độc lập, Huân chương lao động cho các tập thể và cá nhân.
7	133 bằng khen của Chính phủ cho tập thể và cá nhân.
8	79 cờ thi đua của Chính phủ, Thống đốc NHNN và UBND các tỉnh, thành phố.
9	Chính Phủ và Bộ Công thương công nhận Thương hiệu quốc gia 4 năm liên tiếp (2011, 2012, 2013, 2014).
10	Cùng hàng ngàn bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ ngành, UBND các tỉnh, thành phố cho các tập thể, cá nhân xuất sắc trong toàn hệ thống BIDV.
<b>B Đánh giá ghi nhận của Đảng, Nhà nước, Chính phủ nước CHDCND Lào</b>	

- 1 Huân chương tự do hạng Nhì (2012), Huân chương Hữu nghị (2007).
- 2 Huân chương lao động hạng nhì (2002).
- 3 06 Huân chương hạng 3 và nhiều phần thưởng cao quý khác cho tập thể, cá nhân trong toàn hệ thống BIDV.
- 4 Huân chương Itxala (Độc lập) hạng Nhất của Nhà nước CHDCND Lào (2017)

**C Đánh giá ghi nhận của Chính phủ Campuchia**

- 1 Huân chương Hoàng Gia hạng Nhất của Quốc vương Campuchia (2012).
- 2 Huân chương Monisaraphon hạng Mohasereivath của Quốc Vương Campuchia (2017).

**D Đánh giá ghi nhận của các tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế**

Các giải thưởng của ADFIAP (Hiệp hội các định chế tài chính Phát triển Châu Á-Thái Bình Dương) trao tặng:

- 1 Tài trợ phát triển giảm nghèo 2004;  
Phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ 2005;  
Phát triển kinh tế địa phương 2005.
- 2 Các giải thưởng về thanh toán quốc tế “Ngân hàng có chất lượng thanh toán qua SWIFT tốt nhất do AMEX, Bank of New York, Citibank và HSBC trao tặng (2001 – 2005).
- 3 UNDP xếp hạng là 1 trong 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (2007).
- 4 Finance Asia xếp BIDV trong top 100 ngân hàng của Châu Á (2007 và 2008).
- 5 Giải thưởng “Thương hiệu Mạnh Việt Nam” do Bộ Công Thương, Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (2005, 2006, 2008, 2009).
- 6 Giao dịch phát hành trái phiếu nội tệ tốt nhất 2006 do tổ chức Finance Asia trao tặng; và Giao dịch tốt nhất Việt Nam 2009 do The Asset Triple A trao tặng.
- 7 “Ngân hàng Thanh toán quốc tế và quản lý tiền tệ tốt nhất 2010” do HSBC trao tặng.
- 8 Bằng khen về thành tích xây dựng và phát triển thị trường chứng khoán giai đoạn 2001 – 2005; giai đoạn 2006 – 2010 do Bộ Tài chính trao tặng.
- 9 Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ huy động vốn tốt nhất” và “Ngân hàng có dịch



vụ tín dụng doanh nghiệp tốt nhất” do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và Báo Vietnamnet tổ chức bình chọn năm 2010.

10 Liên tục từ năm 2007 đến nay, BIDV được đánh giá và xếp hạng Nhất trong khối các NHTM tại Việt Nam về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam cùng Bộ Thông tin và Truyền thông đánh giá bình chọn.

11 Giải thưởng “Lãnh đạo Công nghệ Thông tin xuất sắc” khu vực Đông Dương năm 2009 và khu vực Đông Nam Á năm 2010, 2013.

12 Giải thưởng “Doanh nghiệp lớn ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả nhất” năm 2010 do Bộ Thông tin và Truyền thông trao tặng nhằm tôn vinh các tổ chức, doanh nghiệp xuất sắc của ngành công nghệ thông tin truyền thông Việt Nam và các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông hiệu quả.

13 Giải Sao khuê 2011 cho sản phẩm phần mềm Công thanh toán chứng khoán trực tuyến (BIDV@Securities).

14 Giải thưởng “Ngôi sao chất lượng quốc tế 2011” do tổ chức Định hướng sáng kiến doanh nghiệp BID Quality Award (trụ sở tại Tây Ban Nha) trao tặng.

15 Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ thương mại tốt nhất Việt Nam năm 2012” do EuroMoney trao tặng.

16 Giải thưởng Nhân tài đất Việt năm 2012 cho “Hệ thống công thanh toán trực tuyến với các công ty chứng khoán – BIDV@ Securities”.

17 Giải thưởng “Ngân hàng của năm - “House of the year” do Asia Risk trao tặng trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017 và 2018 cho các tổ chức tài chính tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương cung cấp các sản phẩm phái sinh.

Đứng đầu các hạng mục trong chương trình Fixed Income Poll 2013 và FX Poll 2013, 2014, 2015 và 2016 do Asiamoney tổ chức bầu chọn, bao gồm:

Ngân hàng cung cấp sản phẩm thị trường vốn nợ toàn diện xuất sắc nhất Việt Nam;

Ngân hàng cung cấp sản phẩm về lãi suất toàn diện xuất sắc nhất tại Việt Nam;

18 Ngân hàng chào bán sản phẩm thị trường vốn nợ và sản phẩm về lãi suất tốt nhất Việt Nam;

Ngân hàng cung cấp dịch vụ phái sinh về tín dụng, lãi suất và hàng hóa tốt nhất Việt Nam;

Ngân hàng có hoạt động nghiên cứu, phân tích và dự báo về kinh tế, thị trường tín dụng và lãi suất tốt nhất Việt Nam.

- Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các Định chế tài chính và các doanh nghiệp bầu chọn.
- Ngân hàng có sản phẩm và dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- Ngân hàng có sản phẩm quyền chọn ngoại tệ tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- Ngân hàng có thông tin nghiên cứu, phân tích dự báo thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam do các doanh nghiệp bầu chọn.
- 19 Là Ngân hàng thương mại Việt nam đầu tiên nhận danh hiệu “Ngân hàng thương mại tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí International Banker trao tặng (năm 2014).
- 20 Giải thưởng “Ngân hàng quản lý tiền tệ tốt nhất Việt nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng (năm 2014).
- 21 Giải thưởng “Ngân hàng Điện tử tiêu biểu 2014” do Hiệp hội ngân hàng Việt Nam phối hợp Tập đoàn dữ liệu quốc tế IDG tổ chức.
- 22 Giải thưởng “Ngân hàng Điện tử hàng đầu Việt nam” do Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức.
- 23 Giải thưởng “Ngân hàng điện tử được quan tâm nhất – MyEbank 2014” do VnExpress tổ chức.
- 24 Giải thưởng “Ngân hàng Bán lẻ tốt nhất Việt Nam” do Tạp chí The Asian Banker trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018 và 2019.
- 25 Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu nhất về Công nghệ và Vận hành” năm 2015 và 2016 do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.
- 26 Danh hiệu Sao Khuê 2015 (xếp hạng phần mềm ưu việt 4 sao) đối với 02 chương trình phần mềm: Thanh toán hóa đơn online và Cổng trao đổi thông tin nộp thuế điện tử của BIDV do VINASA đánh giá, xếp hạng và công nhận đối với các sản phẩm dịch vụ xuất sắc, uy tín hàng đầu của ngành công nghệ phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam.
- 27 Giải thưởng “Ngân hàng có dịch vụ mua bán ngoại tệ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 do Tạp chí Global Finance trao tặng
- 28 Giải thưởng “Tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu tốt nhất Việt Nam” và “Giao dịch phát hành trái phiếu bằng đồng nội tệ tốt nhất Việt Nam” năm 2016 do Tạp chí The Asset Trilpe A trao tặng.



- 29 Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ Xuất nhập khẩu tốt nhất Việt Nam năm 2017” do tạp chí Euro Money trao tặng.
- 30 Danh hiệu Sao Khuê 2018 đối với 02 sản phẩm BIDV iBank (Chương trình giao dịch ngân hàng điện tử dành cho khách hàng tổ chức) và BIDV IDM (Hệ thống quản lý ứng dụng tập trung tại BIDV) do VINASA đánh giá, xếp hạng và công nhận đối với các sản phẩm dịch vụ xuất sắc, uy tín hàng đầu của ngành công nghệ phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam. Đặc biệt, sản phẩm BIDV iBank đã lọt vào top 10 danh hiệu Sao Khuê năm 2018.
- 31 Ngân hàng thương mại có chỉ số sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển CNTT – TT (VietNam ICT Index) cao nhất trong khối các Ngân hàng tại Việt nam liên tục từ năm 2007 tới nay do Bộ Thông tin & Truyền thông phối hợp cùng Hiệp Hội tin học Việt Nam xếp hạng.
- 32 Giải thưởng “Ngân hàng Việt Nam tiêu biểu nhất về Công nghệ và Vận hành” trong 3 năm (2015 - 2017) do Tạp chí Asian Banking & Finance trao tặng.
- 33 Giải thưởng “Best SME Bank Vietnam 2018” do Tạp chí Global Banking and Finance Review (GBFR- Anh quốc) trao tặng
- 34 Giải thưởng “Best SME Bank Vietnam 2018” do tạp chí Alpha Southeast Asia (Hong Kong) bình chọn
- 35 Các giải “SME Bank of the year” và giải “Corporate Client Initiative of the Year” do Tạp chí Asian Banking & Finance (Singapore) trao tặng
- 36 Năm 2019: Giải thưởng “Ngân hàng SME tốt nhất” của Tạp chí Alpha Southeast Asia (Hong Kong) trao tặng
- 37 Năm 2019: Giải thưởng “Ngân hàng SME tiêu biểu Việt Nam” của Tạp chí Asian Banking & Finance (Singapore) trao tặng

*Nguồn: BIDV*

### 1.3. Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Vốn điều lệ khi BIDV chuyển sang hoạt động theo hình thức ngân hàng cổ phần là 23.011.705.420.000 đồng. Từ đó đến nay, BIDV đã thực hiện tăng vốn 04 lần với chi tiết như sau:

#### **Lần 1: Tăng vốn điều lệ từ 23.011.705.420.000 đồng lên 28.112.026.440.000 đồng**

- ❖ Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu trả cổ tức và chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu
- ❖ Số vốn điều lệ tăng thêm: 5.100.321.020.000 đồng

- ☛ Nguồn tăng vốn:
  - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận giữ lại: 1.041.849.090.000 đồng
  - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 4.058.471.930.000 đồng
- ☛ Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 25/06/2013
- ☛ Tỷ lệ phân bổ quyền:
  - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 4,52784%
  - Phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 17,63655%
- ☛ Giá phát hành thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu: 10.000 đồng/cổ phần
- ☛ Ngày phát hành: 05/07/2013
- ☛ Kết quả phát hành: phát hành thêm 510.032.102 cổ phần trong đó
  - Số cổ phần phát hành để trả cổ tức: 104.184.909 cổ phần
  - Số cổ phần phát hành thêm thành công: 405.847.193 cổ phần
- ☛ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 28.112.026.440.000 đồng
- ☛ Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 06/08/2013

**Lần 2: Tăng vốn điều lệ từ 28.112.026.440.000 đồng lên 31.481.237.440.000 đồng**

- ☛ Hình thức phát hành: Phát hành cổ phiếu hoán đổi để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ☛ Số vốn điều lệ tăng thêm: 3.369.211.000.000 đồng
- ☛ Nguồn tăng vốn:
  - Phát hành cổ phiếu để hoán đổi với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ☛ Ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền: 08/05/2015
- ☛ Tỷ lệ hoán đổi: 1:1
- ☛ Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu



**BẢN CÁO BẠCH**

- ✦ Kết quả phát hành: phát hành thêm 336.921.100 cổ phiếu để hoán đổi với 336.921.100 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
- ✦ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 31.481.237.440.000 đồng
- ✦ Ngày hoàn thành đợt phát hành và báo cáo UBCKNN: 22/05/2015

**Lần 3: Tăng vốn điều lệ từ 31.481.237.440.000 đồng lên 34.187.153.340.000 đồng**

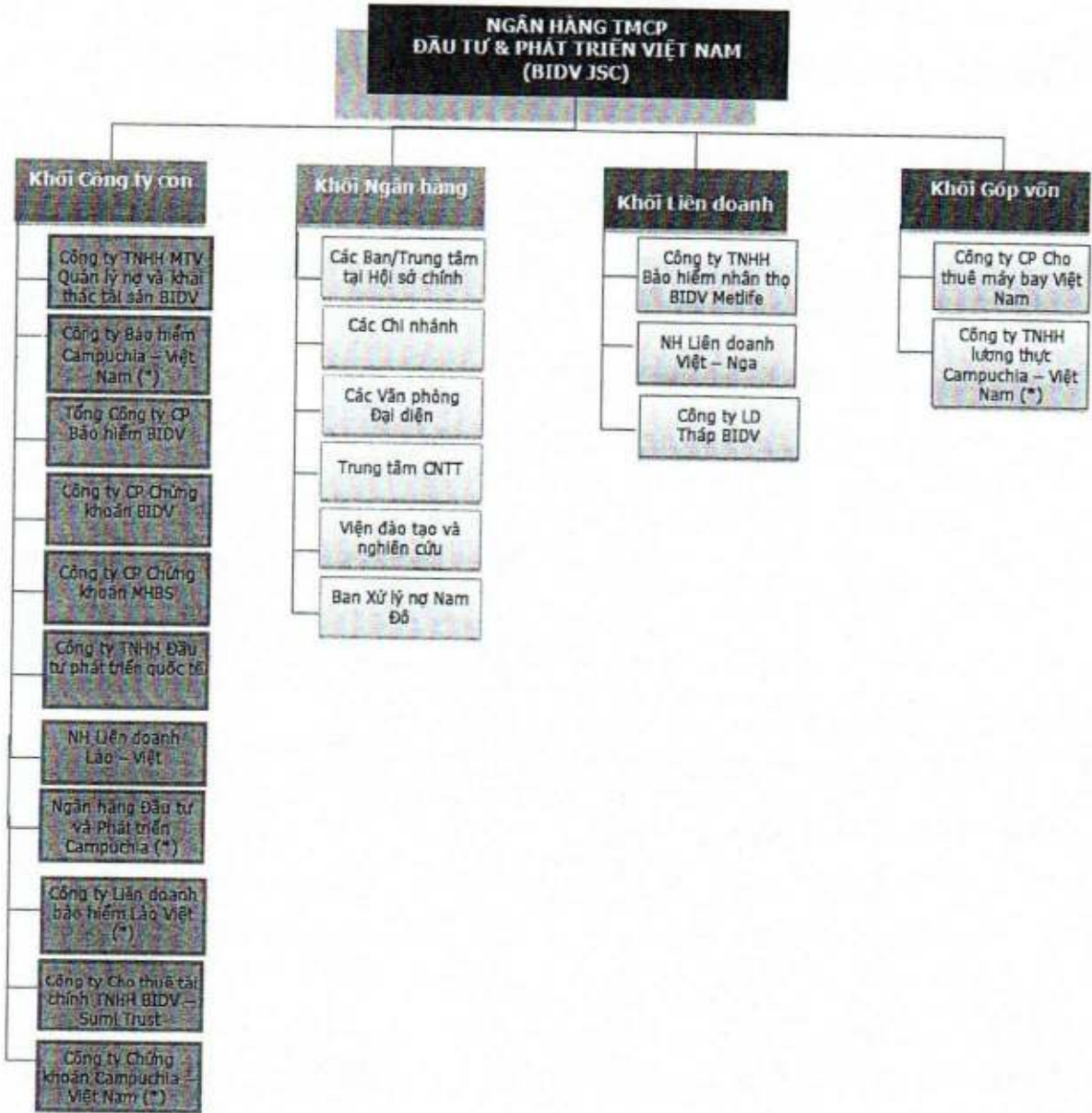
- ✦ Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- ✦ Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- ✦ Tỷ lệ thực hiện quyền: 8,595329% (01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, 100 quyền được mua 8,595329 cổ phiếu mới)
- ✦ Ngày chốt danh sách cổ đông: 18/08/2015
- ✦ Số vốn điều lệ tăng thêm: 2.705.915.900.000 đồng
- ✦ Ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN: ngày 29/09/2015
- ✦ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 34.187.153.340.000 đồng
- ✦ Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán đã được BIDV sử dụng theo đúng phương án được nêu tại Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2015.

**Lần 4: Tăng vốn điều lệ từ 34.187.153.340.000 đồng lên 40.220.180.400.000 đồng**

- ✦ Hình thức phát hành: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- ✦ Đối tượng chào bán: Cổ đông chiến lược KEB Hana Bank Co., Ltd.
- ✦ Giá chào bán: 33.640 đồng/cổ phiếu
- ✦ Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 603.302.706 cổ phiếu mới.
- ✦ Số vốn điều lệ tăng thêm: 6.033.027.060.000 đồng
- ✦ Ngày hoàn thành đợt chào bán và báo cáo UBCKNN: ngày 31/10/2019
- ✦ Vốn điều lệ sau khi phát hành: 40.220.180.400.000 đồng
- ✦ Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Số tiền thu được từ đợt chào bán được BIDV sử dụng theo kế hoạch nêu tại Phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua tại Nghị quyết 837/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/11/2019.

2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty:

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của BIDV



Ghi chú: (\*) Sở hữu gián tiếp qua công ty con

Nguồn: BIDV

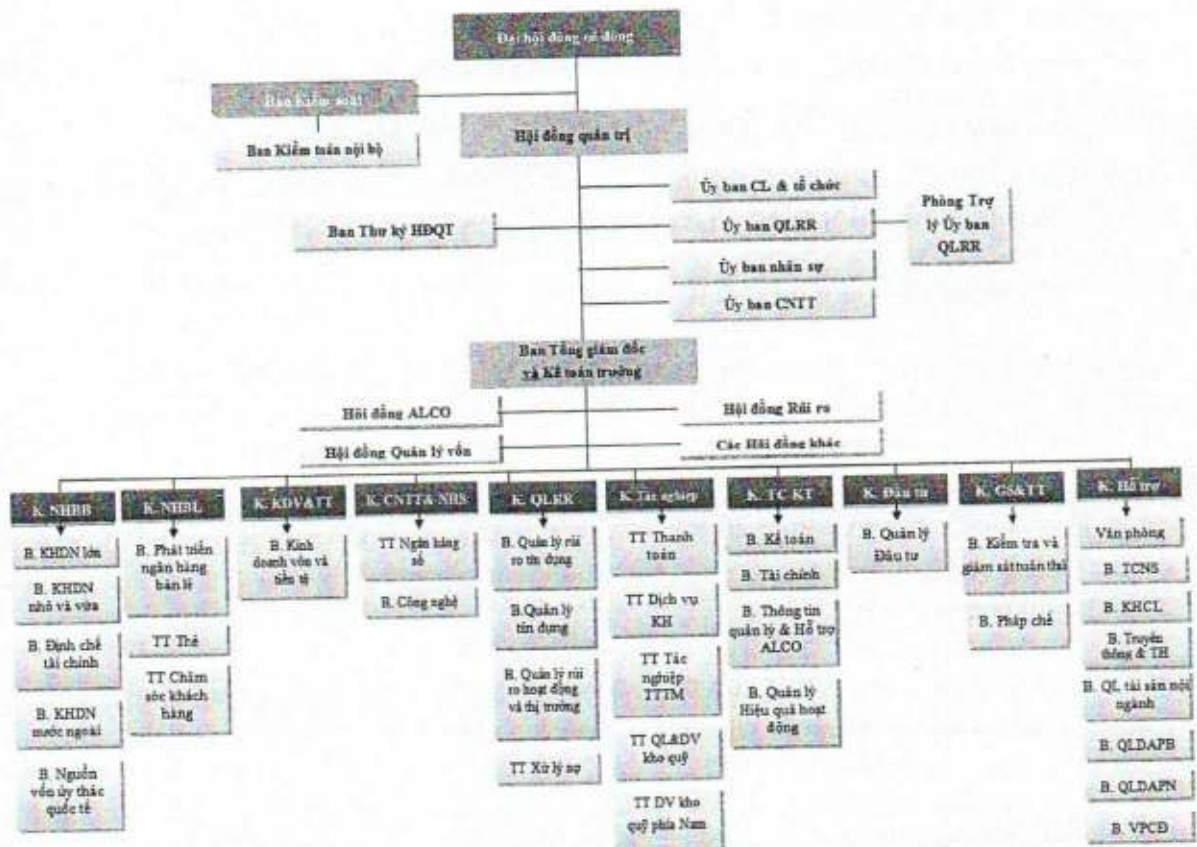


Tính đến thời điểm 30/09/2019, BIDV có mạng lưới như sau:

- ✦ Khối ngân hàng: Hội sở chính và 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 1 chi nhánh nước ngoài), 871 Phòng Giao dịch (bao gồm 12 Phòng Giao dịch được cấp phép nhưng chưa đi vào hoạt động chính thức); Viện Đào tạo và nghiên cứu; Trung tâm Công nghệ Thông tin; các Văn phòng đại diện: VPĐD tại Thành phố Hồ Chí Minh, VPĐD tại Đà Nẵng, VPĐD tại Campuchia, VPĐD tại Lào, VPĐD tại Séc, VPĐD tại Đài Loan, VPĐD tại Nga.
- ✦ Khối công ty con gồm 11 đơn vị, gồm: Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (BAMC), Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC), Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC), Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (MHBS), Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Quốc tế (IID), Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC), Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào-Việt (LVI), Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumitrust (BSL), Ngân hàng liên doanh Lào-Việt (LVB), Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (CVS), Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (CVI).
- ✦ Khối liên doanh gồm 03 đơn vị: Ngân hàng liên doanh Việt - Nga (VRB), Công ty liên doanh Tháp BIDV, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ BIDV Metlife.
- ✦ Khối các đơn vị liên kết: Công ty cổ phần Cho thuê Máy bay Việt Nam (VALC), Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Hình 2: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của BIDV





**3.1. Đại hội đồng Cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của BIDV, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

**3.2. Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt các Cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành BIDV, thực trạng tài chính BIDV và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Ban Kiểm soát BIDV gồm 03 thành viên.

**3.3. Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị BIDV, có toàn quyền nhân danh BIDV để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của BIDV, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị BIDV gồm 7 thành viên.

**3.4. Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm quản lý công việc hàng ngày của BIDV theo Điều Lệ của BIDV. Ban Tổng Giám đốc chịu sự giám sát của HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc có các hội đồng là Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có, Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng rủi ro, Hội đồng tín dụng Trung ương và một số Hội đồng.

**3.5. Các khối chức năng tại Hội sở chính:**

Hội sở chính của BIDV được tổ chức theo 10 khối chức năng bao gồm:

- ☛ Khối Ngân hàng bán buôn: Chịu trách nhiệm duy trì và phát triển quan hệ của ngân hàng với các khách hàng là tổ chức. Cụ thể, khối này có trách nhiệm giới thiệu các sản phẩm tới các khách hàng là doanh nghiệp, tổ chức tín dụng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ...; đồng thời chịu trách nhiệm quản lý khả năng sinh lợi của các sản phẩm này.
- ☛ Khối Ngân hàng bán lẻ: Chịu trách nhiệm đối với hoạt động marketing, phát triển và kinh doanh các sản phẩm được chuẩn hóa cho các khách hàng bán lẻ.
- ☛ Khối Kinh doanh vốn và tiền tệ: Chịu trách nhiệm thực hiện giao dịch kinh doanh vốn và tiền tệ phục vụ yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý tài sản Nợ - Có (ALCO) cho Sở Ngân hàng, tiếp thị và trực tiếp giao dịch các sản phẩm kinh doanh vốn và tiền tệ với khách hàng và đơn vị kinh doanh trong nội bộ ngân hàng nhằm mục tiêu sinh lời và đáp ứng nhu cầu của khách hàng.





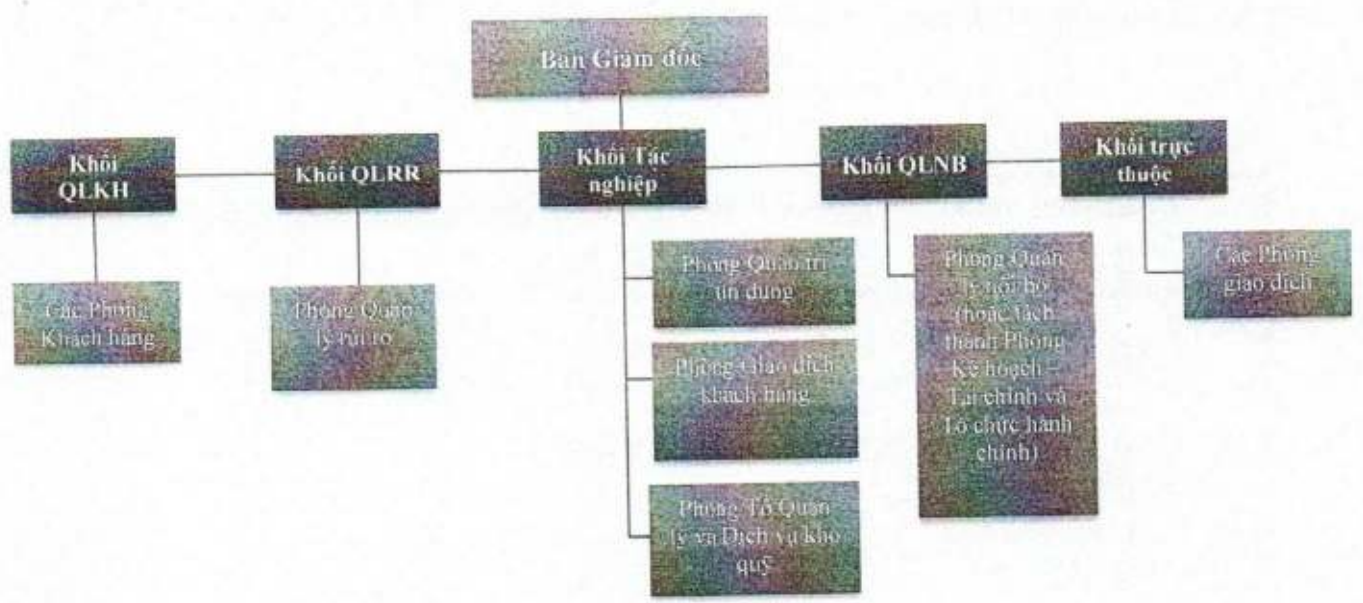
# BẢN CÁO BẠCH

- ✦ Khối Công nghệ thông tin và ngân hàng số: Chịu trách nhiệm phát triển các sản phẩm ngân hàng số hiện đại và quản lý hoạt động công nghệ thông tin của ngân hàng.
- ✦ Khối Quản lý rủi ro: Chịu trách nhiệm kiểm soát các hoạt động tín dụng và các rủi ro khác mà ngân hàng có thể gặp phải. Khối này thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh tiềm năng được các khối kinh doanh khác đề xuất.
- ✦ Khối Tác nghiệp: Chịu trách nhiệm về các khoản thanh toán và thu chi trực tiếp, cụ thể: Thanh toán trong nước, chuyển tiền quốc tế và chuyển điện SWIFT; quản lý các khoản vay, dịch vụ khách hàng, dịch vụ kho quỹ và hoạt động tài trợ thương mại.
- ✦ Khối Tài chính Kế toán: Phụ trách thông tin về tài chính kế toán của ngân hàng và các công ty con, truyền tải thông tin quản lý về bộ phận kế toán Trụ sở chính và kế toán chung; quản lý tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm phân tích tài chính và giám sát.
- ✦ Khối Đầu tư: Chịu trách nhiệm quản lý hoạt động đầu tư của toàn hệ thống.
- ✦ Khối Giám sát và tuân thủ: Chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ của các đơn vị, bộ phận trong hệ thống BIDV và công tác pháp chế của ngân hàng.
- ✦ Khối Hỗ trợ: Thực hiện hỗ trợ các hoạt động kinh doanh nói chung và tổng thể của ngân hàng.

### 3.6. Cấu trúc các chi nhánh

Tính đến 30/09/2019, BIDV có 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức như sau:

**Hình 3: Mô hình tổ chức các chi nhánh của BIDV**



## BẢN CÁO BẠCH



4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông
- 4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 29/11/2019

TT	Tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD/Mã GD nếu có
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	69/QĐ-NH5
2	KEB Hana Bank Co., Ltd.	35, Eulji-ro, Jung-gu, Seoul, Republic of Korea	CC2259

4.2. Cổ đông sáng lập

Không có.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 29/11/2019

STT	Danh mục	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Đại diện chủ sở hữu vốn là Nhà nước)	3.257.324.161	80,99	1	1	0
2	Cổ đông khác	764,693,879	19,01	23.508	279	23.229
	- Tổ chức trong nước	15.117.661	0,38	178	178	0
	- Cá nhân trong nước	28.150.782	0,70	22.756	0	22.756
	- Tổ chức nước ngoài	720.120.413	17,9	101	101	0
	- Cá nhân nước ngoài	1.305.023	0,03	473	0	473

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con, những công ty mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

5.1. Danh sách công ty mẹ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

Không có.

5.2. Danh sách các công ty con tại ngày 30/09/2019

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có mười một (11) công ty con. Thông tin chi tiết như sau:



Bảng 1: Danh sách các công ty con tại thời điểm 30/09/2019

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Số lượng cổ phần BIDV nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV
1	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV – SuMi TRUST (“BSL”)	Tầng 20, Tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội	Cho thuê tài chính	895,6 tỷ đồng	N/a	50,00%
2	Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản BIDV (“BAMC”)	Tầng 12, số 263 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Tài chính/ Ngân hàng	70 tỷ đồng	N/a	100,00%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (“BSC”)	Tầng 10 - Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hà Nội	Thị trường vốn	1.221 tỷ đồng	97.579.039	79,94%
4	Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm BIDV (“BIC”)	Tầng 16, Tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội	Bảo hiểm	1.172 tỷ đồng	59.819.259	51,00%
5	Công ty Liên doanh Bảo hiểm Lào Việt (“LVI”) (*)	3rd Floor, LVB Tower, No 44, Lanexang Avenue, Hatsady Village, Chamthabouly District, Vientiane, Lao PDR	Bảo hiểm	3.000.000 USD	N/a	33,15%
	Công ty Cổ phần Chứng khoán MHB (“MHBS”)	153 Hai Bà Trưng, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Chứng khoán	170 tỷ đồng	10.200.000	60,00%
7	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Quốc tế (“IIDC”)	Tầng 20, Tháp A, Vincom, 191 Bà Triệu, Hà Nội	Tài chính	2.083 tỷ đồng	N/a	100,00%
8	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (“BIDC”) (*)	No. 370, Preah Monivong Blvd., Boeng Keng Kang I, Khan Thmey 2, Daun Penh, PhnomPenh, Cambodia	Tài chính/ Ngân hàng	100.000.000 USD	98.500.000	98,50%
9	Ngân hàng Liên doanh Lào – Việt (“LVB”)	LVB Tower, No 44 Lane Xang Blvd, Vientiane, Lao PDR	Ngân hàng	791.357.560.000 LAK	102.876.483	65,00%





TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Số lượng cổ phần BIDV nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV
10	Công ty Chứng khoán Campuchia – Việt Nam (“CVS”) (*)	370, Preah Monivong Blvd., Boeng Keng Kang I, Khan Thmey 2, Daun Penh, PhnomPenh, Cambodia	Chứng khoán	1.500.000 USD	1.500.000	98,50%
11	Công ty Bảo hiểm Campuchia – Việt Nam (“CVI”) (*)	8th Floor, No 398 Monivong Beungkeng Kang 1, Charnkar Mon Phnom Penh Cambodia	Bảo hiểm	7.000.000 USD	510	50,23%

(\*) Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

### 5.3. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết tại ngày 30/09/2019

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, BIDV có năm (05) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết như sau:

**Bảng 2: Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm 30/09/2019**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Số lượng cổ phần BIDV nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV
<b>I. Công ty liên doanh</b>						
1	Ngân hàng Liên doanh Việt – Nga (“VRB”)	Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Ngân hàng	3.008 tỷ đồng	N/a	50,00%
2	Công ty liên doanh Tháp BIDV (“BIDV Tower”)	Tầng 13, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hà Nội	Quản lý, vận hành tháp BIDV 35 Hàng Vôi, Hà Nội	209 tỷ đồng	N/a	55,00%
3	Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ BIDV Metlife (“BML”)	Tầng 10 Tháp A Vincom, 191 Bà Triệu – Hà Nội	Bảo hiểm nhân thọ	1.094 tỷ đồng	N/a	34,32%
<b>II. Công ty liên kết</b>						
1	Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam (“VALC”)	Số 18, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Mua và cho thuê máy bay	1.318 tỷ đồng	24.420.657	18,52%



STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Vốn điều lệ	Số lượng cổ phần BIDV nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu của BIDV
2	Công ty TNHH Lương thực Campuchia - Việt Nam ("Cavifood") (*)	National Route 5, Spean Khpus Vilage, Sangkat Kilomet 6, Khan RusseyKeo District, Phnompenh, Cambodia	Sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm	8.000.000 USD	N/a	33,00%

(\*) Sở hữu gián tiếp thông qua công ty con

#### 5.4. Danh sách các công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối Ngân hàng:

Nhà nước là cổ đông lớn của BIDV, nắm quyền kiểm soát và cổ phần chi phối BIDV.

#### 6. Hoạt động kinh doanh

##### 6.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:

Các hoạt động kinh doanh chính của BIDV bao gồm:

- ☛ Hoạt động ngân hàng thương mại: bao gồm các hoạt động chính như huy động vốn, hoạt động tín dụng, dịch vụ thanh toán và ngân quỹ, các hoạt động kinh doanh và dịch vụ ngân hàng thương mại khác;
- ☛ Hoạt động ngân hàng bán lẻ, tập trung phục vụ các tầng lớp dân cư, phát triển các sản phẩm, dịch vụ huy động vốn/cho vay/thanh toán đáp ứng mọi nhu cầu tài chính của cá nhân; phát triển các sản phẩm thẻ;
- ☛ Hoạt động ngân hàng đầu tư: BIDV thực hiện hoạt động ngân hàng đầu tư dưới hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty tài chính hoặc loại hình công ty khác mà BIDV nắm giữ cổ phần hoặc có phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

##### a. Hoạt động huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

BIDV thực hiện huy động vốn trên cơ sở các nguyên tắc: (i) Tuân thủ quy định của pháp luật, chính sách tiền tệ và quy định lãi suất của NHNN trong từng thời kỳ; (ii) Đảm bảo công khai, minh



bạch, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bên gửi tiền và BIDV theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; (iii) Thực hiện đúng và đầy đủ các cam kết với khách hàng, các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản của khách hàng và ngân hàng trong huy động vốn; (iv) Gắn liền với sử dụng vốn đảm bảo mục tiêu an toàn và hiệu quả phù hợp với định hướng của HĐQT trong từng thời kỳ.

BIDV thực hiện huy động vốn theo nhiều hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp với nhiều đối tượng khách hàng với các đặc điểm khác nhau: huy động vốn từ cá nhân, tổ chức kinh tế, định chế tài chính phi tín dụng qua các sản phẩm tiền gửi, phát hành giấy tờ có giá; huy động vốn từ nguồn ủy thác của các tổ chức trong nước, nước ngoài; vay tổ chức tín dụng trong nước, nước ngoài... Đồng thời, với định hướng phát triển ngân hàng hiện đại hội nhập quốc tế, BIDV cũng đã triển khai nhiều sản phẩm huy động vốn ứng dụng công nghệ cao, mang lại nhiều tiện ích cho khách hàng.

Các sản phẩm tiền gửi tiêu biểu hiện tại bao gồm:

- ☛ *Tiền gửi thanh toán*: dành cho khách hàng sử dụng dịch vụ thanh toán mở tại Ngân hàng với mục đích gửi, giữ tiền hoặc thực hiện các giao dịch thanh toán qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán. Tài khoản thanh toán có nhiều dịch vụ tiện ích: dịch vụ thẻ, dịch vụ ngân hàng điện tử, chuyển tiền ...
- ☛ *Tài khoản thanh toán đặc biệt*: Tiền gửi chuyên dùng đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam; Tiền gửi vốn đầu tư ra nước ngoài; Tiền gửi ký quỹ; Tiền gửi chuyên thu; Tiền gửi thanh toán chuyên dùng.
- ☛ *Tiền gửi tiết kiệm/tiền gửi có kỳ hạn*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn dành cho khách hàng với mức lãi suất hấp dẫn. Một số sản phẩm tiền gửi kỳ hạn BIDV cung cấp:
  - Sản phẩm tiền gửi thông thường; Tiết kiệm BIDV;
  - *Tiền gửi Online*: là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn được mở qua dịch vụ BIDV Online/BIDV Smartbanking;
  - *Nhóm sản phẩm tiền gửi tích lũy*: Là sản phẩm tiền gửi kỳ hạn, khách hàng có thể gửi định kỳ hoặc gửi theo nhu cầu của khách hàng nhằm tích lũy cho nhu cầu tương lai, sản phẩm tiền gửi: Tích lũy trẻ em “Lớn lên cùng yêu thương”, Tiền gửi Tích lũy Bảo An; Tiết kiệm tích lũy hưu trí; Tiền gửi tích lũy cho khách hàng doanh nghiệp;....
  - *Tiền gửi như ý*: Là sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn mà khách hàng có thể lựa chọn kỳ hạn gửi tiền theo ngày phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn nhằm tối đa lợi ích cho khoảng thời gian vốn nhàn rỗi.

Nguồn vốn huy động của BIDV bao gồm:

- ☛ Tiền gửi và vay từ NHNN và Bộ tài chính



- ☛ Tiền gửi và vay các TCTD khác
- ☛ Tiền gửi của khách hàng
- ☛ Phát hành giấy tờ có giá, phát hành trái phiếu tăng vốn

**Bảng 5: Nguồn vốn huy động trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016		31/12/2017		31/12/2018		30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tiền gửi và vay từ Chính phủ và NHNN	43.392	4,67	77.535	6,96	105.297	8,67	94.246	7,15
Tiền gửi và vay các TCTD khác	92.499	9,96	91.979	8,26	79.198	6,52	89.487	6,79
Tiền gửi của khách hàng	726.022	78,19	859.985	77,25	989.671	81,51	1.084.798	82,30
Phát hành giấy tờ có giá, Trái phiếu tăng vốn	66.642	7,18	83.738	7,52	39.991	3,29	49.544	3,76
<b>Tổng cộng</b>	<b>928.555</b>	<b>100</b>	<b>1.113.237</b>	<b>100</b>	<b>1.214.157</b>	<b>100,00</b>	<b>1.318.075</b>	<b>100,00</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019

- ☛ Tiền gửi của khách hàng

**Bảng 6: Cơ cấu tiền gửi khách hàng trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019**

STT	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
	<b>Tổng tiền gửi khách hàng (tỷ đồng)</b>	<b>726.022</b>	<b>859.985</b>	<b>989.671</b>	<b>1.084.798</b>
1	<b>Phân theo khách hàng (%)</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>N/A</b>
	Dân cư	54,36	54,60	57,83	N/A
	Tổ chức kinh tế, đối tượng khác	45,64	45,40	42,17	N/A
2	<b>Phân theo kỳ hạn (%)</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
	Không kỳ hạn	17,21	18,63	16,35	14,75
	Tiền gửi có kỳ hạn	82,12	80,71	82,86	84,68
	Tiền gửi vốn chuyên dụng	0,68	0,66	0,79	0,57
3	<b>Phân theo loại tiền (%)</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>
	VND	94,19	94,08	94,51	95,46
	Ngoại tệ	5,81	5,92	5,49	4,54



*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019*

Về kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn luôn đóng góp trên 80% tổng nguồn tiền gửi của khách hàng, giúp gia tăng tính ổn định của nguồn vốn. Tại thời điểm 30/09/2019, tiền gửi có kỳ hạn của khách hàng đạt 904.553 tỷ đồng, tăng 97.607 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, tương đương mức tăng trưởng 12,10%.

**Bảng 7: Huy động tiền gửi khách hàng theo kỳ hạn trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
Không kỳ hạn	124.927	160.200	161.859	159.979
Có kỳ hạn	596.174	694.092	820.032	918.656
Tiền gửi vốn chuyên dụng	4.921	5.692	7.779	6.163
<b>Tổng</b>	<b>726.022</b>	<b>859.985</b>	<b>989.671</b>	<b>1.084.798</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019*

Tiền gửi nội tệ luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiền gửi khách hàng của BIDV (trên 90%). Tại 30/09/2019, tổng tiền gửi nội tệ là 1.036.537 tỷ đồng, tăng 100.277 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, tương đương mức tăng trưởng 10,71%.

**Bảng 8: Huy động Tiền gửi khách hàng theo đồng tiền trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	31/12/2018	30/09/2019
VND	683.871	809.067	935.385	1.036.537
Ngoại tệ	42.151	50.918	54.286	29.928
<b>Tổng</b>	<b>726.022</b>	<b>859.985</b>	<b>989.671</b>	<b>1.066.465</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019*

**b. Hoạt động tín dụng**

Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Tại thời điểm 30/09/2019, BIDV có tổng dư nợ tín dụng cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư đạt 1.073.511 tỷ đồng. BIDV hiện là một trong những ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Thu nhập từ hoạt động cho vay chiếm tỷ lệ cao nhất trong cơ cấu thu nhập của BIDV.

☛ **Quy mô và tốc độ tăng trưởng tín dụng**

Tăng trưởng tín dụng bình quân năm của BIDV giai đoạn 2016 – 2018 là 16,9%. Trong 9 tháng đầu năm 2019, tăng trưởng tín dụng của BIDV đạt mức 8,6%. Mục tiêu của BIDV giai đoạn này và



## BẢN CÁO BẠCH

trong giai đoạn tiếp theo là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, chuyển dịch cơ cấu tín dụng, nền khách hàng. Tăng trưởng tín dụng BIDV được kiểm soát chặt chẽ gắn với chất lượng tín dụng. Tăng trưởng tín dụng theo đúng yêu cầu của HĐQT BIDV và đảm bảo tuân thủ chỉ đạo của NHNN.

**Bảng 9: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn trong giai đoạn 2017 – 30/09/2019**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017		2018		30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	502.852	58,01	611.217	61,82	675.381	62,91
Nợ trung hạn	81.746	9,43	71.539	7,24	69.055	6,43
Nợ dài hạn	282.287	32,56	305.983	30,95	329.075	30,65
<b>Tổng</b>	<b>866.885</b>	<b>100</b>	<b>988.739</b>	<b>100</b>	<b>1.073.511</b>	<b>100</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý III/2019

### ☛ Chất lượng nợ cho vay

BIDV định hướng chú trọng quan hệ tín dụng đối với những khách hàng có tình hình tài chính lành mạnh, hạn chế cho vay khách hàng nhóm 2 và không cho vay những khách hàng ở nhóm nợ xấu. Danh mục tín dụng được rà soát thường xuyên để phát hiện kịp thời các khách hàng có biểu hiện yếu kém về tài chính và có tình hình đột biến, có nguy cơ không trả được nợ để chuyển xuống nhóm nợ xấu và đồng thời có biện pháp, kế hoạch xử lý.

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV trong giai đoạn 2017- 9/2019 ở mức dưới 3% do BIDV đã thực hiện đồng bộ các biện pháp ngăn ngừa và xử lý rủi ro kịp thời. Tại thời điểm 30/09/2019, tỷ lệ nợ xấu của BIDV là 2,09%. Phân loại nợ của BIDV theo chất lượng tại cuối kỳ kế toán như sau:

**Bảng 10: Phân loại nợ cho vay theo chất lượng**

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2017		2018		30/09/2019	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	822.298	94,86	946.912	95,76	1.023.944	95,38
Nợ cần chú ý	30.523	3,52	23.025	2,33	27.130	2,53
Nợ dưới tiêu chuẩn	3.750	0,43	5.450	0,55	4.102	0,38
Nợ nghi ngờ	5.084	0,59	6.182	0,63	6.140	0,57
Nợ có khả năng mất vốn	5.230	0,60	7.170	0,73	12.194	1,14
<b>Tổng cộng</b>	<b>866.885</b>	<b>100</b>	<b>988.739</b>	<b>100</b>	<b>1.073.511</b>	<b>100</b>
Nợ xấu	14.064	1,62	18.802	1,91	22.436	2,09

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý III/2019



Từ thời điểm 01/06/2014, BIDV thực hiện việc phân loại nợ đồng thời theo phương pháp định lượng quy định tại Điều 10 của Thông tư 02/2013/TT-NHNN (sau đây gọi là “**Thông tư 02**”) và phương pháp định tính quy định tại Điều 11 của Thông tư này bằng việc áp dụng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ. Đối với các khách hàng không đủ điều kiện xếp hạng tín dụng nội bộ, BIDV thực hiện việc phân loại các khoản cho vay theo phương pháp định lượng dựa trên các quy định tại Điều 10 của Thông tư 02. Tại thời điểm 30/09/2019, tỷ lệ nợ xấu cho vay khách hàng tổ chức kinh tế và dân cư của BIDV là 2,09%; 95,38% dư nợ thuộc nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, tỷ lệ nhóm nợ cần chú ý ở mức 2,53%.

Về khung quản lý rủi ro, BIDV đã ban hành quy định về khung quản lý rủi ro bao gồm: (i) xây dựng chiến lược quản lý rủi ro và hoàn thiện chính sách, quy trình quản lý rủi ro theo từng loại rủi ro; (ii) xác định khẩu vị rủi ro; (iii) tạo lập được cơ cấu tổ chức hướng dẫn theo thông lệ quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị rủi ro. Mặt khác, BIDV đang tích cực áp dụng công nghệ thông tin trong xây dựng, hoàn thiện công cụ quản lý chất lượng như hệ thống các công cụ đo lường rủi ro, hệ thống khởi tạo khoản vay (CROMS),... Ngày 29/11/2019, Thống đốc NHNN Việt Nam (NHNN) đã ban hành Quyết định số 2505/QĐ-NHNN chấp thuận cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) triển khai áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN kể từ ngày 01/12/2019, trước thời hạn hiệu lực của Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

**Bảng 11: Dư quỹ dự phòng rủi ro cho vay khách hàng của BIDV giai đoạn 2017 – 30/09/2019**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Thời điểm	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
31/12/2017	5.077	6.273	11.350
31/12/2018	5.289	7.116	12.405
30/09/2019	7.487	7.862	17.540

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất quý III/2019*

☛ **Hoạt động bảo lãnh**

Hoạt động bảo lãnh là một phần của hoạt động cấp tín dụng và là thế mạnh của BIDV. Tại thời điểm 30/09/2019, số dư bảo lãnh của BIDV đạt 218.601 tỷ đồng.

**c. Hoạt động kinh doanh ngoại hối và hoạt động thanh toán**

Trong giai đoạn 2006 đến nay, hoạt động kinh doanh ngoại hối của BIDV đã đạt được nhiều kết quả khả quan, và đạt được các thành tích như: Giải thưởng của tạp chí Asia Money dành cho Ngân hàng nội địa cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất (2007-2009 và 2013-2016); Giải thưởng “Ngân hàng cung ứng dịch vụ ngoại hối tốt nhất Việt Nam” do tạp chí Global Finance bình chọn năm 2017; Giải thưởng “Ngân hàng nội địa cung cấp dịch vụ ngoại hối tốt nhất” do Asian Banking & Finance bình chọn năm 2018 và 2019; 06 lần nhận giải thưởng Ngân hàng của Năm Việt Nam về quản trị rủi ro và kinh doanh các sản phẩm phái sinh trong các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2017



và 2018 do tạp chí AsiaRisk trao tặng; Giải thưởng ADFIAP do Hiệp hội các Định chế Tài chính Châu Á - Thái Bình Dương trao tặng năm 2007; Giải thưởng của tạp chí Asia Money 4 năm liên tiếp (2013-2016) dành cho Ngân hàng nội địa có hoạt động phái sinh lãi suất tốt nhất và Ngân hàng nội địa có hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh hàng hóa tốt nhất; Ngân hàng nội địa có hoạt động nghiên cứu và phân tích tỷ giá, lãi suất tốt nhất năm 2013, 2014, 2015, 2016 và nhiều giải thưởng quốc tế danh giá khác.

**Bảng 12: Kết quả hoạt động kinh doanh ngoại hối giai đoạn 2016 – 30/09/2019**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	30/09/2019
Lãi thuần từ hoạt động KD ngoại hối	534	668	1.040	1.077

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019*

☛ Dịch vụ ngoại hối

BIDV cung cấp dịch vụ mua bán ngoại tệ với các sản phẩm: mua bán ngoại tệ giao ngay, mua bán ngoại tệ kỳ hạn, hoán đổi ngoại tệ và quyền chọn ngoại tệ với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau (tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính, tổ chức kinh tế, khách hàng cá nhân...). BIDV luôn đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu khách hàng bằng việc cung cấp tỷ giá cạnh tranh và phương thức giao dịch linh hoạt, qua đó góp phần hỗ trợ phát triển các hoạt động khác của ngân hàng như hoạt động tín dụng, thanh toán quốc tế, huy động tiền gửi bằng ngoại tệ...; đồng thời, đưa hoạt động kinh doanh ngoại tệ trở thành hoạt động có đóng góp lớn trong tổng thu nhập dịch vụ tại BIDV.

☛ Dịch vụ phái sinh

BIDV bắt đầu triển khai cung cấp các sản phẩm phái sinh trên toàn hệ thống từ cuối năm 2006. Hiện BIDV là ngân hàng Việt Nam tiên phong trong việc nghiên cứu, triển khai các sản phẩm phái sinh phòng ngừa rủi ro tỷ giá, lãi suất, giá cả hàng hóa trên thị trường Việt Nam và được các ngân hàng đối tác nước ngoài đánh giá rất cao. Từ chỗ bắt đầu với một vài sản phẩm cơ bản năm 2006, đến nay BIDV đã triển khai hơn 20 sản phẩm phái sinh khác nhau trong 02 mảng phái sinh bao gồm phái sinh tài chính và phái sinh hàng hóa như hoán đổi lãi suất một đồng tiền, hoán đổi tiền tệ chéo, đầu tư cơ cấu, hàng hóa tương lai, hoán đổi giá cả hàng hóa, phái sinh hàng hóa OTC... Các sản phẩm phái sinh đa dạng đã mang lại lợi ích rất lớn cho khách hàng, càng khẳng định vị thế dẫn đầu thị trường. Vì vậy, BIDV được các tạp chí uy tín trên thế giới đánh giá rất cao với 6 lần (2012-2015, 2017 và 2018) giành giải thưởng “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam – House of the year, Vietnam” của tạp chí tài chính uy tín Asia Risk và 4 lần liên tiếp (2013-2016) được Tạp chí AsiaMoney bình chọn là “Ngân hàng cung cấp sản phẩm phái sinh tốt nhất thị trường Việt Nam do khách hàng bình chọn”.

☛ Hoạt động thanh toán

Hoạt động thanh toán (bao gồm thanh toán trong nước, thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập



khâu) là một trong ba dòng sản phẩm đóng góp chính trong tổng thu dịch vụ BIDV. Tỷ trọng của mảng dịch vụ thanh toán trong tổng thu dịch vụ của BIDV trong giai đoạn 2016 – 2018 đều chiếm trên 40% tổng thu dịch vụ của BIDV. BIDV cung cấp hàng trăm sản phẩm dịch vụ cho đối tượng khách hàng là cá nhân, tổ chức và định chế tài chính. Doanh thu từ dịch vụ thanh toán của BIDV đạt 2.375,8 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 46% thu dịch vụ ròng toàn hệ thống. 09 tháng đầu năm 2019 doanh thu từ dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế đạt 18.035.020 tỷ VND tăng 31,80%, số lượng giao dịch đạt 32.502.761 tăng 19%, doanh số thanh toán xuất nhập khẩu đạt hơn 24 triệu USD tăng 11,75% so với cùng kỳ năm 2018.

o Dịch vụ Thanh toán trong nước

Đây là dịch vụ thế mạnh của BIDV, được hỗ trợ bởi hệ thống các kênh thanh toán đa dạng, tốc độ xử lý nhanh, an toàn và bảo mật. Ngoài việc tham gia các kênh thanh toán do NHNN tổ chức như thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS), BIDV còn chủ động xây dựng chương trình kết nối thanh toán song phương/đa phương với 37 đối tác là các NHTM, các định chế tài chính, trong đó kết nối giao dịch 24h/7 ngày với NH Công Thương, NH Nông Nghiệp. Đặc biệt, Chương trình hạch toán tự động điện trong nước đến - IMAP xử lý tập trung 100% điện đến của toàn hệ thống BIDV, bình quân xử lý trên 1.7 triệu điện/tháng, tỷ lệ xử lý tự động hoàn toàn lên đến hơn 95%. Năm 2016, BIDV đã vinh dự nhận giải thưởng Sao Khuê với “Chương trình xử lý điện chuyển tiền đến nhanh từ các ngân hàng khác tới BIDV-IMAP” và sản phẩm “Robotic thanh toán bảng kê” năm 2019; giải Bạc hạng mục khu vực tư nhân Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông AICTA (ASEAN ICT Awards) với “Chương trình Thanh toán đa phương”. Hơn thế, BIDV ngân hàng quyết toán bù trừ duy nhất cho các giao dịch nội địa thẻ Master tại Việt Nam.

Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ thanh toán truyền thống, để không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ thanh toán, BIDV đã triển khai các kênh giao dịch hiện đại như Internet/Mobile banking/Smartbanking và ngày càng khẳng định thương hiệu của mình trong việc đón đầu xu thế cung cấp dịch vụ Nộp thuế điện tử, Thanh toán hóa đơn Online, Thu chi hộ điện tử, Quản lý dòng tiền ưu việt, chuyển tiền nhanh liên ngân hàng 24/7, chuyển tiền qua số điện thoại, thu ngân sách qua POS, nộp thuế Hải quan điện tử 24/7. Các sản phẩm dịch vụ này không chỉ được khách hàng đánh giá cao mà còn được các Tổ chức uy tín trong và ngoài nước công nhận danh hiệu như: giải thưởng “Đột phá trong cải cách thủ tục hành chính” do Thời báo kinh tế Việt nam tổ chức; giải thưởng Sao Khuê 2015 với Thanh toán hóa đơn Online (xếp hạng 4 sao); giải thưởng ở hạng mục “Công nghệ và vận hành” 2015 với sản phẩm Cổng kết nối thu thuế điện tử; giải thưởng Ngân hàng điện tử tiêu biểu 2015 của IDG; và giải thưởng Sao Khuê 2016 với “Chương trình xử lý điện chuyển tiền đến nhanh từ các ngân hàng khác tới BIDV-IMAP”; giải Bạc hạng mục khu vực tư nhân Giải thưởng Công nghệ thông tin - Truyền thông AICTA (ASEAN ICT Awards) với “Chương trình Thanh toán đa phương”; giải thưởng “Ngân hàng bán lẻ tiêu biểu nhất” năm 2017 và giải thưởng “Sản phẩm dịch vụ Sáng tạo độc đáo” với sản phẩm BIDV Smart Banking (ứng dụng thanh toán qua điện thoại di động) do Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và Tập đoàn dữ liệu quốc tế (IDG) bình chọn, giải thưởng Top 10 Sao Khuê với sản phẩm BIDV iBank và 02



## **BẢN CÁO BẠCH**

giải thưởng bởi tạp chí The Asian Banker: “Ngân hàng cung cấp dịch vụ thanh toán tốt nhất Việt Nam” và “Ngân hàng giao dịch tốt nhất Việt Nam” năm 2018, NH bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2019 (5 năm liên tiếp: 2015, 2016, 2017, 2018, 2019) do Tạp chí The Asian Banker bình chọn, Top 10 sản phẩm dịch vụ được người tiêu dùng tin tưởng bình chọn và Top 100 sản phẩm dịch vụ Tin & Dùng 2018 -BIDV SmartBanking do Thời báo Kinh tế Việt nam bình chọn.

### o Dịch vụ thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thanh toán xuất nhập khẩu, là 1 trong 3 ngân hàng có hoạt động thanh toán xuất nhập khẩu lớn nhất tại Việt Nam. BIDV cung cấp đầy đủ các sản phẩm thanh toán quốc tế và thanh toán xuất nhập khẩu truyền thống, đồng thời không ngừng phát triển các sản phẩm mới, chú trọng tăng tính tiện ích, giảm thiểu hồ sơ thủ tục và thời gian xử lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của Khách hàng. Với mạng lưới hơn 1.000 ngân hàng đại lý, giao dịch tài khoản trực tiếp với khoảng 50 ngân hàng trên toàn thế giới và nền tảng công nghệ hiện đại đã mang lại khả năng thanh toán an toàn, chính xác và nhanh chóng.

Hoạt động thanh toán quốc tế của BIDV được xử lý tự động ở mức cao và hàng năm được nhiều ngân hàng đại lý đánh giá cao với các giải thưởng như: STP award for International payment (từ 2013-2018) của ngân hàng Bank of NewYork Mellon, STP award for International payment (2018) của ngân hàng Standard Charter Bank, Quality recognition award (2009-2018) của JP Morgan Chase Bank, Operational excellence award (2014-2018) của Wells Fargo Bank, US Dollar Payments Straight Through Processing Excellence Award (2018) của Citi Bank, NH nội địa cung cấp sản phẩm tài trợ XNK tốt nhất Việt Nam năm 2017 do Tạp chí Euromoney bình chọn, NH đối tác hàng đầu tại Việt Nam do NH Phát triển Châu Á (ADB) bình chọn. BIDV thực hiện kết nối nhận và xử lý điện chuyển tiền qua swift 24/7, điện swift về được xử lý tập trung với tỷ lệ tự động lên đến trên 85%.

Trên cơ sở nền tảng kinh nghiệm trong lĩnh vực thanh toán quốc tế, trong năm 2018 BIDV đã triển khai thành công các dự án lớn: (1) HUB SW cho các liên doanh góp vốn trong và ngoài nước về trụ sở BIDV tại Việt Nam; (2) Triển khai Swift GPI với 3 vai trò là ngân hàng gửi điện, ngân hàng trung gian và ngân hàng nhận điện. Điểm khác biệt của BIDV với các Ngân hàng Việt Nam đã triển khai Swift GPI là BIDV đã sử dụng phương thức kết nối API với hệ thống Swift để đồng bộ tức thời trạng thái xử lý điện trên từ hệ thống Swift về hệ thống các chương trình nội bộ của BIDV; (3) Kết nối API với Công ty chuyển tiền nhanh Western Union.

Hoạt động tài trợ thương mại và bảo lãnh quốc tế, chuyển tiền của BIDV được cấp giấy chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức Quacert và được kiểm soát theo Mục tiêu chất lượng công bố công khai về thời gian thực hiện và sự hài lòng của khách hàng.



Bảng 13: Kết quả hoạt động thanh toán trong giai đoạn 2016 – 30/09/2019

Chi tiêu	2016		2017		2018		30/09/2019	
	Giá trị	Tăng trưởng so với 2015 (%)	Giá trị	Tăng trưởng so với 2016 (%)	Giá trị	Tăng trưởng so với 2017 (%)	Giá trị	Tăng trưởng so với 09 tháng đầu năm 2018 (%)
<b>Thanh toán trong nước và quốc tế</b>								
Số lượng giao dịch (triệu)	22,60	27,68	29,97	32,30	38,7	27,8	32,50	19,00
Doanh số thanh toán (nghìn tỷ đồng)	13.705	26,83	16.973	23,80	18.878	8,4	18.035	31,80
<b>Thanh toán xuất nhập khẩu</b>								
Doanh số thanh toán XNK (tỷ USD)	21,62	27,05	25,76	19,15	29,081	14,5	24,34	11,75

Nguồn: BIDV

#### d. Hoạt động ngân hàng đại lý

BIDV là ngân hàng thương mại đã có hơn 25 năm kinh nghiệm quản lý các nguồn vốn ủy thác nước ngoài của các tổ chức tài chính quốc tế WB, ADB, EIB, NIB... và Chính phủ các nước Nga, Đức, Thụy Sĩ, Pháp... BIDV được các Nhà tài trợ, các Bộ ngành tin tưởng giao phục vụ nhiều nguồn vốn thuộc các lĩnh vực khác nhau như giáo dục, giao thông, nước sạch, điện lực, y tế, thích ứng với biến đổi khí hậu... trong đó có những chương trình/dự án lớn như Chương trình hỗ trợ khắc phục khủng hoảng CSF nguồn ADB; Chương trình Cải cách ngành điện giai đoạn 1 (DPL1), Dự án Năng lượng tái tạo (REDP), Dự án Hiệu quả tiết kiệm năng lượng (VEEIEs), Dự án tài chính nông thôn (TCNT) nguồn WB. Với ưu thế trong lĩnh vực tín dụng đầu tư, hệ thống chi nhánh rộng khắp cả nước, đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp trong phục vụ, cho vay lại các nguồn vốn ủy thác nước ngoài cùng khả năng cung cấp nhiều dịch vụ ngân hàng đa dạng có thể hỗ trợ quá trình thực hiện các chương trình/dự án đạt kết quả cao, BIDV là cầu nối hiệu quả cho dòng vốn vay nước ngoài của Chính phủ, đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các chương trình/dự án thành công.

#### 6.2. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

##### a. Tổng quan

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu an toàn, hiệu quả và bền vững, BIDV luôn chủ động, đi đầu trong lĩnh vực quản lý rủi ro. Từ năm 2014, BIDV đã triển khai một loạt công việc nhằm nâng cao hiệu quả của công



## **BẢN CÁO BẠCH**

tác quản lý rủi ro như xây dựng Khung QLRR tổng thể, thành lập Ban Quản lý dự án triển khai Basel và xây dựng lộ trình triển khai Basel. BIDV đã hoàn thành Dự án xây dựng Khẩu vị rủi ro và trở thành NHTM đầu tiên tại Việt Nam thực hiện Tuyên bố Khẩu vị rủi ro năm 2015. Là một trong 10 ngân hàng được lựa chọn để triển khai Basel II theo yêu cầu của NHNN, đến nay, BIDV đã chính thức được công nhận tuân thủ Basel II trước thời hạn.

### **b. Quản lý rủi ro tín dụng**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản lý RRTD, BIDV đã và đang xây dựng hệ thống quản lý RRTD đầy đủ, toàn diện theo quy định của NHNN và dần tiến đến áp dụng các chuẩn mực theo đúng thông lệ quốc tế. Kể từ ngày 01/12/2019, BIDV đã được NHNN công nhận đáp ứng yêu cầu về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu cùng với hàng loạt các chuẩn mực Basel II theo Thông tư 41 của NHNN. Việc quản lý rủi ro tín dụng được tiến hành có hệ thống từ việc xác định khẩu vị rủi ro, đo lường đến việc phòng ngừa, xử lý rủi ro tín dụng. BIDV đã triển khai đồng bộ các biện pháp nhằm quản lý rủi ro tín dụng hiệu quả trong toàn hệ thống.

#### **❖ Định hướng hoạt động tín dụng**

Hoạt động tín dụng của BIDV tăng trưởng ổn định, bền vững phù hợp với phê duyệt của NHNN. Trong từng năm, Ngân hàng xác định cơ cấu, giới hạn tín dụng trong từng ngành nghề, lĩnh vực, thời hạn vay, loại tiền, khu vực địa lý ... khác nhau để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo các mục tiêu kinh doanh trong năm.

#### **❖ Mô hình quản lý rủi ro**

Hiện nay, BIDV thực hiện phân cấp thẩm quyền trong phán quyết tín dụng từ các cấp tại Hội sở chính (Hội đồng quản trị, Ủy Ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng TW, Ban điều hành...) đến các cấp, chức danh tại Chi nhánh. Việc phân cấp cho các cấp, chức danh điều hành tại Chi nhánh đảm bảo phù hợp theo các quy trình cấp tín dụng bán buôn, bán lẻ và mức phân cấp được Hội sở chính rà soát, giao hàng năm cho từng chi nhánh căn cứ vào tình hình hoạt động thực tế, mục tiêu kiểm soát rủi ro tín dụng của chi nhánh. Các tiêu chí để xác định mức thẩm quyền phán quyết tín dụng đối với Chi nhánh bao gồm: (i) hiệu quả tín dụng; (ii) chất lượng hoạt động tín dụng; (iii) quy mô dư nợ của Chi nhánh; (iv) hiệu quả, năng lực quản trị điều hành của chi nhánh và (v) các căn cứ khác.

Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng tại BIDV được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp. BIDV đã thành lập Ủy ban Quản lý Rủi ro trực thuộc HĐQT; Hội đồng Tín dụng trung ương trực thuộc Tổng giám đốc và Hội đồng tín dụng cơ sở thuộc chi nhánh. Bên cạnh đó, hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại ba miền và quản lý tập trung tại Trụ sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV có thể phòng ngừa và hạn chế được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

#### **❖ Quy trình đánh giá rủi ro tín dụng:**



BIDV không ngừng hoàn thiện quy trình quản trị rủi ro thông qua việc (i) thường xuyên rà soát quy trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và nền khách hàng của BIDV, (ii) xác định khẩu vị và chiến lược rủi ro từng thời kỳ và (iii) triển khai các dự án nhằm tăng cường và hiện đại hóa việc quản trị rủi ro của Ngân hàng như: xây dựng hệ thống công cụ đo lường rủi ro hiện đại, hệ thống khởi tạo khoản vay (CROMS),...

Về quản trị danh mục tín dụng: Trên cơ sở chiến lược phát triển từng thời kỳ (định hướng kinh doanh, khách hàng và thị trường mục tiêu) BIDV đã xây dựng và ban hành chiến lược và khẩu vị rủi ro/ giới hạn tín dụng theo ngành/lĩnh vực... nhằm mục tiêu đa dạng hóa danh mục tín dụng, kiểm soát rủi ro đảm bảo an toàn và hiệu quả tối ưu. Theo đó BIDV đẩy mạnh cho vay đối với các ngành được đánh giá có triển vọng tốt; ngành được chính phủ ưu tiên nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc phân tán rủi ro, không tập trung vào một số ít ngành lĩnh vực, đồng thời hạn chế cho vay đối với các ngành có độ rủi ro cao và các ngành không phù hợp với chiến lược phát triển của Việt Nam và xu hướng hội nhập quốc tế,...

❖ Công cụ quản lý rủi ro:

BIDV đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro thông qua việc xây các công cụ phục vụ mục tiêu quản trị rủi ro hệ thống như: Hệ thống thông tin quản lý (MIS); Hệ thống XHTD nội bộ (liên tục cải tiến và hoàn thiện nhằm phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro để thực hiện phân loại nợ và áp dụng các chính sách phù hợp)... Ngoài ra, BIDV đang phối hợp cùng tư vấn xây dựng triển khai các dự án nhằm QTRR theo các thông lệ quốc tế như: Dự án đo lường rủi ro hiện đại (IRB), dự án hệ thống thông tin quản lý khoản vay (CROMS), các công cụ mới như thử nghiệm khủng hoảng (stress test), mô hình xác định VaR theo phương pháp Monte Carlo... vào thực tiễn hoạt động của ngân hàng để ngày càng hoàn chỉnh hệ thống công cụ QLRR thị trường đáp ứng yêu cầu quản lý rủi ro của NHNN và hướng theo thông lệ quốc tế.

BIDV thực hiện Phân loại nợ định kỳ theo cả phương pháp định lượng và phương pháp định tính được quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Thông tư 02/2013/NHNN ngày 21/01/2013, trường hợp kết quả phân loại một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải sử dụng kết quả phân loại nhóm nợ đối với khách hàng do Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: Nợ đủ tiêu chuẩn, Nợ cần chú ý, Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn. Các khoản nợ được phân loại là Nợ dưới tiêu chuẩn, Nợ nghi ngờ và Nợ có khả năng mất vốn được coi là nợ xấu.

Dự phòng chung được tính bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ, các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể được phân loại từ nhóm 1 đến nhóm 4.

Dự phòng cụ thể được tính bằng giá trị còn lại của khoản nợ trừ giá trị của tài sản bảo đảm đã được chiết khấu theo các tỷ lệ được quy định của NHNN:



STT	Hạng	Nhóm nợ	Phân loại nợ	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	AAA	Nhóm 1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	AA+			
3	AA			
4	AA-			
5	A+			
6	A			
7	A-			
8	BBB			
9	BB+			
10	BB			
11	BB-	Nhóm 2	Nợ cần chú ý	5%
12	B			
13	D1	Nhóm 3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
14	D2	Nhóm 4	Nợ nghi ngờ	50%
15	D3	Nhóm 5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Ngoài ra, BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. Các thông tin về danh mục tín dụng, chất lượng tín dụng ... đều được báo cáo Hội đồng Quản trị và Ban điều hành theo định kỳ hoặc đột xuất.

BIDV duy trì hệ thống thông tin báo cáo để phục vụ cả mục tiêu quản lý nội bộ và nhằm báo cáo các cơ quan chức năng. BIDV đã hoàn tất dự án hiện đại hoá, theo đó BIDV có thể khai thác thông tin về khách hàng, nhóm khách hàng, danh mục tín dụng tự động từ hệ thống. Các thông tin về danh mục tín dụng, nợ xấu, các khoản nợ cần chú ý, chất lượng tín dụng ... đều được báo cáo định kỳ lên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành.

Hiện tại, BIDV cũng đang triển khai các dự án nhằm nâng cao hơn nữa năng lực quản lý rủi ro tín dụng như Dự án Khung quản lý rủi ro tổng thể, dự án Hệ thống khởi tạo khoản vay (LOS), Dự án nâng cấp Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ... nhằm hỗ trợ tích cực cho việc quản lý rủi ro trong ngân hàng, từ đó tiến đến áp dụng các mô hình định lượng rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế về quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng (Basel II).

### c. Quản lý rủi ro thanh khoản

BIDV triển khai QLRR thanh khoản theo đúng các quy định của NHNN tại thông tư 36/2014/TT-NHNN (và các văn bản sửa đổi bổ sung) và thông tư 13/2018/TT-NHNN. QLRR thanh khoản được thực hiện tập trung tại trụ sở chính với cơ cấu tổ chức được thiết lập theo mô hình 3 tuyến bảo vệ. Hệ thống văn bản chế độ về QLRR thanh khoản được ban hành đồng bộ từ chính sách, quy định đến các cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ, trong đó xác định rõ phương pháp, mô hình đo lường rủi ro thanh khoản, trách nhiệm của từng đơn vị thực hiện, biện pháp xử lý, khắc phục trong trường hợp rủi ro thanh khoản xảy ra. Bên cạnh các chỉ tiêu an toàn thanh khoản theo quy định của NHNN, BIDV còn thiết lập giới hạn đối với hệ thống chỉ tiêu nội bộ và dấu hiệu cảnh báo sớm;



thực hiện tính toán, theo dõi và báo cáo hàng ngày để đưa ra các cảnh báo kịp thời.

BIDV luôn bám sát các diễn biến của thị trường, nhu cầu thanh toán của khách hàng và dự kiến các tình huống bất lợi để chuẩn bị sẵn các kịch bản điều hành cân đối vốn phù hợp. Kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản cũng được thực hiện định kỳ 2 lần/năm nhằm xác định khả năng chống đỡ của ngân hàng trước các điều kiện căng thẳng thanh khoản, từ đó có biện pháp dự phòng ứng phó phù hợp. BIDV cũng đã xây dựng mô hình hành vi khách hàng cho một số sản phẩm chính để dự đoán chính xác hơn dòng tiền thực tế, qua đó tăng cường hiệu quả công tác QLRR thanh khoản. Các chỉ tiêu QLRR thanh khoản theo Basel III, trang bị giải pháp ALM theo thông lệ cũng đang được đẩy mạnh nghiên cứu triển khai.

#### **d. Quản lý rủi ro thị trường, hoạt động và Phòng, chống rửa tiền**

Để quản lý rủi ro hoạt động, BIDV đã xây dựng cơ cấu tổ chức QLRRHĐ theo mô hình 3 tuyến bảo vệ, đồng thời ban hành đầy đủ hệ thống chính sách, các quy định và văn bản hướng dẫn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của NHNN và phù hợp với thực tế hoạt động của ngân hàng.

BIDV đã thiết lập hệ thống hạn mức RRHĐ bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN, xây dựng ngưỡng cảnh báo và cơ chế theo dõi, giám sát tình hình tuân thủ hạn mức và cảnh báo sớm đối với các trường hợp có nguy cơ vi phạm hạn mức RRHĐ. Đồng thời, BIDV đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các công cụ QLRRHĐ tương đối đầy đủ, tuân thủ quy định của NHNN, phù hợp với khuyến nghị của Basel và thông lệ quốc tế như: (i) Tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA); (ii) Chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI); (iii) Thu thập và phân tích dữ liệu tổn thất RRHĐ (LDC); (iv) Sử dụng phát hiện của kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập. BIDV cũng đã triển khai QLRRHĐ đối với sản phẩm mới, hoạt động trong thị trường mới; hoạt động thuê ngoài; ứng dụng công nghệ và xây dựng, triển khai Kế hoạch duy trì hoạt động liên tục (BCP). Ngoài ra, BIDV đã chủ động nghiên cứu các phương pháp tính vốn yêu cầu cho RRHĐ theo Basel II, triển khai tính vốn yêu cầu cho RRHĐ theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN.

Việc xây dựng và phát triển các chương trình, giải pháp phần mềm đã và đang được BIDV nghiên cứu, triển khai nhằm hỗ trợ công tác QLRRHĐ. BIDV cũng đã xây dựng và triển khai hệ thống báo cáo RRHĐ định kỳ, đột xuất bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN và phù hợp với tình hình thực tế.

BIDV luôn chú trọng việc nâng cao kiến thức, nhận thức và văn hóa quản lý rủi ro trong hệ thống thông qua việc triển khai các chương trình đào tạo về QLRRHĐ định kỳ, xây dựng thư viện đào tạo QLRRHĐ để cập nhật kiến thức đến các đơn vị/cán bộ trong hoàn hệ thống.

#### **e. Quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh**

BIDV đã xây dựng hệ thống chính sách, quy định về quản lý rủi ro thị trường quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh đầy đủ, đồng bộ và định kỳ được rà soát, chỉnh sửa nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động thực tế và phù hợp với thông lệ.



## **BẢN CÁO BẠCH**

BIDV đã chủ động nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý rủi ro thị trường, quản lý rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh theo thông lệ Basel như: Đo lường giá trị chịu rủi ro (VaR) ngoại hối, lãi suất, cổ phiếu và trái phiếu hàng ngày, hệ thống hạn mức và kiểm soát rủi ro LCS; Thực hiện kiểm nghiệm giả thuyết (backtest) đối với các mô hình VaR; Xác định vốn yêu cầu tối thiểu đối với rủi ro thị trường; Thử nghiệm khủng hoảng (stresstest) được thực hiện thí điểm định kỳ 6 tháng. Ngoài ra, BIDV còn áp dụng một số công cụ khác phù hợp với mỗi loại rủi ro như BPV, trạng thái...

Năm 2014, BIDV đã đưa vào triển khai hệ thống Kondor (trong đó có cấu phần MLS và MGR), giúp BIDV tính toán, giám sát hệ thống hạn mức quản lý rủi ro thị trường hàng ngày và theo thời gian thực.

Năm 2019, BIDV đã triển khai dự án thuê ngoài “Tư vấn tăng cường hiệu quả hệ thống công cụ quản lý rủi ro thị trường” đã cơ bản đủ điều kiện đóng các chênh lệch chính trong công tác quản lý rủi ro thị trường tại Lộ trình triển khai Basel tại BIDV, theo mục tiêu “áp dụng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực của Ủy ban Basel II và quy định của cơ quan quản lý nhà nước”.

### **f. QLRR lãi suất số ngân hàng**

QLRR lãi suất số ngân hàng được BIDV thực hiện tập trung tại trụ sở chính với việc thiết lập mô hình 3 tuyến bảo vệ theo đúng quy định của NHNN và phù hợp thông lệ. Hệ thống văn bản chế độ, cẩm nang hướng dẫn nghiệp vụ cũng được ban hành đồng bộ. BIDV đã áp dụng đầy đủ bộ công cụ QLRR lãi suất số ngân hàng theo thông lệ bao gồm Trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất; Thay đổi thu nhập lãi thuần (NII); Khe hở thời lượng; Thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (EVE). Tất cả các chỉ tiêu này được hỗ trợ tính toán tự động hàng ngày thông qua chương trình QLRR lãi suất.

Tương ứng với các chỉ tiêu đo lường nêu trên, BIDV xác lập hệ thống hạn mức/ngưỡng cảnh báo phù hợp với khẩu vị rủi ro lãi suất số ngân hàng (được xác lập dựa trên mức thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu tối đa khi thực hiện cú sốc lãi suất theo khuyến nghị của Ủy ban Basel). Các kết quả đo lường và tình hình tuân thủ hạn mức được theo dõi, báo cáo hàng ngày, qua đó có thể đưa ra các biện pháp điều chỉnh trạng thái rủi ro kịp thời, giảm thiểu tổn thất có thể xảy ra. Ngoài ra, BIDV đã đều đặn thực hiện kiểm tra sức chịu đựng đối với rủi ro lãi suất số ngân hàng định kỳ 6 tháng từ năm 2014 với phương pháp đang tiếp tục được hoàn thiện căn cứ trên các khuyến nghị của Ủy ban Basel.

### **g. Phòng, chống rửa tiền**

BIDV luôn nỗ lực đi đầu trong việc triển khai Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Phòng, chống khủng bố, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước về Phòng, chống rửa tiền. BIDV luôn hợp tác đầy đủ với Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng (Cục Phòng chống rửa tiền) và các cơ quan quản lý liên quan trong việc báo cáo giao dịch đáng ngờ, cung cấp thông tin theo yêu cầu, đánh giá rủi ro. BIDV luôn chú trọng thực hiện công tác đào tạo, tập huấn nâng cao nhận



thức về phòng chống rửa tiền cho các cán bộ trong toàn hệ thống, đặc biệt là các cán bộ quản lý khách hàng, cán bộ trực tiếp thực hiện giao dịch với khách hàng. Bên cạnh đó, BIDV đã và đang triển khai có hiệu quả một số công cụ Phòng chống rửa tiền như công cụ lọc điện thanh toán quốc tế, tra cứu thông tin danh sách đen của Liên Hợp quốc, Liên minh Châu Âu, Mỹ,... Hiện nay, BIDV đang triển khai dự án “Đầu tư hệ thống lọc điện SWIFT theo mô hình SWIFT HUB”, nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng công tác Phòng, chống rửa tiền, bảo đảm an toàn trong hoạt động của BIDV, ngăn chặn các hành vi lợi dụng BIDV để thực hiện rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ vũ khí hủy diệt hàng loạt. Hàng năm, BIDV đều thực hiện kiểm toán nội bộ công tác phòng, chống rửa tiền tại Trụ sở chính và các chi nhánh.

Với những nỗ lực không ngừng, trong năm 2014, BIDV đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước tặng bằng khen vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc trong công tác Phòng, chống rửa tiền.

BIDV đã có những đóng góp không nhỏ trong thành tựu chung của Việt Nam về công tác phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, được chọn tham gia trả lời phỏng vấn trực tiếp của Đoàn đánh giá đa phương APG về công tác PCRT/PCKB tại Việt Nam năm 2019.

#### **h. Quản lý rủi ro pháp lý**

Rủi ro pháp lý là những sự kiện pháp lý bất lợi nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại vật chất hoặc phi vật chất đối với hoạt động của doanh nghiệp. Rủi ro nói chung và rủi ro pháp lý trong hoạt động ngân hàng luôn được đề cao hơn vì kinh doanh ngân hàng là loại hình kinh doanh đặc biệt, tiềm ẩn nhiều rủi ro và có khả năng gây tác động đồ vỡ mang tính hệ thống.

Tại BIDV, hoạt động quản lý, kiểm soát và hạn chế rủi ro pháp lý luôn được tôn trọng, đề cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật. Theo đó, các hoạt động để quản lý rủi ro pháp lý của BIDV được thể hiện trên các mặt:

- ✦ Đối với từng mảng nghiệp vụ hoạt động đã xây dựng và ban hành hệ thống quy định, quy trình, quy chế, mẫu biểu hướng dẫn thực hiện tất cả các mảng nghiệp vụ để áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống; thường xuyên hệ thống hóa, pháp điển hóa để đảm bảo sự thống nhất, phù hợp;
- ✦ Thẩm định pháp lý toàn diện đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật đối với tất cả các văn bản chế độ nội bộ của BIDV trước khi ban hành và áp dụng trên thực tế;
- ✦ Tư vấn pháp lý thường xuyên trong mọi hoạt động BIDV, đặc biệt là tư vấn xử lý tranh chấp, thu hồi nợ;
- ✦ Đào tạo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật và văn bản chế độ nội bộ cho cán bộ toàn hệ thống;
- ✦ Giám sát, kiểm tra sau đối với quá trình triển khai thực hiện văn bản quy phạm pháp luật và văn bản nội bộ;



## BẢN CÁO BẠCH

- ☛ Luôn cập nhật các chính sách, quy định pháp luật mới ban hành;
- ☛ Chủ động: (a) nghiên cứu, tham gia quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động của BIDV từ đó nắm bắt xu hướng thay đổi chính sách pháp luật và có định hướng hoạt động phù hợp; và (b) kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi các mâu thuẫn, bất cập, chông chéo tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.
- ☛ Thường xuyên kiện toàn, tăng cường, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ pháp chế đảm bảo đủ năng lực đáp ứng nhu cầu tư vấn pháp lý ngày càng tăng đối với hoạt động nghiệp vụ trong toàn bộ hệ thống.

Đối với các giao dịch có giá trị lớn, tính chất phức tạp hoặc liên quan đến yếu tố nước ngoài, BIDV chỉ định các công ty luật có uy tín, kinh nghiệm để tư vấn nhằm đảm bảo chặt chẽ, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và hạn chế các rủi ro pháp lý. Bên cạnh sự hỗ trợ từ Ban Pháp chế, các đơn vị thành viên cũng được phép thuê luật sư bên ngoài để giải quyết các vấn đề pháp lý của mình.

### 6.3. Thị trường hoạt động

#### a. Mạng lưới chi nhánh và công ty trực thuộc

Tính đến 30/09/2019, BIDV có 190 chi nhánh (bao gồm 189 chi nhánh tại Việt Nam và 01 chi nhánh nước ngoài). Mô hình chi nhánh tại Việt Nam có cơ cấu tổ chức quy định tại mục 3.6 Cấu trúc các chi nhánh. Ngoài ra, tính đến thời điểm 30/09/2019, BIDV có mười một (11) công ty con và năm (05) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư được thể hiện tại mục 5.2 - Danh sách các công ty con tại ngày 30/09/2019 và 5.3 – Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30/9/2019.

#### b. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

##### Về mạng lưới khách hàng

##### - Khách hàng doanh nghiệp lớn

Phân khúc khách hàng doanh nghiệp lớn của BIDV là các khách hàng có doanh thu bình quân 2 năm gần nhất trên 500 tỷ đồng hoặc giới hạn cấp tín dụng trên 200 tỷ đồng hoặc tiền gửi bình quân 2 năm gần nhất trên 50 tỷ đồng. Theo đó, BIDV đã tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế chính sách khách hàng linh hoạt phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Năm 2019, BIDV đang có 2.355 khách hàng doanh nghiệp lớn trong đó tập trung chủ yếu ở địa bàn Hà Nội (766 khách hàng), địa bàn TP. Hồ Chí Minh (550 khách hàng). Trong 2.355 khách hàng này, tập trung theo ngành nghề: Thương mại dịch vụ (534 khách hàng), Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (253 khách hàng), Sản xuất chế biến thực phẩm (151 khách hàng), Sản xuất và phân phối điện khí đốt (118 khách hàng).



- Khách hàng doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).

Về số lượng khách hàng DNNVV: Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng KHDNNVV tại BIDV (bao gồm cả đơn vị hành chính sự nghiệp) đạt 286.666 khách hàng (tăng trưởng 22.870 khách hàng so với năm 2018, tương ứng 8%).

Về địa bàn: Khách hàng DNNVV của BIDV trải rộng cả 03 miền Bắc – Trung – Nam. Trong đó, khu vực miền Bắc chiếm tỷ trọng lớn nhất (đạt 157.499 khách hàng chiếm tỷ trọng 54,9%), khu vực miền Nam chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 (đạt 87.943 khách hàng chiếm tỷ trọng 30,7%), cuối cùng là khu vực miền Trung (đạt 41.224 khách hàng chiếm tỷ trọng 14,4%). Về cơ bản nền khách hàng hiện đang có xu hướng tập trung chủ yếu tại 02 địa bàn chính là TP Hà Nội (bao gồm 68.557 khách hàng, chiếm tỷ trọng 23,9%) và TP Hồ Chí Minh (bao gồm 39.426 khách hàng, chiếm tỷ trọng 13,7%).

Về ngành nghề kinh doanh: Hiện BIDV đang có quan hệ với các khách hàng DNNVV ở đa dạng các ngành nghề khác nhau. Trong đó khách hàng hoạt động trong các ngành nghề như Bán buôn, bán lẻ (gồm 78.303 khách hàng, chiếm tỷ trọng 27,3%), Xây dựng (gồm 55.181 khách hàng, chiếm tỷ trọng 19,2%), Công nghiệp chế biến chế tạo (gồm 42.237 khách hàng, chiếm tỷ trọng 14,7%), Vận tải kho bãi (gồm 15.065 khách hàng, chiếm tỷ trọng 5,3%), Hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ (gồm 13.957 khách hàng, chiếm tỷ trọng 4,9%), Giáo dục và đào tạo (gồm 11.240 khách hàng, chiếm tỷ trọng 3,9%), các ngành khác (gồm 70.683 khách hàng, chiếm tỷ trọng 24,7%).

- Khách hàng doanh nghiệp nước ngoài (FDI).

Hiện nay, số lượng khách hàng FDI tại BIDV là hơn 4.500 khách hàng từ nhiều quốc gia như Hàn Quốc, Nhật Bản, Singapore, Đài Loan... Mạng lưới khách hàng FDI trải rộng trên toàn quốc, tập trung tại các địa bàn thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai,... Ngành nghề kinh doanh của khối khách hàng FDI đa dạng, trong đó một số ngành nghề nổi bật, thu hút nhiều vốn đầu tư như công nghiệp chế biến, chế tạo, xây dựng, kinh doanh bất động sản...

- Khách hàng Định chế tài chính

Theo đối tượng khách hàng bao gồm:

- ĐCTC là Tổ chức tín dụng: bao gồm ĐCTC trong nước: 35 NHTM Việt Nam, 11 Công ty tài chính, 1 Công ty cho thuê tài chính, 8 quỹ nhân dân cơ sở và 2 tổ chức tài chính vi mô; và ĐCTC nước ngoài: 474 ngân hàng đại lý nếu xét theo cấp độ ngân hàng mẹ, tại 98 quốc gia trên thế giới.
- ĐCTC phi TCTD: bao gồm ĐCTC Việt Nam đặc biệt: BHXH, Bộ Tài Chính, Hải Quan, Kho Bạc Nhà nước, các Quỹ ngoài ngân sách...; và ĐCTC Việt Nam thương mại: Các công ty chứng khoán (275 CIF khách hàng), bảo hiểm (200 CIF khách hàng), Các quỹ cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương, các sở tài chính (350 CIF khách hàng)



## **BẢN CÁO BẠCH**

- ĐCTC là tổ chức đa phương: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB); Ngân hàng Thế giới (World Bank), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF); ĐCTC Tài chính Quốc tế (IFC) và Hiệp hội Ngân hàng Trung Quốc - ASEAN (CAIBA)

Về Địa bàn quản lý khách hàng: bao gồm thị trường Việt Nam và các quốc gia trên thế giới

- Khách hàng cá nhân

Tính đến 30/09/2019, BIDV đã đạt trên 10 triệu khách hàng cá nhân, chiếm ~10% dân số cả nước, tốc độ tăng trưởng số lượng khách hàng cá nhân trung bình đạt 14%/năm, trong đó 33% số lượng khách hàng tập trung ở 2 thành phố lớn là Hà Nội và Tp.Hồ Chí Minh. Tỷ lệ khách hàng hoạt động thường xuyên (Active) đạt 57%, trung bình mỗi khách hàng Active đăng ký sử dụng 3.9 sản phẩm dịch vụ ngân hàng bán lẻ.

### **Về sản phẩm dịch vụ dành cho khách hàng**

- Khách hàng doanh nghiệp

*Sản phẩm cho vay:* BIDV hiện đang có rất nhiều nhóm sản phẩm tín dụng đa dạng. Trong đó bao gồm nhóm sản phẩm liên quan tới lãi suất và kỳ hạn cho vay (ngắn hạn và vay trung dài hạn), các sản phẩm tín dụng, cơ chế đặc thù cho từng quy mô và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp (cơ chế cấp tín dụng đối với DN siêu nhỏ, cơ chế tín dụng đặc thù dành cho SME, sản phẩm tài trợ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, Tài trợ doanh nghiệp cung ứng, tài trợ nhà phân phối trong các lĩnh vực tiềm năng, tài trợ các chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp đầu ngành), các gói tín dụng ưu đãi lãi suất cho KHDNNVV...

*Sản phẩm tiền gửi:* Bên cạnh danh mục sản phẩm dùng chung cho đối tượng khách hàng doanh nghiệp đã khá đa dạng và tương đồng với các Ngân hàng thương mại khác trên thị trường, BIDV thường xuyên nắm bắt nhu cầu gửi tiền/quản lý dòng tiền đặc biệt của khách hàng để kịp thời nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tiền gửi đặc thù cho từng khách hàng/nhóm khách hàng doanh nghiệp nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu đặc thù của doanh nghiệp, từ đó góp phần duy trì và gia tăng nguồn tiền gửi ổn định vào hệ thống BIDV (như sản phẩm tiền gửi đặc thù dành cho các khách hàng Sở KHĐT, Văn phòng tinh uy, Ban quản trị nhà chung cư, Cục/chi cục thi hành án, công đoàn cơ sở của các trường học, đơn vị hành chính sự nghiệp khác...)

*Các sản phẩm dịch vụ khác:* ngoài các sản phẩm liên quan tới huy động vốn và tín dụng, BIDV hiện đang cung cấp các sản phẩm phi tín dụng đa dạng tới khách hàng doanh nghiệp. Ngoài các sản phẩm về tài trợ thương mại như Cho vay thực hiện hợp đồng xuất khẩu, Tài trợ nhập khẩu theo hợp đồng khung, Thanh toán CAD, UPAS L/C, UPAS nhờ thu, UPAS VNĐ, Chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất, Forfaiting, Tài trợ L/C nội địa, L/C giáp lưng hoặc các sản phẩm thanh toán và quản lý tiền tệ như: Thanh toán lương, Thanh toán tự động dành cho KHDN, Sản phẩm BIDV iBank (bao gồm QLDT, KSDT),..., BIDV đang tập trung phát triển sản phẩm dịch vụ thanh toán, thu hộ với hàm lượng công nghệ cao đặc biệt được quan tâm, chú trọng nhằm nâng cao tiện ích cho khách hàng sử dụng như Thu hộ học phí, thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, truyền hình cáp, thanh toán



lượng, nộp thuế điện tử và các dịch vụ thành toán không dùng tiền mặt khác nhằm tăng thu phí dịch vụ và thu hút nguồn tiền gửi KKH với chi phí thấp của khách hàng DNNVV. Trong đó đặc biệt BIDV đã triển khai Dịch vụ cung cấp tài khoản online cho doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tại Sở KHĐT TP. Hà Nội - đây là một dịch vụ mới, chưa từng được thực hiện tại BIDV cũng như tại các Sở KHĐT trong cả nước.

- Khách hàng cá nhân

Năm 2019, BIDV đã triển khai nhiều sản phẩm ứng dụng công nghệ số, kết hợp với việc xây dựng một hành trình khách hàng khép kín, đưa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng số trở thành lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ. Danh mục sản phẩm bán lẻ của BIDV hiện nay gồm hơn 100 sản phẩm, chia thành một số nhóm sản phẩm chính như sau:

- Tiền gửi là sản phẩm có thế mạnh của BIDV và có ưu thế vượt trội về quy mô so với các ngân hàng thương mại khác trên thị trường. Tổng quy mô huy động vốn dân cư của BIDV đến 30/09/2019 đạt 621.432 tỷ đồng, chiếm hơn 52% tổng huy động vốn của BIDV. Để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, BIDV đã triển khai nhiều sản phẩm huy động theo từng đối tượng khách hàng với cơ cấu kỳ hạn hợp lý cùng các chương trình khuyến mại hấp dẫn như gói sản phẩm dành cho khách hàng đồ lương, khách hàng sinh viên, khách hàng là doanh nhân, khách hàng là nhân viên văn phòng. Bên cạnh các sản phẩm tiền gửi truyền thống, BIDV tích cực triển khai sản phẩm Tiền gửi Online qua Smartbanking và BIDV online tạo thiện cảm rất tốt với khách hàng, giúp khách hàng vượt qua các giới hạn về thời gian cũng như không gian trong việc quản lý tài sản của mình. Dự kiến thời gian tới BIDV sẽ triển khai sản phẩm Tiền gửi Tích lũy Online trên Smartbanking.
- Cho vay bán lẻ cũng là sản phẩm lợi thế của BIDV với quy mô dư nợ bán lẻ dẫn đầu thị trường, thị phần dư nợ bán lẻ khoảng 9,4%. Đến 30/09/2019, tổng dư nợ bán lẻ đạt 357.019 tỷ đồng, chiếm 34% tổng dư nợ của BIDV. Trong các sản phẩm cho vay, BIDV đặc biệt có ưu thế với sản phẩm cho vay nhà ở, đây là sản phẩm 5 năm liên tiếp được bình chọn là sản phẩm cho vay tốt nhất Việt Nam của tạp chí The Asian Banker. Với sự phát triển của công nghệ số, BIDV đang nghiên cứu Ứng dụng cho vay nhà ở nhằm tối ưu hóa hành trình khách hàng với các chức năng hỗ trợ khách hàng vay vốn tìm kiếm nhà ở, tính toán ngân sách, đăng ký vay, tra cứu thông tin, đồng thời hỗ trợ cán bộ BIDV và chủ đầu tư dự án bất động sản trong việc đăng tải thông tin về dự án. Dự kiến sản phẩm sẽ triển khai vào đầu năm 2020. Ngoài sản phẩm thế mạnh là cho vay nhu cầu nhà ở, BIDV cũng đang nghiên cứu triển khai Ứng dụng cho vay cầm cố tiền gửi online, nhằm mục đích gia tăng tiện ích và thuận tiện đối với khách hàng, đa dạng kênh bán hàng, đa dạng hóa sản phẩm tín dụng bán lẻ, tăng khả năng cạnh tranh của BIDV trên thị trường, tăng hàm lượng công nghệ đối với sản phẩm tín dụng bán lẻ của BIDV, giảm thời gian tác nghiệp của cán bộ, giảm thiểu thủ tục hồ sơ chứng từ, tiết kiệm thời gian của khách hàng. Dự kiến sản phẩm sẽ triển khai vào đầu năm 2020.
- Dịch vụ thanh toán cá nhân là sản phẩm truyền thống và đóng góp lớn nhất trong tổng thu dịch vụ bán lẻ của BIDV. Với kinh nghiệm lâu năm trong cung ứng các dịch vụ thanh toán



cho các ngân hàng trong nước và nước ngoài tại Việt Nam, BIDV đã xây dựng các sản phẩm dịch vụ thanh toán cho khách hàng với nhiều lợi ích vượt trội, thời gian thanh toán nhanh chóng, chính xác, mức độ bảo mật cao. Ngoài ra, BIDV cũng đã chính thức vận hành SWIFT GPI (Global Payments Innovation) vào tháng 09/2018 và là ngân hàng duy nhất tại Việt Nam đã triển khai cả 3 vai trò đại lý GPI: Ngân hàng Người chuyển tiền (Instructing Bank), Ngân hàng Trung gian (Intermediary Bank), Ngân hàng Người hưởng (Instructed Bank).

- Dịch vụ ngân hàng điện tử là sản phẩm mới nhất song có tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong danh mục sản phẩm của BIDV. Số lượng giao dịch tài chính qua kênh số 10 tháng đầu năm 2019 đạt hơn 110 triệu giao dịch, dự kiến cuối năm đạt 133 triệu giao dịch tăng gần 58% so với năm 2018. Số lượng khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng số tăng gần 1,2 triệu khách hàng, nâng tổng số khách hàng sử dụng dịch vụ IBMB đạt hơn 6 triệu. BIDV là ngân hàng kết nối nhiều nhất với các công ty Fintech với 22/30 trung gian thanh toán và 600 nhà cung cấp dịch vụ trực tiếp để triển khai các dịch vụ thanh toán tiền điện, nước, học phí, viễn thông, chứng khoán. BIDV thường xuyên nâng cấp các sản phẩm ngân hàng điện tử và bổ sung các tính năng số hóa cho các sản phẩm BIDV online, BIDV Smartbanking, Bankplus, BSMS; trong đó có một số tính năng nổi trội mới triển khai như: Mở rộng triển khai công nghệ AI nhận diện giọng nói trên Smartbanking, xây dựng bàn phím thông minh trên Smartbanking, triển khai giải pháp Smart OTP thay cho tin nhắn qua SMS tích hợp sẵn trong Smartbanking đảm bảo an toàn, tiết kiệm, triển khai hệ thống tích điểm đổi quà, đăng ký nhận thông báo cước tiền điện, tiền nước viễn thông truyền hình qua tin nhắn OTT, thông báo chương trình khuyến mại/dịch vụ mới.

### c. Thị phần và khả năng cạnh tranh

#### Quy mô đứng đầu thị trường, thị phần ngày càng tăng

Theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019 của các ngân hàng, BIDV đang dẫn đầu hệ thống về quy mô hoạt động với tổng tài sản và dư nợ lớn nhất, huy động vốn đứng thứ hai sau Agribank. Tăng trưởng các chỉ tiêu của BIDV cũng ở mức cao hơn bình quân toàn ngành, dẫn đến thị phần ngày càng tăng, củng cố vị trí số một thị trường.

Ngoài ra, trong nhiều năm liên tiếp, BIDV nằm trong Top 2.000 công ty lớn nhất thế giới (Forbes); Top 500 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất toàn cầu (Brand Finance); Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 5 năm liên tiếp (The Asian Banker); Ngân hàng SME tốt nhất Việt Nam và nhiều giải thưởng khác. Thị phần của BIDV so với toàn ngành trong những năm gần đây như sau:

Chỉ tiêu	BIDV (*) (nghìn tỷ VNĐ)		Toàn ngành (nghìn tỷ VNĐ)		Thị phần BIDV	
	30/9/2019	31/12/2018	30/9/2019	31/12/2018	30/9/2019	31/12/2018
Tổng tài sản	1.425	1.313	12.002	11.064	11,87%	11,87%
Dư nợ	1.073	988	7.888	7.438	13,60%	13,28%
Huy động vốn	1.134	1.029	8.951	8.383	12,67%	12,27%

(\*) Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2018 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2019



**Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao**

Tháng 11/2019, BIDV đã hoàn tất chào bán 15% vốn cho đối tác KEB Hana Bank, thu ròng hơn 20.200 tỷ đồng, nâng vốn điều lệ từ 34.187 tỷ đồng lên 40.220 tỷ đồng, cao nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đồng thời, BIDV nhận được chương trình hỗ trợ kỹ thuật dài hạn từ Tập đoàn Tài chính Hana và KEB Hana Bank, bao gồm nhưng không giới hạn trên 6 lĩnh vực: quản trị chiến lược phát triển ngân hàng; quản lý hệ thống công nghệ và ngân hàng số; tăng cường phát triển ngân hàng bán lẻ; đa dạng hóa danh mục tài sản sinh lời; quản trị rủi ro; đào tạo và phát triển nguồn nhân lực. Với sự hợp tác, hỗ trợ chiến lược dài hạn của KEB Hana Bank, Tập đoàn Tài chính Hana – một định chế tài chính có năng lực quản trị vượt trội và kinh nghiệm thành công tại Hàn Quốc và nhiều quốc gia trên thế giới, BIDV sẽ có cơ hội để thay đổi căn bản mô thức quản trị, nâng cao năng lực quản trị điều hành; quản trị rủi ro; phát triển các sản phẩm dịch vụ hiện đại, hàm lượng công nghệ cao; tăng cường năng lực cạnh tranh, đáp ứng tốt hơn các nhu cầu sản phẩm, tiện ích của khách hàng, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

**Dẫn đầu về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin**

BIDV liên tục dẫn đầu ICT Index trong nhiều năm qua. Hiện nay, BIDV đang tiếp tục phát triển nhiều sản phẩm ngân hàng số theo xu hướng cách mạng công nghiệp 4.0. Đặc biệt, BIDV đã có bước tiến lớn về mô hình tổ chức là thành lập Trung tâm ngân hàng số, đánh dấu bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển với công nghệ và ngân hàng số là một trong 3 trụ cột chính của BIDV.

**6.4. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh đang thực hiện**

Để tiếp tục phát triển và mở rộng hoạt động kinh doanh của mình, hiện tại BIDV đang triển khai các dự án sau:

**Bảng 16: Một số dự án đầu tư xây dựng công trình đang triển khai đến thời điểm 30/09/2019**

STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
1	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sa Pa	Số 20 đường Ngũ Chi Sơn, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
2	Trụ sở làm việc Chi nhánh Cẩm Phả	Số 204 đường Trần Phú, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
3	Trụ sở làm việc Chi nhánh Bắc Quảng Bình	368 Quang Trung - Phường Ba Đồn - Thị xã Ba Đồn - Quảng Bình	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
4	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hạ Long	Số 74 Trần Hưng Đạo, TP Hạ Long, Quảng Ninh	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.



STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
5	Trụ sở làm việc Chi nhánh Lam Sơn	Đường Phan Chu Trinh TP Thanh Hóa	Đang tổ chức lập dự án đầu tư xây dựng công trình.
6	Trụ sở làm việc Chi nhánh Kỳ Anh	Xã Kỳ Tân, Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công.
7	Trụ sở làm việc Chi nhánh Tam Điệp	Đường Trần Phú, phường Bắc Sơn, TP Tam Điệp, Ninh Bình	Đang thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình.
8	Trụ sở Chi nhánh mới trên địa bàn tỉnh Nam Định	Lô 19-1-1, đường Đông A, khu đô thị Hòa Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
9	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hưng Yên	Số 240, đường Nguyễn Văn Linh, phường Hiến Nam, Thành phố Hưng Yên	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
10	Trụ sở làm việc PGD Tiên Trung, CN Hải Dương	KM 59 QL5, xã Ái Quốc, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
11	Trụ sở làm việc PGD Hải Hà, CN Móng Cái	phố Phan Đình Phùng, thị trấn Quảng Hà, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
12	Trụ sở làm việc Chi nhánh Đồng Tháp	12A Đường 30/4 P1 Đồng Tháp	Đang tổ chức thiết kế bản vẽ thi công, lập tổng dự toán xây dựng công trình.
13	Trụ sở làm việc Chi nhánh Quy Nhơn	399-403 Trần Hưng Đạo, Quy Nhơn, Bình Định	Đang thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán.
14	Trụ sở làm việc Chi nhánh Hội An	86 Trần Hưng Đạo, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công.
15	Trụ sở làm việc Chi nhánh Sài Gòn	271 An Dương Vương, TP HCM	Đang thi công, hoàn thiện công trình.
16	Trụ sở làm việc Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	56-62 Nam Kỳ Khởi nghĩa, Q1, TP HCM	Thi công xây dựng và lắp đặt hệ thống M&E.

**BẢN CÁO BẠCH**

STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
17	Trụ sở làm việc Chi nhánh Bà Rịa	25 Phường Phương Trung, Bà Rịa Vũng Tàu	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
18	Trụ sở làm việc Chi nhánh Phú Quốc	KP5, TT Dương Đông, Phú Quốc	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
19	Trụ sở làm việc Chi nhánh Cà Mau	Đường An Dương Vương, P7, Cà Mau	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
20	Trụ sở PGD Ba Tri, CN Đồng Khởi.	11 Nguyễn Đình Chiểu, TT Ba Tri, Bến Tre	Đang thi công xây dựng công trình.
21	Trụ sở làm việc PGD AyunPa – Chi nhánh Phố Núi	Phường Đoàn Kết, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai	Đang kiểm toán hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
22	Trụ sở làm việc PGD Đức Cơ – Chi nhánh Nam Gia Lai	Đường Quang Trung - Tổ dân phố 2 - TT. Chư Ty - huyện Đức Cơ - tỉnh Gia Lai	Đang lập hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.
23	Trụ sở làm việc PGD Đăk Song – Chi nhánh Đăk Nông	Tổ dân phố 3 thị trấn Đức An, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông	Đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công.
24	Trụ sở làm việc PGD Đăk Mil – Chi nhánh Đăk Nông	Số 38 Nguyễn Tất Thành- TT Đăk Mil- Huyện Đăk Mil- Tỉnh Đăk Nông	Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
25	Trụ sở làm việc PGD Hùng Vương – Chi nhánh Phố Núi	Số 90 Hùng Vương, phường Hội Thương, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Đang thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
26	Trụ sở làm việc PGD Phan Đình Phùng – Chi nhánh Kon Tum	Số 752 Phan Đình Phùng, P. Quang Trung, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	Đang thi công phần thân
27	Trụ sở làm việc PGD Chợ mới, CN An Giang	Thị trấn Chợ Mới, Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang	Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
28	Trụ sở làm việc PGD Thanh Hà, CN Bắc Quảng Bình.	Quốc lộ 1a, Xã Thanh Trạch, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình.	Đang thi công phần thô.



STT	Tên dự án/công trình	Địa điểm	Tình hình triển khai
29	Trụ sở làm việc PGD Đề Thám, CN Cao Bằng.	Lô số 3 khu đô thị mới Phường Đề Thám, Thành Phố Cao Bằng	Đang thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
30	Trụ sở PGD Cầu Giát, CN Phú Diễn	Khối 5, Thị trấn Cầu Giát, Huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An.	Đang thi công phần hoàn thiện.
31	Trụ sở PGD Cầu Kè, CN Trà Vinh	Đường 30/4, Khóm 1, TT Cầu Kè, Huyện Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh	Đang lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật.
32	Trụ sở làm việc PGD Eaknốp – Chi nhánh Đông Đắk Lắk	Khối 3 - Thị trấn Eaknốp - Huyện Eakar - Tỉnh Đắk Lắk	Đang kiểm toán hồ sơ quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.

Nguồn: BIDV

**Bảng 17: Một số dự án đầu tư công nghệ chính đang thực hiện đến thời điểm 30/09/2019**

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
1	Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai hệ thống phần mềm Corebanking thuộc Dự án Chuyển đổi hệ thống Corebanking	Dự án đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà thầu, dự kiến ký hợp đồng, triển khai vào Quý 1/2020 và hoàn thành triển khai năm 2022.
-	Hạng mục: Mua sắm, triển khai phần mềm hệ thống tài trợ thương mại của BIDV	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai vào Quý 1/2021.
2	Trang bị giải pháp quản lý khoản vay (cho khách hàng doanh nghiệp)	Dự án đang triển khai hợp đồng từ Quý II/2017; dự kiến hoàn thành triển khai năm 2020.
3	Mua sắm mới giải pháp quản trị nhân sự tổng thể	Dự án đang triển khai hợp đồng từ Quý III/2017; dự kiến hoàn thành triển khai năm 2019.
4	Đầu tư và xây dựng Trung tâm dữ liệu mới theo tiêu chuẩn TIER 3	Dự án đang trong giai đoạn triển khai hợp đồng; dự kiến hoàn thành triển khai vào năm 2020.

STT	Tên dự án/Nội dung	Tình hình triển khai
5	Phát triển mạng lưới ATM năm 2016 - 2017	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai vào Quý I/2020.
6	Triển khai hệ thống Hạ tầng quản trị doanh nghiệp (ECM)	Dự án đang triển khai hợp đồng, dự kiến hoàn thành triển khai năm 2020.
7	Xây dựng Cổng thông tin điện tử (Webportal) bidv.com.vn	Đã hoàn thành triển khai năm 2018
8	Nâng cao năng lực xử lý hệ thống MIS	Đã hoàn thành triển khai vào tháng 1/2019
9	Xác thực chủ thẻ quốc tế BIDV theo giải pháp 3D Secure trong giao dịch trên Internet.	Đã hoàn thành triển khai năm 2018

*Nguồn: BIDV*

**7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

**7.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của BIDV trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

**Bảng 18: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh chính 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm 2018/2017	09 tháng/2019
Tổng giá trị tài sản	1.202.284	1.313.038	9,2%	1.425.399
Vốn chủ sở hữu	48.834	54.551	11,71%	49.668
Thu nhập lãi thuần	30.955	34.956	12,93%	33.396
Thuế và các khoản phải nộp	1.720	1.930	12,21%	1.743
Lợi nhuận trước thuế	8.665	9.473	9,3%	7.028
Lợi nhuận sau thuế	6.946	7.542	8,6%	5.645
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	14,22%	13,83%	(2,74%)	



*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2019.*

Hoạt động kinh doanh năm 2018 và Quý III/2019 của BIDV duy trì ổn định, tích cực, BIDV hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch theo mục tiêu đề ra, tăng trưởng tốt so với năm trước.

Tại thời điểm 30/9/2019, tổng tài sản của BIDV đạt 1.425.399 tỷ đồng, tăng trưởng 8,6% so với cuối năm 2018, tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng TMCP có quy mô lớn nhất thị trường.

Trong năm 2018, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của BIDV tăng trưởng khá so với năm 2017, đạt 90.074 tỷ đồng, tăng 14,6% so với năm 2017. Lũy kế đến 30/9/2019, thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự của BIDV đạt 74.110 tỷ đồng, tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hiệu quả hoạt động năm 2018 của BIDV đạt kết quả khá với lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 9.473 tỷ đồng, tăng trưởng 9,3% so với năm 2017, vượt kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đề ra. Đến hết Quý III/2019, lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 7.028 tỷ đồng.

**7.2. Các chỉ tiêu khác**

**a. Cơ cấu thu nhập**

**Bảng 19: Cơ cấu thu nhập của BIDV trong giai đoạn 2017 - 2019**

*Đơn vị: Tỷ đồng*

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Quý III/2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi thuần	30.955	79,34	34.956	78,58	26.398	77,05
2	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	2.966	7,60	3.551	7,98	3.019	8,81
3	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	668	1,71	1.040	2,34	1.077	3,14
4	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	482	1,23	645	1,45	263	0,77
5	Lãi/(Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	331	0,85	234	0,53	(266)	
6	Lãi thuần từ hoạt động khác	3.279	8,40	3.815	8,58	3.592	10,48
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	336	0,86	242	0,54	177	0,52
	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>39.017</b>	<b>100</b>	<b>44.483</b>	<b>100</b>	<b>34.259</b>	<b>100%</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2019*

## b. Cơ cấu lãi thuần

Bảng 20: Cơ cấu lãi thuần của BIDV trong giai đoạn 2017 - 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018		Quý III/2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	78.629	85,15	90.074	84,35	74.110	84,60
2	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	5.612	6,08	6.802	6,37	5.529	6,31
3	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh vàng và ngoại hối	2.135	2,31	3.007	2,82	2.795	3,19
4	Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	697	0,75	1.034	0,97	279	0,32
5	Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	344	0,37	295	0,28	421	0,48
6	Thu nhập từ hoạt động khác	4.594	4,98	5.337	5,00	4.292	48,99
7	Thu nhập từ hoạt động góp vốn, mua cổ phần	336	0,36	242	0,23	177	0,20
<b>Tổng cộng</b>		<b>92.346</b>	<b>100</b>	<b>106.790</b>	<b>100</b>	<b>87.603</b>	<b>100</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, Báo cáo tài chính hợp nhất Quý III/2019.

## c. Cơ cấu chi phí hoạt động

Bảng 21: Cơ cấu chi phí hoạt động của BIDV trong giai đoạn 2017 - 2019

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	2017		2018		Quý III/2019	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí nhân viên	8.500	54,83	8.880	55,09	5.749	53,58
2	Chi phí khấu hao và khấu trừ	931	6,01	979	6,07	743	6,93
3	Chi phí hoạt động khác	6.073	39,17	6.258	38,84	4.237	39,49
<b>Tổng chi phí hoạt động</b>		<b>15.504</b>	<b>100</b>	<b>16.117</b>	<b>100</b>	<b>10.729</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2017, 2018, BCTC hợp nhất Quý III/2019.





## **BẢN CÁO BẠCH**

### **7.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm báo cáo**

#### **a. Thuận lợi:**

- + BIDV là ngân hàng có quy mô lớn nhất tại Việt Nam, với lịch sử hoạt động lâu đời 62 năm, uy tín thương hiệu được khẳng định, mạng lưới rộng và phủ khắp các tỉnh thành, thị phần hoạt động lớn, hiệu quả hoạt động các điểm mạng lưới ngày càng được cải thiện.
- + BIDV đã thiết lập quan hệ với mạng lưới khách hàng rộng lớn với gần 11 triệu khách hàng; hệ thống sản phẩm dịch vụ đầy đủ, hiện đại, đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng cá nhân, doanh nghiệp với hệ thống thanh toán hàng đầu Việt Nam.
- + Với sự hợp tác với KEB Hana Bank, BIDV tăng quy mô vốn điều lệ lên 40.220 tỷ đồng, cao nhất trong hệ thống các tổ chức tín dụng trong nước. Với năng lực tài chính bền vững, BIDV có cơ hội tiếp cận đổi mới căn bản hệ thống quản trị doanh nghiệp, tăng cường quản lý rủi ro, nâng cao ứng dụng công nghệ thông tin và lĩnh vực ngân hàng số, từng bước phát triển sang lĩnh vực Fintech, đa dạng hóa danh mục lợi nhuận; mở rộng các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- + Nguồn nhân lực dồi dào, được đào tạo bài bản có chất lượng cao; đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm.
- + Nền tảng công nghệ thông tin vững mạnh, đảm bảo an toàn, bảo mật, được trang bị tốt; ứng dụng mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh góp phần nâng cao năng suất lao động.

#### **b. Khó khăn:**

- + Cạnh tranh sẽ ngày càng gia tăng hơn với áp lực đến từ trong nước và ngoài nước. Sự thâm nhập của các ngân hàng nước ngoài với thế mạnh về tiềm lực tài chính, khả năng quản trị chuyên nghiệp, đa dạng về sản phẩm sẽ tạo sức ép lớn đối với khối ngân hàng nội địa, dẫn đến nguy cơ mất thị phần nội địa tăng cao.
- + Áp lực từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các mô hình công nghệ tài chính mới (fintech), các vấn đề về an ninh công nghệ cao, bảo mật thông tin... đặt ra thách thức với ngành ngân hàng nói chung và BIDV nói riêng trước yêu cầu sẵn sàng năng lực tiếp cận công nghệ, chuyển đổi hệ thống hạ tầng.

### **8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

#### **8.1. Vị thế của Công ty trong ngành**

BIDV là NHTM lâu đời nhất tại Việt Nam với bề dày 62 năm hoạt động và phát triển. BIDV là NHTM cổ phần niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam, có sở hữu chi phối của Chính phủ và có cổ đông chiến lược nước ngoài là một trong những ngân hàng hàng đầu tại Châu Á.

#### **Vị thế dẫn đầu**

Tại thời điểm 30/09/2019, BIDV đứng đầu hệ thống ngân hàng Việt Nam về quy mô TTS (1.425 triệu tỷ đồng). Là một ngân hàng đa năng, BIDV cung cấp tất cả các dịch vụ ngân hàng và sản phẩm tài chính cho khách hàng cá nhân, tổ chức và Chính phủ. BIDV có thế mạnh vượt trội về mạng lưới rộng khắp bao gồm 189 chi nhánh trong nước và 871 phòng giao dịch tại tất cả 63 tỉnh thành phố trong cả nước, có hơn 1.000 quan hệ ngân hàng đại lý tại 98 quốc gia trên toàn thế giới, có hiện diện thương mại tại nhiều quốc gia trên thế giới (Nga, Séc, Đài Loan, Lào, Campuchia và Myanmar). Ngoài trụ cột là ngân hàng thương mại, BIDV có các công ty trực thuộc hoạt động



trong các lĩnh vực chứng khoán (BSC), bảo hiểm (BIC), cho thuê tài chính (BSC), giúp BIDV đáp ứng nhu cầu đa dạng của nền khách hàng rộng lớn bao gồm 10 triệu khách hàng cá nhân và 285 nghìn khách hàng doanh nghiệp. BIDV duy trì vị thế dẫn đầu thị trường trong nhiều lĩnh vực chủ chốt như bán lẻ, SME, kinh doanh ngoại tệ, thanh toán, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thanh toán cho thị trường chứng khoán, nghiên cứu thị trường, đồng thời đang hướng mạnh đến lĩnh vực ngân hàng số.

### **Năng lực tài chính vững mạnh**

Tổng tài sản năm 2018 đạt 1.313 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 9,2% so với năm 2017, tiếp tục duy trì vị thế là ngân hàng có quy mô lớn nhất trên thị trường. Trong cơ cấu tổng tài sản tỷ trọng tài sản sinh lời là 97%, trong đó khoản mục cho vay khách hàng chiếm tỷ trọng 75% tổng tài sản. Theo đánh giá của Tạp chí The Asian Banker (công bố tháng 12 năm 2018), BIDV đứng thứ 147/500 ngân hàng mạnh nhất Châu Á Thái Bình Dương xét về phương diện tổng tài sản, vị trí cao nhất trong hệ thống các Ngân hàng Việt Nam.

Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2018 của BIDV đạt 9.473 tỷ đồng, tăng trưởng 9,3% so với năm trước, hoàn thành vượt mức Kế hoạch ĐHCĐ giao. ROA đạt 0,6%, ROE đạt 14,6%, đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm theo cam kết với cổ đông.

Dư nợ cho vay nền kinh tế tăng trưởng 13% năm 2018, tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu và nâng cao chất lượng tín dụng.

Quy mô huy động vốn tiếp tục giữ vị trí đứng đầu hệ thống ngân hàng TMCP, năm 2018 tăng trưởng 11% so với năm 2017.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp xử lý, kiểm soát chất lượng tín dụng, xử lý nợ xấu theo tinh thần của Nghị quyết số 42/NQ-QH và lộ trình tại phương án cơ cấu lại BIDV giai đoạn 2016-2020. Đến 31/12/2018, tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 1,9%, tỷ lệ nợ nhóm 2 là 2,3%, đảm bảo mục tiêu kiểm soát.

Đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo đúng quy định của NHNN: Tỷ lệ an toàn vốn riêng lẻ đạt 9,02%, hợp nhất đạt 10,34%, đáp ứng mức quy định tối thiểu của NHNN.

### **Tiên phong áp dụng chuẩn mực quốc tế**

BIDV là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kế toán quốc tế IFRS (từ 1996), là ngân hàng đầu tiên chủ động mời Moody's xếp hạng tín nhiệm (2006) và thuộc nhóm ngân hàng được định hạng tín nhiệm cao nhất Việt Nam. Mới đây, BIDV đã được NHNN công nhận đạt chuẩn Basel II trước thời hạn quy định.

Đây là các tiền đề quan trọng giúp BIDV được đối tác trong và ngoài nước tin tưởng lựa chọn để thực hiện các giao dịch lớn, gần đây nhất là khoản tín dụng trung dài hạn trị giá 300 triệu USD, khoản tín dụng lớn nhất Ngân hàng Phát triển Châu Á từng cấp cho một ngân hàng tại Châu Á. Giá trị thương hiệu BIDV đã tăng 18% - đạt gần 150 triệu USD theo đánh giá của Forbes, là 1 trong 15 doanh nghiệp có thương hiệu đắt giá nhất quốc gia. BIDV cũng được vinh danh là “Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam” năm thứ 5 liên tiếp bởi tạp chí The Asian Banker, đồng thời đón nhận nhiều



## **BẢN CÁO BẠCH**

giải thưởng uy tín về các nghiệp vụ kinh doanh vốn tiền tệ, công nghệ thông tin, cung cấp dịch vụ doanh nghiệp SME...do các tổ chức uy tín trong và ngoài nước trao tặng.

### **8.2. Triển vọng phát triển của ngành**

Ngành ngân hàng trong năm 2019 được đánh giá một cách lạc quan hơn về triển vọng kinh doanh.

#### ***Tình hình kinh doanh cải thiện***

Theo đánh giá của các TCTD trong năm 2018 và dự kiến cho năm 2019, môi trường kinh doanh của các TCTD đã và đang tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ, trong đó 2 nhân tố chủ quan “Chính sách và dịch vụ chăm sóc khách hàng của các TCTD” cùng với “Khả năng sáng tạo, cải tiến sản phẩm của TCTD” và 2 nhân tố khách quan “Cầu của nền kinh tế đối với sản phẩm dịch vụ của TCTD” và “Điều kiện kinh doanh và tài chính của khách hàng” được nhận định và kỳ vọng cải thiện.

Nhu cầu sử dụng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng có sự gia tăng nhanh trong năm 2018 và được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng nhanh hơn trong năm tới, trong đó nhu cầu vay vốn tiếp tục được kỳ vọng tăng trưởng cao nhất. Dự báo trong năm 2019, 77,6% TCTD kỳ vọng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng của khách hàng tăng so với năm 2018, trong đó nhu cầu vay vốn được đa số các TCTD kỳ vọng tăng mạnh (80,7% TCTD kỳ), tiếp đến là nhu cầu gửi tiền, dịch vụ thanh toán với mức kỳ vọng lần lượt là 66% và 64%.

Rủi ro tổng thể của các nhóm khách hàng trong năm 2018 được đánh giá có xu hướng ổn định hơn so với năm 2017 với 66% TCTD nhận định ở mức bình thường, 16,5% nhận định tăng nhẹ và 17,7% nhận định giảm. Dự báo trong năm 2019, 63,5% TCTD nhận định rủi ro tổng thể của các nhóm khách hàng tiếp tục duy trì ở mức ổn định, 15,3% TCTD dự báo giảm, và 21,2% TCTD lo ngại rủi ro tăng.

Trên cơ sở các yếu tố khách quan và chủ quan, 86% TCTD đánh giá tình hình kinh doanh của đơn vị mình được cải thiện hơn trong năm 2018 so với cuối năm 2017 và dự báo trong năm 2019, khoảng 88% TCTD kỳ vọng tình hình kinh doanh tiếp tục cải thiện hơn so với năm 2018, trong đó có khoảng 35% TCTD dự báo tình hình kinh doanh sẽ “cải thiện nhiều”.

Nhờ nỗ lực xử lý nợ xấu, tiết kiệm chi phí và NIM được cải thiện, lợi nhuận ngành ngân hàng các năm tiếp theo được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực với các động lực đang có cùng tăng trưởng kinh tế khả quan. Mặc dù vậy, tăng trưởng lợi nhuận ngân hàng sẽ chịu áp lực từ một số yếu tố: (i) cạnh tranh của hệ thống thanh toán qua ví điện tử không qua tài khoản ngân hàng và hệ thống mobile money đang triển khai (dự báo thu từ hoạt động thanh toán sẽ giảm như đã diễn ra tại thái lan); (ii) hoạt động cho vay bán lẻ chịu cạnh tranh từ P2P lending; và rủi ro tăng trích DPRR do nợ xấu gia tăng.

ROA và ROE tiếp tục được cải thiện nhờ lợi nhuận tăng trưởng tích cực. Cụ thể:

- ROA của nhóm NHTMNN có thể tăng lên mức 0,7-0,9% (năm 2016 là 0,61%) và của nhóm NHTMCP có thể đạt 0,6-0,8% (năm 2016 là 0,41%).



- ROE của nhóm NHTMNN có thể giữ ở mức 11-13% (tương đương năm 2016 là 11,54%) do các NHTMNN gặp áp lực tăng vốn để đảm bảo CAR theo Basel II. ROE của nhóm NHTMCP sẽ cải thiện tích cực hơn với dự kiến ở mức 8-10% (năm 2016 ở mức 5,7%).

#### ***Thanh khoản ổn định, nợ xấu có xu hướng giảm***

Dự báo trong năm 2019, đa số các TCTD kỳ vọng thanh khoản của hệ thống ngân hàng cả năm 2019 tiếp tục diễn biến khá quan đối với cả VND và ngoại tệ. Các TCTD cho biết tỷ lệ nợ xấu/dư nợ tín dụng được giữ ở mức thấp trong năm 2018 và có xu hướng giảm trong năm 2019.

#### ***Tỷ giá duy trì xu hướng ổn định***

Tỷ giá về cơ bản sẽ tiếp tục ổn định nhờ nền tảng vĩ mô vững chắc và quan hệ cung - cầu ngoại hối cân bằng, dự trữ ngoại hối tiếp tục tăng và NHNN tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt, dùng đồng bộ nhiều công cụ khác nhau. Dự báo tỷ giá USD/VND sẽ tăng khoảng 0,5-0,8% trong năm 2019.

#### ***Huy động vốn và tín dụng được kỳ vọng tăng trưởng ổn định***

Mặt bằng lãi suất tiền gửi - cho vay được các TCTD kỳ vọng tiếp tục duy trì xu hướng ổn định trong năm 2019.

Dự báo về khả năng huy động vốn trong năm 2019, các TCTD kỳ vọng huy động vốn tăng trưởng bình quân 13,9%, trong đó tốc độ tăng trưởng huy động vốn VND tăng nhanh hơn so với huy động vốn ngoại tệ.

Dự báo về tốc độ tăng trưởng tín dụng năm 2019, các TCTD kỳ vọng dư nợ tín dụng của toàn hệ thống ngân hàng tăng trưởng bình quân 15,27% tính đến cuối năm 2019, trong đó tín dụng VND luôn được kỳ vọng tăng trưởng nhanh hơn so với tín dụng ngoại tệ. Dự kiến, tăng trưởng tín dụng tiếp tục phù hợp với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, ưu tiên kiểm soát lạm phát của Chính phủ. Theo đó, NHNN sẽ điều hành cung tiền và tăng trưởng tín dụng thận trọng trong thời gian tới. Dự kiến tăng trưởng tín dụng tiếp tục chậm lại (khoảng 12-13%/năm) nhằm giảm bớt sức ép thanh khoản, kiểm soát tỷ lệ tín dụng/GDP. Bên cạnh đó, vai trò cung cấp vốn trung dài hạn cho nền kinh tế của các ngân hàng từng bước được san sẻ bớt cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Thị trường lao động, việc làm của ngành ngân hàng tiếp tục sôi động với 70,93% TCTD cho biết đã tăng thêm lao động trong năm 2018 so với năm 2017; 20,93% TCTD giữ nguyên số lao động và 8,14% TCTD đã cắt giảm lực lượng lao động, cao hơn tỷ lệ 3,2% dự kiến. Dự kiến đến cuối năm 2019 so với cuối năm 2018, 76,74% TCTD dự kiến sẽ tăng lao động; 18,61% TCTD dự kiến giữ nguyên lao động và có 4,65% TCTD dự kiến cắt giảm lực lượng lao động trong năm 2019.

#### ***Đánh giá triển vọng hệ thống ngân hàng Việt Nam theo các tổ chức định hạng quốc tế***

Theo đánh giá của Moody's (tại Báo cáo gần nhất 19/8/2019), triển vọng ngành ngân hàng Việt Nam (cùng với 18 ngân hàng Việt Nam được Moody's xếp hạng) được tiếp tục đánh giá "ổn định" (từ tháng 11/2018) nhờ các yếu tố sau:

- Tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ: Moody's dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam giảm nhẹ vào



năm 2019 đạt 6,7% và năm 2020 đạt 6,5% từ mức 7,1% năm 2020. Mặc dù tăng trưởng được dự báo suy giảm nhẹ nhưng Việt Nam vẫn là quốc gia được Moody's đánh giá có mức tăng trưởng kinh tế cao nhất khu vực Đông Nam Á.

- Chất lượng tài sản của hệ thống ngân hàng được cải thiện do lợi nhuận gia tăng giúp xử lý nợ xấu. Moody's ước tính nợ xấu toàn hệ thống ngân hàng giảm xuống còn 4,8% vào năm 2020 từ mức 5,1% tại thời điểm cuối năm 2018.
- Gia tăng lợi nhuận giữ lại giúp các ngân hàng cải thiện các chỉ tiêu về vốn, tuy nhiên vẫn còn nhiều ngân hàng cần gia tăng vốn để đáp ứng Basel II trong bối cảnh duy trì tăng trưởng tín dụng.
- Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định
- Khả năng sinh lời của hệ thống sẽ tiếp tục được cải thiện do tín dụng tập trung vào nhóm khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ (nhóm khách hàng có margin cao).
- Sự hỗ trợ tích cực của Chính phủ đối với hệ thống ngân hàng.

Như vậy, với những diễn biến tích cực từ thị trường tiền tệ trong năm 2018, các TCTD kỳ vọng ngành Ngân hàng tiếp tục cải thiện trong năm 2019, các chính sách điều hành của NHNN và Chính phủ trong năm 2019 tiếp tục giữ ổn định lạm phát và đảm bảo nhu cầu vốn cho nền kinh tế, qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

**8.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành**

Tiêu chí	BID	VCB	MBB	CTG	TCB	VPB
Vốn điều lệ	34.187*	37.089	21.605	37.234	34.966	25.300
Vốn chủ sở hữu	59.377	81.391	37.683	74.317	58.941	40.491
Tổng tài sản	1.425.399	1.157.490	397.441	1.202.210	367.538	358.236
Tiền gửi khách hàng	1.084.798	92.184	254.130	865.466	218.655	205.585
Cho vay khách hàng	1.073.511	708.096	240.211	899.056	205.317	249.771
Tổng thu nhập hoạt động	34.259	35.066	17.597	29.948	14.441	26.333
Lợi nhuận sau thuế	5.817	14.127	6.142	6.824	7.107	5.754
ROE	10,21%	16,68%	17,09%	12,79%	17,1%	20,4%
Định hạng tín nhiệm của Moody's (Định hạng nhà phát hành dài hạn)	Ba3	Ba3	Ba3	Ba3	Ba3	B1

Đơn vị tính: tỷ đồng

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2018 của: BID, VCB, MBB, CTG, TCB, BMI, ABI, PTI và VPB



Theo đó, BIDV đang đứng đầu về tổng tài sản, cho vay khách hàng, vốn điều lệ (sau thương vụ Keb Hana) và xếp hạng tín nhiệm quốc tế.

#### **8.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của BIDV với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới ngày càng có nhiều biến động ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, quy định quản lý của NHNN ngày càng được thắt chặt để đảm bảo sự an toàn và hiệu quả của toàn hệ thống, nhu cầu của khách hàng ngày càng cao, áp lực cạnh tranh từ các đối thủ ngày càng lớn thì BIDV với định hướng chiến lược hướng tới sự hiệu quả thông qua việc đa dạng hóa nền khách hàng và sản phẩm dịch vụ, trong đó chú trọng phát triển phân khúc khách hàng bán lẻ, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chuyển dịch cơ cấu thu nhập, gia tăng tỷ trọng nguồn thu phi lãi, nâng cao giá trị doanh nghiệp dựa trên các nền tảng năng lực tài chính vững chắc, tổ chức quản trị kinh doanh theo mô hình ngân hàng hiện đại và phát triển chiến lược ngân hàng số, đội ngũ nhân sự chất lượng cao là hoàn toàn phù hợp với các chính sách của Nhà nước, định hướng của ngành ngân hàng và xu thế phát triển chung trên thế giới.

Với thế mạnh sẵn có như nền tảng khách hàng, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản trị rủi ro và nhân tố con người, BIDV tiếp tục chú trọng vào xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, kỹ thuật tiên tiến nhằm hiện đại hoá và phù hợp với yêu cầu hội nhập; kết hợp xây dựng khung quản trị rủi ro toàn diện cho toàn hàng để hạn chế các rủi ro có thể xảy ra và đảm bảo ứng phó kịp thời trước các nguy cơ của nền kinh tế. BIDV tin tưởng rằng sự phát triển của Ngân hàng sẽ góp phần vào sự phát triển của ngành nghề, chính sách và xu thế phát triển của nền kinh tế nói chung.

### **9. Chính sách đối với người lao động**

#### **9.1. Số lượng và cơ cấu lao động**

Tại thời điểm 30 tháng 09 năm 2019, BIDV có tổng số 25.745 nhân viên, trong đó có trình độ đại học trở lên chiếm 93,8%, trình độ cao đẳng chiếm 1,36%, và 4,81% có bằng trung cấp hoặc các bằng khác.

#### **9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp**

☛ **Chính sách tuyển dụng:** Được thực hiện tập trung, đồng bộ, thể hiện tính công khai, minh bạch, thống nhất trong toàn hệ thống, đảm bảo chất lượng thí sinh tuyển dụng phù hợp theo yêu cầu của từng địa bàn. Qua đó, BIDV thu hút được đội ngũ ứng viên có chất lượng cao từ khắp mọi miền của cả nước, tạo ấn tượng tốt đối với xã hội nói chung và thí sinh nói riêng, góp phần quảng bá và nâng cao thương hiệu, hình ảnh BIDV trên thị trường.

☛ **Chính sách quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ:**

○ Công tác quy hoạch được tiến hành bài bản, đúng các quy định của Đảng và Nhà nước gắn với nhu cầu tạo nguồn phát triển cán bộ để đáp ứng yêu cầu thay thế, mở rộng đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong tương lai. Danh sách quy hoạch được bổ sung, điều chỉnh trên



## **BẢN CÁO BẠCH**

cơ sở theo sát sự phát triển của cán bộ, loại khỏi danh sách quy hoạch những người không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện, không có triển vọng phát triển, bổ sung vào danh sách những nhân tố mới triển vọng...

- Gắn liền với công tác quy hoạch là công tác bổ nhiệm cán bộ. BIDV triển khai việc bổ nhiệm theo yêu cầu công tác, từng bước xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt nòng cốt, góp phần tích cực vào kết quả thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh doanh của ngân hàng.
- Đặc biệt những năm gần đây, BIDV đã đẩy mạnh công tác luân chuyển, biệt phái cán bộ lãnh đạo giữa Trụ sở chính với các đơn vị thành viên để bổ sung năng lực lãnh đạo cho các đơn vị còn thiếu nguồn cán bộ tại chỗ, kết hợp với việc đào tạo cán bộ cả về kiến thức quản trị hệ thống và kinh nghiệm thực tiễn cơ sở nhằm nâng cao, phát triển toàn diện trình độ, năng lực cán bộ.

### ✦ **Chính sách đánh giá cán bộ:**

- BIDV tiếp tục thực hiện chính sách đánh giá cán bộ lãnh đạo thông qua hình thức lấy phiếu đánh giá một cách rộng rãi theo các đối tượng liên quan trong hệ thống. Kết quả đánh giá là căn cứ tích cực để góp phần thúc đẩy nâng cao trách nhiệm và vai trò điều hành của Ban lãnh đạo cấp cao và đội ngũ lãnh đạo các cấp của BIDV, đồng thời, phục vụ công tác quy hoạch, luân chuyển, đào tạo cán bộ trước mắt cũng như lâu dài.
- Bên cạnh đó, công tác đánh giá cán bộ của BIDV cũng đạt bước tiến lớn với việc triển khai thành công các đợt kiểm tra sát hạch nghiệp vụ đối với các cán bộ, làm cơ sở để các đơn vị thực hiện đánh giá, sắp xếp bố trí cán bộ phù hợp theo năng lực, từng bước áp dụng thành công phương pháp quản trị nhân sự hiện đại trong toàn hệ thống.

✦ **Chính sách đào tạo:** công tác đào tạo được đẩy mạnh và tăng cường trong toàn hệ thống. Đặc biệt, BIDV đã triển khai thành công Chương trình đào tạo lãnh đạo ngân hàng tương lai để đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo các cấp cho hệ thống. Công tác đào tạo đã nhận được đánh giá tích cực từ đông đảo học viên và các đơn vị liên quan với kế hoạch đào tạo được đổi mới và ngày càng sát hơn với nhu cầu công việc thực tế, công tác tổ chức bài bản, nội dung đào tạo phong phú, thiết thực cùng với việc ứng dụng các phần mềm trong công tác tổ chức đào tạo.

✦ **Chế độ đãi ngộ và khen thưởng:** BIDV thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người lao động, tạo điều kiện tối đa để nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động trên cơ sở những kết quả công tác xuất sắc, những cống hiến tích cực của người lao động vào kết quả chung. Chính sách khen thưởng, đãi ngộ của BIDV nhằm tuyên dương và tưởng thưởng xứng đáng với những tập thể, cá nhân có thành tích, sáng kiến trong lao động, có năng suất và hiệu quả công tác cao để người lao động vừa yên tâm công tác, vừa không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát huy năng lực bản thân.



**10. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu, thứ tự ưu tiên thanh toán của Trái Phiếu được niêm yết trong danh mục nợ của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết****10.1. Chính sách vay nợ trong thời hạn Trái Phiếu**

Để đảm bảo việc tuân thủ các yêu cầu về vốn hiện hành theo pháp luật Việt Nam (kể cả các văn bản hướng dẫn của NHNN) hoặc phục vụ nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, tùy từng thời điểm BIDV có thể huy động thêm vốn thông qua các hình thức và cách thức phù hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc phát hành thêm chứng khoán nợ (có thể có các điều khoản khác hoặc tương tự so với Trái Phiếu) hoặc các công cụ tài chính lưỡng tính, tùy thuộc vào việc xin được phê duyệt theo quy định của pháp luật Việt Nam. Không có gì bảo đảm rằng các hoạt động tăng vốn huy động này sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến giá Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp.

**10.2. Thứ tự ưu tiên thanh toán**

Trong trường hợp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị thanh lý, Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được thanh toán sau khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết đã thanh toán cho tất cả các chủ nợ có bảo đảm hoặc không có bảo đảm khác. Các Trái Phiếu phát hành cùng đợt sẽ có thứ tự thanh toán ngang nhau, không Trái Phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái Phiếu nào.

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết được ngừng trả lãi và chuyển lãi lũy kế sang năm tiếp theo nếu việc trả lãi dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ.

Trong Thời Hạn Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc bất cứ bên thứ ba nào khác.

**10.3. Thanh toán gốc lãi Trái Phiếu**

Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị lỗ.

Thanh toán gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

**11. Tình hình hoạt động tài chính**



**Bảng 22: Chi tiết chỉ tiêu tài chính trong năm 2017 – 2018**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Riêng lẻ		Hợp nhất	
		31/12/2017	31/12/2018	31/12/2017	31/12/2018
<b>1. Quy mô vốn</b>					
- Vốn điều lệ	Tỷ đồng	34.187	34.187	34.187	34.187
- Tổng tài sản có	Tỷ đồng	1.172.804	1.278.285	1.202.283	1.313.038
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	%	>9	>9	>9	>9
<b>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
- Số dư huy động tiền gửi khách hàng	Tỷ đồng	844.831	972.358	859.985	989.671
- Doanh số cho vay khách hàng	Tỷ đồng	2.068.139	2.452.751	2.307.391	2.538.191
- Doanh số thu nợ khách hàng	Tỷ đồng	1.943.789	2.331.730	2.307.391	2.416.337
- Nợ quá hạn	Tỷ đồng	15.852	14.880	18.848	18.222
- Nợ xấu	Tỷ đồng	12.187	17.201	14.064	18,803
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/ Tổng số dư bảo lãnh	%	0,02	0,02	0,02	0,02
- Tỷ lệ nợ quá hạn/ Tổng dư nợ	%	1,90	1,56	2,17	1,84
- Tỷ lệ nợ xấu/ Tổng dư nợ	%	1,46	1,80	1,62	1,90
<b>3. Khả năng thanh khoản</b>					
- Khả năng thanh toán ngay (Tỷ lệ dự trữ thanh khoản)	%	15,49	15,42	N/A	N/A
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	%	35,50	31,05	N/A	N/A

Nguồn số liệu:

- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản, tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, tỷ lệ an toàn vốn: Số liệu báo cáo NHNN theo Thông tư 36/2014/TT-NHNN và các Thông tư sửa đổi, bổ sung
- Tổng tài sản có: Báo cáo tài chính riêng lẻ, hợp nhất đã kiểm toán năm 2018.

**12. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng**

**12.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị**



**Bảng 23: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị BIDV**

STT	Tên	Chức vụ
1	(Ông) Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT
2	(Bà) Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
3	(Bà) Phan Thị Chính	Ủy viên
4	(Ông) Ngô Văn Dũng	Ủy viên
5	(Ông) Trần Thanh Vân	Ủy viên
6	(Ông) Phạm Quang Tùng	Ủy viên
7	(Ông) Lê Việt Cường	Ủy viên độc lập

*Nguồn: BIDV, tại ngày 30/09/2019*

**12.1.1. Ông Phan Đức Tú - Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Họ tên:	<b>Phan Đức Tú</b>
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	22/12/1964
Nơi sinh:	Nghệ An
Số CMND:	040064000382 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/09/2018
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- 12/1998 - 02/2005:	Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Ngãi.
- 03/2005 - 05/2007:	Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 06/2007 - 30/04/2012:	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – 14/11/2018:	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



## BẢN CÁO BẠCH

- 15/11/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 43.513 cổ phiếu (chiếm 0,0012728% vốn điều lệ).
- Sở hữu đại diện: 1.302.929.664 cổ phiếu (tương đương 40% vốn điều lệ) sở hữu đại diện cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Sở hữu của người có liên quan: 9.284 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Đoàn Thị Trần Hùng Phi	Vợ	9.284	0,0002716

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/9/2019: Không

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	21
<b>Tổng cộng</b>	<b>21</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### 12.1.2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ tên: Nguyễn Thị Thu Hương

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 17/02/1967

Nơi sinh: Vĩnh Phúc

Số CMND: 012287551 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/01/2005

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

## **BẢN CÁO BẠCH**



- 12/2006 - 07/2009: Trưởng phòng thanh tra Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- 08/2009 - 05/2010: Phó Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 06/2010 – 04/2011: Quyền Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 05/2011 – 04/2019: Vụ trưởng Cơ quan thanh tra, giám sát Ngân hàng.
- 04/2019 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0 % vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 977.197.248 cổ phiếu (chiếm 30% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/9/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### **12.1.3. Bà Phan Thị Chinh - Ủy viên Hội đồng quản trị**

Họ tên: **Phan Thị Chinh**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 06/01/1968

Nơi sinh: Hải Phòng

Số CMND: 011920202 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/09/2010

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 08/2004 - 05/2007: Giám đốc Ban Tài chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 06/2007 - 03/2014: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



**BẢN CÁO BẠCH**

- 04/2014 - nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Ủy viên HĐQT Công ty chuyển mạch Tài chính quốc gia (Banknet).
- Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh Tháp BIDV

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 29.186 cổ phiếu (chiếm 0,0008537% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị (triệu đồng)</b>
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	111
<b>Tổng cộng</b>	<b>111</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.1.4. Ông Ngô Văn Dũng - Ủy viên Hội đồng quản trị**

Họ tên: **Ngô Văn Dũng**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **19/01/1968**

Nơi sinh: **Hải Dương**

Số CMND: **011858489 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 09/09/2008**

Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**

Quá trình công tác:

**BIDV****BẢN CÁO BẠCH**

- 01/09/2004 - 31/07/2007: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 01/08/2007 - 30/11/2007: Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Nội.
  - 01/12/2007 - 31/05/2015: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hà Nội.
  - 01/06/2015 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 01 thành viên quản lý nợ và khai thác tài sản (BAMC).
- Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 780 cổ phiếu (chiếm ~0,0000228% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị (triệu đồng)</b>
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	27
<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.1.5. Ông Trần Thanh Vân - Ủy viên Hội đồng quản trị**

Họ tên: **Trần Thanh Vân**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/01/1961



**BẢN CÁO BẠCH**

- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 200057314 do Công an TP. Đà Nẵng cấp ngày 10/05/2007
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
- 01/10/1991 - 31/03/2004: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng.
  - 01/04/2004 - 31/08/2008: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đà Nẵng.
  - 01/09/2008 - 30/04/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 01/05/2012 - 25/04/2013: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 26/04/2013 - 31/12/2013: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 01/01/2014 – nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH 02 TV Đầu tư và Phát triển quốc tế (IID).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 43.645 cổ phiếu (chiếm 0,0012766% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 14.382 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Trần Hải Vân	Em ruột	14.382	0,0004207

Các khoản nợ đối với BIDV: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.1.6. Ông Phạm Quang Tùng - Ủy viên Hội đồng quản trị**

Họ tên: **Phạm Quang Tùng**

Giới tính: **Nam**

Ngày tháng năm sinh: **12/09/1971**

Nơi sinh: **Hà Nội**

Số CMND: **034071000042 do Cục CSĐKQLCT và DLQG về dân cư cấp ngày 31/03/2014**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Kinh tế, Cử nhân Luật**

Quá trình công tác:

- 01/2006 - 09/2010: **Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.**
- 09/2010 - 10/2010: **Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.**
- 10/2010 - 04/2011: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.**
- 04/2011 - 05/2016: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam.**
- 06/2016 - 12/2017: **Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB).**
- 12/2017 - 20/04/2018: **Tiếp nhận trở lại BIDV công tác để triển khai quy trình bổ nhiệm lãnh đạo cấp cao tại BIDV.**
- 21/04/2018 – nay: **Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

Chức vụ công tác hiện nay: **Ủy viên HĐQT Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- **Chủ tịch HĐQT Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumitrust (BSL).**

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- **Sở hữu cá nhân: 01 cổ phiếu (chiếm 0,0000000% vốn điều lệ)**



- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị (triệu đồng)</b>
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	27
<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

#### **12.1.7. Ông Lê Việt Cường - Ủy viên Hội đồng quản trị độc lập**

Họ tên: **Lê Việt Cường**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 07/05/1950

Nơi sinh: Thái Lan

Số CMND: 012438743 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 05/07/2001

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 04/1972 - 04/1988: Giảng viên trường trung học Ngân hàng Bắc Thái.

- 05/1988 - 05/1989: Cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp Việt Nam.

- 06/1989 - 03/1992: Thư ký Ban lãnh đạo NHNN Việt Nam, Phó trưởng phòng Thư ký tổng hợp NHNN.

- 04/1992 - 11/1994: Trưởng phòng hành chính NHNN.

- 12/1994 - 03/1999: Phó Chánh Văn phòng Thống đốc NHNN.

- 04/1999 - 12/2006: Chánh Văn phòng NHNN Việt Nam.

**BẢN CÁO BẠCH**

- 01/2007 - 05/2010: Ủy viên HĐQT BIDV.

- 01/06/2010 - 21/04/2017: Nghi hưu theo chế độ.

- 22/04/2017 – nay: Ủy viên HĐQT độc lập BIDV.

Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát****Bảng 24: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát BIDV**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Võ Bích Hà	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên chuyên trách
3	Ông Cao Cự Trí	Thành viên chuyên trách

*Nguồn: BIDV*

**12.2.1. Bà Võ Bích Hà - Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ tên: **Võ Bích Hà**

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 01/03/1967

Nơi sinh: Hà Nội

Số CMND: 011399528 do Công an Hà Nội cấp ngày 12/04/2007



- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hiệp hội kế toán viên công chứng Australia (CPA Australia)
- Quá trình công tác:
- 5/1991 - 3/1997: Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán – Hội sở chính BIDV.
  - 4/1997 - 8/1997: Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán - Hội sở chính BIDV.
  - 9/1997 - 3/2000: Phó Trưởng phòng Nguồn vốn kinh doanh - Hội sở chính BIDV.
  - 4/2000 - 4/2002: Phó trưởng phòng Phụ trách phòng Kinh doanh tiền tệ - Hội sở chính BIDV.
  - 5/2002 - 9/2006: Trưởng phòng Quản lý vốn góp - Hội sở chính BIDV.
  - 10/2006 - 4/2015: Giám đốc Ban Quản lý Đầu tư - Hội sở chính BIDV.
  - 17/04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 9 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,0000003% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 15.918 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Xuân Hòa	Chồng	15.918	0,0004656

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.2.2. Bà Nguyễn Thị Tâm - Thành viên Ban Kiểm soát**

Họ tên: **Nguyễn Thị Tâm**  
Giới tính: **Nữ**  
Ngày tháng năm sinh: **25/10/1965**  
Nơi sinh: **Hải Dương**  
Số CMND: **011814791 do Công an Hà Nội cấp ngày 15/06/2009**  
Trình độ chuyên môn: **Thạc sỹ Kinh tế**  
Chứng chỉ nghề nghiệp: **Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)**

**Quá trình công tác:**

- 10/05/1991 - 21/03/2000: Cán bộ Trụ Sở chính Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 22/03/2000 - 01/04/2006: Trưởng phòng Kế toán Điện toán - Ngân hàng Liên doanh Lào Việt Hà Nội.
- 01/04/2006 - 14/06/2007: Phó trưởng Phòng Kiểm toán - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 15/06/2007 - 31/08/2008: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Giám sát và Tổng hợp - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/9/2008 - 25/03/2009: Trưởng phòng Phòng Giám sát - Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 26/03/2009 - 30/04/2012: Trưởng phòng Phòng Giám sát, Thành viên Ban Kiểm soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: **Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.**

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: **Không.**

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: **8.545 cổ phiếu (chiếm 0,0002499% vốn điều lệ)**



- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 402 cổ phiếu

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Thị Thùy Chung	Em ruột	402	0,0000118

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### 12.2.3. Ông Cao Cự Trí - Thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên: **Cao Cự Trí**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1966

Nơi sinh: Xã Diễn Bình, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Số CMND: 012500432, do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 01/04/2002

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Chứng chỉ nghề nghiệp: Chứng chỉ của Hội Kế toán Quản trị Công chứng Úc (CMA Australia)

Quá trình công tác:

- 01/10/1984 - 30/06/2002: Công tác tại Ngân hàng Nhà nước (Tỉnh Nghệ An, NHNN Trung ương): Cán bộ, Phó trưởng phòng, Trưởng phòng.
- 01/07/2002 - 14/02/2004: Phó Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 15/02/2004 - 30/09/2006: Trưởng Phòng Lựa chọn định chế - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/10/2006 - 28/02/2009: Phó Giám đốc - Sở Giao dịch 3 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (trong đó từ 20/07/2007 - 15/10/2007 là Phó Giám đốc kiêm Trưởng Phòng Lựa chọn định chế, Kiêm Trưởng Phòng Thẩm định và Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam).
- 01/03/2009 - 30/04/2012: Phó Trưởng Ban Kiểm Soát - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

## BẢN CÁO BẠCH



- 01/05/2012 - nay: Thành viên Ban Kiểm Soát - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 3.581 cổ phiếu (chiếm 0,0001047% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### 12.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc

**Bảng 25: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc BIDV**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Ngọc Lâm	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành
2	Ông Quách Hùng Hiệp	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Kim Hòa	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Trần Xuân Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Trần Phương	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Lê Trung Thành	Phó Tổng Giám đốc
7	Ông Nguyễn Thiên Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
8	Bà Tạ Thị Hạnh	Kế toán trưởng

*Nguồn: BIDV*

#### 12.3.1. Ông Lê Ngọc Lâm - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành

Họ tên: **Lê Ngọc Lâm**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/07/1975



**BẢN CÁO BẠCH**

- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 001075008069, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 13/01/2016
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
- 03/2009 - 10/2010: Phó Giám đốc Ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 10/2010 - 03/2012: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sở Giao dịch 1.
  - 04/2012 - 04/2013: Giám đốc ban Quản lý rủi ro Tín dụng - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 04/2013 - 01/2015: Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 01/2015 – 14/11/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
  - 15/11/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Ủy viên Ban chấp hành Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 723 cổ phiếu (chiếm 0,0000211% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 9 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 0,0000003% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Lê Thị Phương Hải	Vợ	9	0,0000003

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

<b>Nội dung</b>	<b>Giá trị (triệu đồng)</b>
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	11
<b>Tổng cộng</b>	<b>11</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### **12.3.2. Ông Quách Hùng Hiệp - Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: **Quách Hùng Hiệp**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 23/09/1969

Nơi sinh: Hà Nội

Số CMND: 001069007554, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 20/06/2016

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/06/1999 - 31/07/2002: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB).
- 01/08/2002 - 31/03/2005: Giám đốc Ban Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/12/2004 - 08/03/2010: Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh VID- Public.
- 01/04/2005 - 31/10/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Sở Giao dịch 1 - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/11/2006 - 31/12/2006: Phó Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/01/2007 - 01/03/2011: Giám đốc Sở Giao dịch 3 Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 16/10/2010 - 30/04/2012: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.



**BẢN CÁO BẠCH**

- 01/05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng liên doanh Lào Việt (LVB)
- Phó Chủ tịch Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 35.078 cổ phiếu (chiếm 0,0010261% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.3.3. Ông Lê Kim Hòa - Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: Lê Kim Hòa

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 08/10/1965

Nơi sinh: ĐăkLăk

Số CMND: 066065000004, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 28/03/2016

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 05/1997 - 10/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk.
- 11/2002 - 07/2007: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển ĐăkLăk.
- 08/2007 - 08/2008: Giám đốc Ban tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 09/2008 - 02/2009: Giám đốc Ban Quản lý rủi ro tín dụng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

- 03/2009 - 04/2009: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 05/2009 - 08/2013: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 09/2013 - 05/2014: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.
- 06/2014 – 02/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
- 03/2018 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển TP Hồ Chí Minh

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 42.983 cổ phiếu (chiếm 0,0012573% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

#### **12.3.4. Ông Trần Xuân Hoàng - Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: **Trần Xuân Hoàng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 22/10/1965

Nơi sinh: Hải Phòng



**BẢN CÁO BẠCH**

Số CMND: 031065004184, do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQD về dân cư cấp ngày 18/12/2017

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/07/1996 - 14/07/2006: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai.
- 15/07/2006 - 14/08/2008: Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch 2.
- 15/08/2008 - 30/04/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)
- Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần bất động sản và xây dựng nhà Mê Kông (MHBR).

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 23.081 cổ phiếu (chiếm 0,0006751% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 11.449 cổ phiếu (chiếm 0,0003349% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV (tại ngày 30/09/2019)	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Hoàng Thị Giang Hà	Vợ	11.449	0,0003349

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	27
<b>Tổng cộng</b>	<b>27</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.3.5. Ông Trần Phương - Phó Tổng Giám đốc**

Họ tên: **Trần Phương**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 27/12/1973

Nơi sinh: Bắc Giang

Số CMND: 013045909 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 12/03/2008

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 01/2006 - 06/2006: Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Ban Kế hoạch phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 07/2006 - 12/2006: Trưởng Phòng Nghiên cứu Phát triển – Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/2007 - 08/2008: Phó Giám đốc, Giám đốc Ban Quản lý Dự án Cổ phần hoá – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 08/2008 - 04/2012: Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 05/2012 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 21.147 cổ phiếu (chiếm 0,0006186% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 6.162 cổ phiếu (chiếm 0,0001802% vốn điều lệ)



Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Phạm Thị Kim Oanh	Vợ	6.162	0,0001802

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### 12.3.6. Ông Lê Trung Thành - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: **Lê Trung Thành**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/09/1964

Nơi sinh: An Giang

Số CMND: 024788171 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/08/2007

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

- 08/1993 - 08/2002: Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang.
- 09/2002 - 01/2004: Phó Giám đốc điều hành Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển An Giang.
- 02/2004 - 11/2004: Trưởng ban chuyên trách phát triển mạng lưới kinh doanh BIDV tại Thành Phố Hồ Chí Minh.
- 12/2004 - 07/2014: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
- 07/2014 – 03/2018: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 04/2018 – 30/04/2019: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Đồng Bằng Sông Cửu Long.
- 01/05/2019 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

## BẢN CÁO BẠCH



Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ BIDV MetLife.

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 2.252 cổ phiếu (chiếm 0,0000659% vốn điều lệ)

- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	0
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	120
<b>Tổng cộng</b>	<b>120</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

### 12.3.7. Ông Nguyễn Thiên Hoàng - Phó Tổng Giám đốc

Họ tên: Nguyễn Thiên Hoàng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/06/1973

Nơi sinh: Bồ Trách – Quảng Bình

Số CMND: 194016544 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 28/04/2010

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 11/2006 - 09/2007: Phó Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.

- 10/2007 - 04/2012: Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.



**BẢN CÁO BẠCH**

- 05/2012 - 07/2012: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV kiêm Giám đốc Chi nhánh BIDV Quảng Bình.
- 07/2012 - 05/2016: Giám đốc Ban Tổ chức cán bộ BIDV.
- 01/06/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 31/03/2019:

- Sở hữu cá nhân: 3 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 2 cổ phiếu (chiếm 0,0000001% vốn điều lệ)

Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại BIDV	Tỷ lệ (% vốn điều lệ)
Nguyễn Thị Thanh Hương	Em	2	0,0000001

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019: Không

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**12.3.8. Bà Tạ Thị Hạnh - Kế toán trưởng**

- Họ tên: **Tạ Thị Hạnh**
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 05/05/1972
- Nơi sinh: Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên
- Số CMND: 033172000269 do Cục trưởng cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư cấp ngày 22/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Ngân hàng
- Quá trình công tác:
  - 01/11/2006 - 31/12/2009 Phó Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1.



**BIDV**

**BẢN CÁO BẠCH**

- 01/01/2010 - 31/10/2011 Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/06/2011 - 31/10/2011 Kế toán Trưởng kiêm Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Khách hàng – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/11/2011 - 30/04/2012 Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- 01/05/2012 – nay Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Ban Kế toán – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Sở hữu chứng khoán của cá nhân, đại diện và người có liên quan tại thời điểm 30/09/2019:

- Sở hữu cá nhân: 2.253 cổ phiếu (chiếm 0,0000659% vốn điều lệ)
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu (chiếm 0% vốn điều lệ)

Các khoản nợ đối với BIDV tại thời điểm 30/09/2019:

Nội dung	Giá trị (triệu đồng)
Cho vay	2.402
Trái phiếu	0
Bảo lãnh	0
Hình thức khác (thẻ tín dụng)	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.402</b>

Lợi ích liên quan đối với BIDV: Không có lợi ích mâu thuẫn với BIDV

**13. Tài sản:**

**Bảng 26: Chi tiết tài sản cố định tại 30/09/2019**

*Đơn vị: tỷ đồng*

Khoản mục	Nguyên giá	Khấu hao/Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ còn lại (%)
1. TSCĐ hữu hình	12.292	6.345	5.947	48,38%
2. TSCĐ vô hình	5.782	1.506	4.276	73,95%
<b>Tổng</b>	<b>18.074</b>	<b>7.851</b>	<b>10.223</b>	<b>56,56%</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019*



#### 14. Đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết

Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dự kiến sử dụng dòng tiền để cân đối trả nợ lãi và gốc Trái Phiếu như sau:

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi thu được từ các lĩnh vực mà Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết dự kiến giải ngân từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và các nguồn thu hợp pháp khác sau khi trừ đi các chi phí, sẽ được sử dụng để thanh toán lãi Trái Phiếu cho các nhà đầu tư với điều kiện việc thanh toán không dẫn đến kết quả kinh doanh trong năm của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết bị lỗ.
- Thanh toán gốc Trái Phiếu: Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết sẽ sử dụng nguồn tiền từ (i) nguồn thu nợ từ các dự án được tài trợ vốn từ nguồn vốn phát hành Trái Phiếu và (ii) nguồn vốn huy động khác, nguồn vốn tự tích lũy, lợi nhuận hoạt động kinh doanh và tiềm lực tài chính của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc mua lại trước hạn Trái Phiếu.

HSC nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng và phát sinh các biến động lớn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, kinh tế vĩ mô và nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng. Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của HSC, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

#### 15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết

##### 15.1. Trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi tại thời điểm 30/09/2019

Tính đến 30/09/2019, BIDV đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị ghi sổ là 25.909.746 triệu VND trong đó trái phiếu tăng vốn là 18.359.382 triệu VND, cụ thể như sau:

- Trái phiếu phát hành ra công chúng:

Tên trái phiếu	Cơ quan chấp thuận phát hành	Giá trị (triệu VND)	Kỳ hạn
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2025	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 67/GCN-UBCK ngày 9/11/2018	3.000.000	07 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển		1.000.000	10 năm

Tên trái phiếu	Cơ quan chấp thuận phát hành	Giá trị (triệu VND)	Kỳ hạn
Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2018 đáo hạn năm 2028			
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 đáo hạn năm 2026 – đợt 1 năm 2019	Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 64/GCN-UBCK ngày 27/8/2018	2.499.320	07 năm
Trái phiếu NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành ra công chúng năm 2019 đáo hạn năm 2029 – đợt 1 năm 2019		500.000	10 năm

- Trái phiếu phát hành riêng lẻ:

Loại trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trị (triệu VND)	
		30/09/2019	31/12/2018
Trái phiếu thường	Từ 12 tháng đến dưới 05 năm	5.550.061	5.550.061
	Từ 05 năm trở lên	2.000.303	2.000.303
Trái phiếu tăng vốn	Trên 05 năm	11.360.062	17.360.062

**15.2. Thông tin về các hợp đồng thuê đất, sử dụng đất**

STT	Nội dung	Số tiền (Triệu VND)
1	Tổng giá trị hợp đồng	7.951.539
2	Lũy kế tiền thuê tài sản đã phân bổ vào chi phí	3.995.338
3	Chi phí chờ phân bổ còn lại (đối với tài sản thuê trả trước)	992.072
4	Số tiền thuê nhà, đất cần tiếp tục giải ngân	2.964.129

**15.3. Những cam kết chưa thực hiện khác tại thời điểm 30/09/2019**

Chi tiết các nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết đưa ra tại ngày 30/09/2019 của BIDV như sau:



**Bảng 27: Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của BIDV**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Giá trị (tỷ đồng)</b>
<b>1. Các khoản bảo lãnh</b>	<b>146.775</b>
- Bảo lãnh vay vốn	4.830
- Bảo lãnh khác	141.945
<b>2. Cam kết thanh toán LC</b>	<b>58.476</b>
<b>3. Các cam kết đưa ra</b>	<b>13.350</b>

*Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý III/2019*

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Ngân hàng mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, BIDV đã khởi kiện một số khách hàng tại các toà án có thẩm quyền để đưa ra yêu cầu thanh toán nợ, xử lý tài sản bảo đảm. Đây là một trong các phương thức, biện pháp xử lý, thu hồi các khoản nợ xấu, nợ tiềm ẩn rủi ro được thực hiện thông thường trong hoạt động kinh doanh ngân hàng tại Việt Nam và không gây bất lợi nghiêm trọng đến hoạt động chung của BIDV cũng như khả năng thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo cam kết của BIDV.

Ngoài ra, BIDV có liên quan đến một số vụ án hình sự sau:

**(a) Vụ án hình sự liên quan tại Chi nhánh Tây Sài Gòn:**

Ngày 30/10/2018, TAND TP.HCM ra Bản án sơ thẩm xét xử vụ án hình sự liên quan đến nhóm Công ty TNHH Thiện Linh xảy ra tại BIDV Tây Sài Gòn. Theo đó Tòa án tuyên các bị cáo trong vụ án (Huỳnh Công Thiện, Nguyễn Thị Thu Huệ) liên đới cùng Công ty TNHH Thiện Linh bồi thường cho BIDV tổng số tiền là hơn 155 tỷ đồng nợ gốc và lãi phát sinh. Tuyên xử lý các tài sản Công ty Thiện Linh, bên thứ ba thế chấp tại BIDV Tây Sài Gòn để bảo đảm thi hành án. BIDV đã thực hiện kháng cáo một số nội dung tuyên của Bản án sơ thẩm về quyền xử lý tài sản bảo của BIDV trong vụ án nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV trong vụ án. Tháng 6/2019, TANDCC tại TP.HCM đã đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tuyên giữ nguyên nội dung Bản án sơ thẩm.

**(b) Vụ án hình sự xảy ra tại MHB/Công ty MHBS:**

Vụ án liên quan đến sai phạm của các bị can nguyên là cán bộ, lãnh đạo tại Ngân hàng TMCP Nhà Đổng Bằng Sông Cửu Long (MHB) và Công ty chứng khoán MHB (MHBS) trong giai đoạn từ năm 2011 – 2014 (trước khi MHB được sáp nhập vào BIDV). Ngày 22/11/2018, TAND TP. HCM ra Bản án hình sự sơ thẩm tuyên Công ty CP Chứng khoán MHB (MHBS) và các bị cáo (liên đới chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho BIDV tổng số tiền 349 tỷ đồng. Sau khi TAND TP.HCM ra Bản án hình sự sơ thẩm, một số đương sự trong Vụ án đã kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm, dự kiến Vụ án sẽ được TANDCC tại TP.HCM đưa ra xét xử phúc thẩm trong Quý I/2020.

**(c) Vụ án hình sự Công ty Cổ phần chứng khoán Trảng An xảy ra tại Chi nhánh BIDV Hai Bà Trưng:**



Ngày 10/01/2019, TAND TP. Hà Nội đã ra Bản án hình sự sơ thẩm xét xử vụ án hình sự xảy ra tại Công ty CP Chứng khoán Tràng An, theo đó tuyên Lê Hồ Khôi (nguyên Tổng Giám đốc Công ty CP chứng khoán Tràng An) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tuyên phạt 18 năm tù. Các đồng phạm (nguyên là lãnh đạo, cán bộ Công ty CP chứng khoán Tràng An) cũng nhận các mức án từ 3 đến 10 năm tù tùy theo vai trò, tính chất và mức độ hành vi phạm tội. Tòa án sơ thẩm cũng tuyên buộc Lê Hồ Khôi phải bồi thường thiệt hại cho BIDV Hai Bà Trưng số tiền là hơn 27,6 tỷ đồng. Sau khi TAND TP. Hà Nội ra Bản án hình sự sơ thẩm, một số đương sự trong vụ án đã có Đơn kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm. Dự kiến trong tháng 12/2019, TANDCC tại TP. Hà Nội sẽ đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

**(d) Vụ án hình sự xảy ra tại Phòng Giao dịch Cái Dầu – Chi nhánh BIDV Long Xuyên (nay sáp nhập chuyển giao về Chi nhánh BIDV An Giang):**

Vụ án liên quan đến hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Tham ô tài sản” của Nguyễn Thị Mỹ Hoàng (nguyên là cán bộ Phòng Giao dịch Cái Dầu thuộc BIDV Long Xuyên), đồng thời một số cán bộ tại BIDV Long Xuyên cũng bị xem xét về hành vi “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Số tiền BIDV được Cơ quan tiến hành tố tụng xác định bị Nguyễn Thị Mỹ Hoàng chiếm đoạt là hơn 28,6 tỷ đồng. Trong vụ án này, BIDV được triệu tập tham gia tố tụng với tư cách là Bị hại. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Dự kiến vụ án sẽ được tiếp tục đưa ra xét xử sơ thẩm trong Quý I/2020 và

**(e) Vụ án hình sự liên quan đến việc xử lý TSBĐ tại Chi nhánh Tây Sài Gòn:**

Vụ án này liên quan đến ông Nguyễn Huy Hùng (nguyên Giám đốc Chi nhánh BIDV Tây Sài Gòn) và ông Nguyễn Quang Lộc (nguyên Trưởng phòng KHDN 1 Chi nhánh BIDV Tây Sài Gòn) bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố về hành vi “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo quy định tại Điều 219 Bộ luật hình sự 2015 trong quá trình xử lý các tài sản bảo đảm của Công ty TNHH SXTM An Tây, Công ty TNHH sản xuất chế biến gỗ Mỹ Hiệp (là các khách hàng nợ xấu tại BIDV Tây Sài Gòn). Hiện vụ án đang trong quá trình xét xử. Trong vụ án này, BIDV được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định là Bị hại trong vụ án.

Ngoài ra, trong thời gian gần đây, cơ quan điều tra cũng đã tiến hành khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với một số vụ việc liên quan đến BIDV trong đó có các cá nhân nguyên là lãnh đạo, cán bộ tại BIDV (được phản ánh qua các phương tiện thông tin đại chúng). Tuy nhiên, hiện nay Cơ quan tiến hành tố tụng đang thực hiện công tác điều tra, chưa đưa ra kết luận chính thức về nội dung vụ việc, vì vậy chưa có cơ sở, căn cứ để BIDV công bố thông tin.

Qua các vụ án hình sự BIDV được cơ quan tiến hành triệu tập tham gia tố tụng (cụ thể như đã nêu trên) đã thể hiện việc tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và quản lý của Đảng, Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng Việt Nam trong đó có BIDV. Về cơ bản, hướng xử lý, cơ chế xử lý đối với các khoản tiền, tài sản mà Cơ quan tiến hành tố tụng xác định BIDV bị chiếm đoạt, thất thoát hoặc thiệt hại trong các vụ án hình sự đều bảo đảm được quyền và lợi ích hợp pháp của BIDV (BIDV có quyền được nhận lại hoặc có quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, thiệt hại). Theo đánh giá, các vụ việc trên không ảnh hưởng đến việc BIDV thực hiện giao dịch phát hành và niêm yết trái phiếu năm 2019.



**V. TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT**

1. **Loại trái phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện để tính vào vốn cấp 2 của BIDV theo quy định hiện hành.
2. **Ngày phát hành:** 21/11/2019.
3. **Ngày đáo hạn:** 21/11/2026.
4. **Mệnh giá:** 100.000 đồng/Trái Phiếu (Một trăm nghìn đồng một Trái Phiếu).
5. **Tổng số lượng trái phiếu đăng ký niêm yết:** 5.000.000 (Năm triệu) trái phiếu, tương đương 100% tổng số lượng trái phiếu đã phát hành.

Cơ cấu trái phiếu niêm yết theo danh sách chốt ngày 16/12/2019 gồm 106 trái chủ (bao gồm 01 tổ chức trong nước và 105 cá nhân trong nước).

6. **Số lượng Trái Phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết:** Không có.
7. **Xếp hạng tín nhiệm:** Không có.
8. **Phương pháp tính lãi suất:**
  - Lãi suất của Trái Phiếu cho từng Kỳ Tính Lãi được tính theo tỷ lệ %/năm (lãi suất năm) xác định tại Ngày Xác Định Lãi Suất theo công thức sau:
    - Lãi Suất Tham Chiếu (\*) + biên độ 1,3%/năm;
    - Nếu Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết không thực hiện mua lại Trái Phiếu vào Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại, lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho các Kỳ Tính Lãi trong năm thứ 06 (sáu) và thứ 07 (bảy) kể từ Ngày Phát Hành sẽ bằng Lãi Suất Tham Chiếu + biên độ 3,55% /năm;

*(\*) Lãi suất tham chiếu: Trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng:*

- *Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam*
- *Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam*
- *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Sở giao dịch*
- *Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Khu vực Hà Nội*



## **BẢN CÁO BẠCH**

- Ngày Xác Định Lãi Suất: có nghĩa là Ngày Làm Việc thứ bảy (07) trước Ngày Phát Hành đối với Kỳ Tính Lãi đầu tiên hoặc Ngày Làm Việc thứ bảy (07) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ Tính Lãi đối với các Kỳ Tính Lãi tiếp theo. Nếu Ngày Xác Định Lãi Suất không phải là Ngày Làm Việc thì Ngày Xác Định Lãi Suất sẽ là Ngày Làm Việc tiếp theo ngay sau ngày đó.
- Ngày làm việc: có nghĩa là ngày từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật.
- Kỳ Tính Lãi: có nghĩa là khoảng thời gian để xác định lại lãi suất của Trái Phiếu, định kỳ 06 (sáu) tháng một lần kể từ Ngày Phát Hành.
- Kỳ Hạn Trả Lãi: (a) Tiền lãi Trái Phiếu được trả sau, định kỳ một (01) năm một lần (“Kỳ Thanh Toán Lãi”), vào Ngày Thanh Toán Lãi cho đến khi Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoàn thành các nghĩa vụ liên quan tới Trái Phiếu.
- Phạt chậm trả gốc, lãi Trái Phiếu:

Nếu khoản tiền gốc của Trái Phiếu bị giữ lại hoặc từ chối thanh toán mà do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và/hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) tại (i) Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ hai của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ hai (02); hoặc (ii) Ngày Đáo Hạn thì khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi theo mức lãi suất áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ hai của Kỳ Thanh Toán Lãi thứ bảy (07) (kể cả trước và sau khi có quyết định về việc giữ lại hoặc từ chối thanh toán) cho đến ngày, nhưng không bao gồm ngày mà Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu đến hạn thanh toán.

Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi, nếu khoản tiền lãi đến hạn của Trái Phiếu bị từ chối thanh toán hoặc được thanh toán không đầy đủ do lỗi của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết hoặc Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký Và Thanh Toán và/hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy trường hợp áp dụng) thì Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi quá hạn đối với số tiền bị chậm trả tính từ và bao gồm ngày chậm trả cho đến nhưng không bao gồm ngày thanh toán thực tế theo mức lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ hai của Kỳ Thanh Toán Lãi bị chậm trả đó.

- Cách tính lãi trái phiếu:
  - Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng tròn Kỳ Thanh Toán Lãi thì tiền lãi Trái Phiếu được tính như sau:



$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn tròn Kỳ Thanh Toán Lãi} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ thực tế} \times \frac{(\text{LS1} + \text{LS2})}{2}$$

- Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn đến dưới sáu (06) tháng kể từ Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất thì tiền lãi Trái Phiếu sẽ được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn đến sáu tháng} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ thực tế} \times \frac{\text{LS1} \times \text{N1}}{365}$$

- Trong trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn từ sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm kể từ Ngày Phát Hành hoặc Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất thì tiền lãi Trái Phiếu sẽ được tính như sau:

$$\text{Tiền lãi Trái Phiếu được hưởng cho một thời hạn dưới 01 năm} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu năm giữ thực tế} \times \frac{(\text{LS1} \times \text{N1}) + (\text{LS2} \times \text{N2})}{365}$$

**Trong đó:**

- + **LS1:** có nghĩa là Lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ nhất của Kỳ Thanh Toán Lãi đó.
- + **LS 2:** có nghĩa là Lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi thứ hai của Kỳ Thanh Toán Lãi đó.
- + **NI:** có nghĩa là Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi thứ nhất của Kỳ Thanh Toán Lãi đó.
- + **N2:** có nghĩa là Số ngày thực tế năm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Tính Lãi thứ hai của Kỳ Thanh Toán Lãi đó.

**9. Phương pháp tính giá**

Giá của Trái Phiếu là giá trị hiện tại của những dòng tiền trong tương lai dự tính thu được từ Trái Phiếu, được chiết khấu về thời điểm hiện tại với tỷ lệ lợi tức yêu cầu thích hợp của mỗi Nhà Đầu Tư.

Công thức tổng quát tính giá Trái Phiếu trả lãi theo định kỳ như sau:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

*Trong đó:* PV: là Giá của Trái Phiếu.

FV: là Mệnh giá (gốc) của Trái Phiếu

CF<sub>i</sub>: là lãi của Trái Phiếu nhận kỳ trả lãi thứ i

n: là số kỳ trả lãi còn lại của Trái Phiếu

k: là mức sinh lời kỳ vọng đối với lợi suất Trái Phiếu

Việc xác định giá trái phiếu có thể khác nhau giữa các Nhà Đầu Tư do lợi suất yêu cầu khác nhau, áp dụng các thông lệ thị trường (market convention) khác nhau trong tính toán và khả năng tiếp cận các thông tin thị trường khác nhau.

## 10. Phương pháp tính lợi suất khi đáo hạn

Lợi suất đáo hạn - YTM (Yield To Maturity) là đại lượng đo lường lợi suất (tỷ suất lợi nhuận) mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu từ khi mua và nắm giữ trái phiếu đến khi đáo hạn. Nói cách khác, YTM là mức lãi suất làm cho giá trị hiện tại của các dòng tiền mà nhà đầu tư nhận được từ trái phiếu bằng với giá trị đầu tư ban đầu (giá mua/giá trị thị trường của Trái Phiếu).

Để xác định YTM, nhà đầu tư có thể áp dụng công thức tương tự công thức định giá Trái Phiếu được trình bày tại mục trên đây:

$$PV = \sum_{i=1}^n \frac{CF_i}{(1+k)^i} + \frac{FV}{(1+k)^n}$$

Ví dụ minh họa:

*Giả sử một trái phiếu mệnh giá 100.000 đồng, thời gian đáo hạn là 3 năm, lãi suất trái phiếu 10%/năm, kỳ trả lãi 06 tháng/lần, hiện đang được bán với giá 105.000 đồng. Lợi suất Trái Phiếu khi đáo hạn sẽ được tính như sau:*

$$105.000 = \frac{5.000}{(1+k)^1} + \frac{5.000}{(1+k)^2} + \frac{5.000}{(1+k)^3} + \frac{5.000}{(1+k)^4} + \frac{5.000}{(1+k)^5} + \frac{5.000}{(1+k)^6} + \frac{100.000}{(1+k)^6}$$

*Áp dụng phương pháp nội suy: k = 4,04%/năm. Do đó, YTM = 8,24%.*

## 11. Đánh giá tác động của tình hình lạm phát đối với Trái Phiếu niêm yết

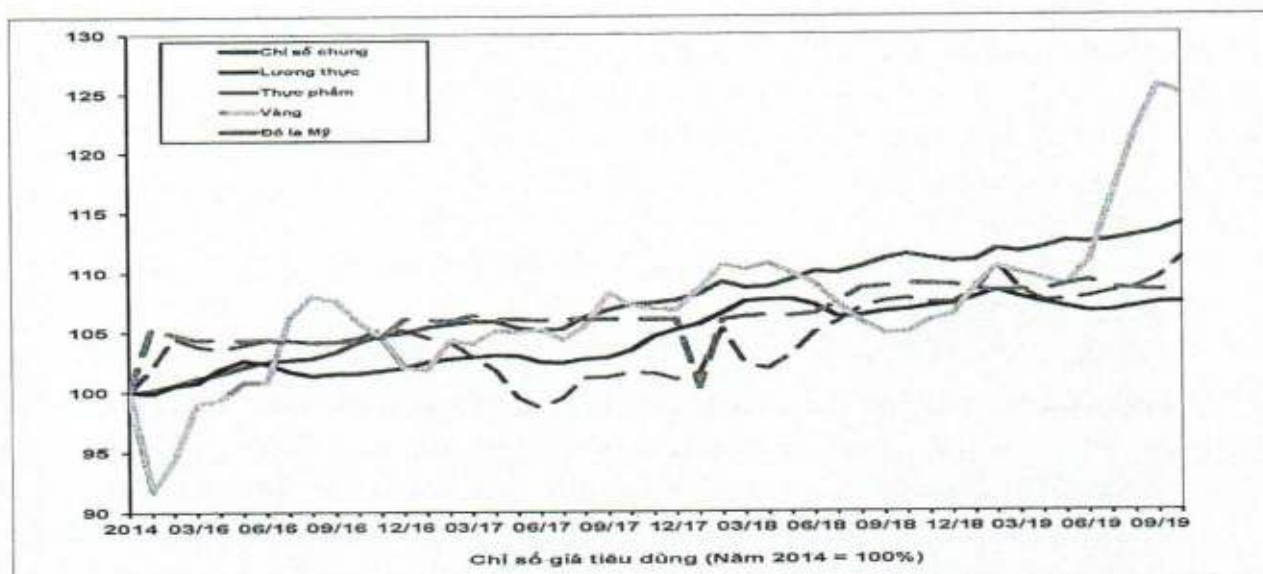
Theo công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) quý 4 năm 2018 tăng 0,6% so với quý trước và tăng 3,44% so với Quý 4 năm 2017. Tính đến cuối - quý 3 năm 2019, CPI bình quân



9 tháng năm 2019 tăng 2,5% so với bình quân cùng kỳ năm 2018, thấp hơn mức 3,57% của 9 tháng năm 2018 và là mức thấp nhất so cùng kỳ 3 năm qua (3,8% và 2,1% của cùng kỳ năm 2017 và 2016) nhờ giá xăng dầu và lương thực, thực phẩm nhìn chung tương đối ổn định. Lạm phát cơ bản năm 2018 là 3,54%, đạt mục tiêu dưới 4% được Quốc hội phê chuẩn. Lạm phát cơ bản bình quân 9 tháng năm 2019 tăng 1,91% so với bình quân cùng kỳ năm 2018. Dự kiến lạm phát năm 2019 sẽ được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu dưới 4%.

Tỷ lệ lạm phát giữ ở mức thấp và ổn định sẽ tạo điều kiện cho các chính sách tiền tệ tích cực và kích thích sản xuất kinh doanh phát triển. Một số thay đổi trong điều hành lãi suất những năm qua luôn được Ngân hàng Nhà nước tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính ổn định và thực hiện các mục tiêu kiểm soát lạm phát, tăng trưởng kinh tế. Việc quy định trần lãi suất cho vay, đặc biệt đối với lĩnh vực ưu tiên, đã góp phần gia tăng cơ hội tiếp cận vốn cho các doanh nghiệp.

**Chỉ số giá tiêu dùng qua từ 2014 đến nay**

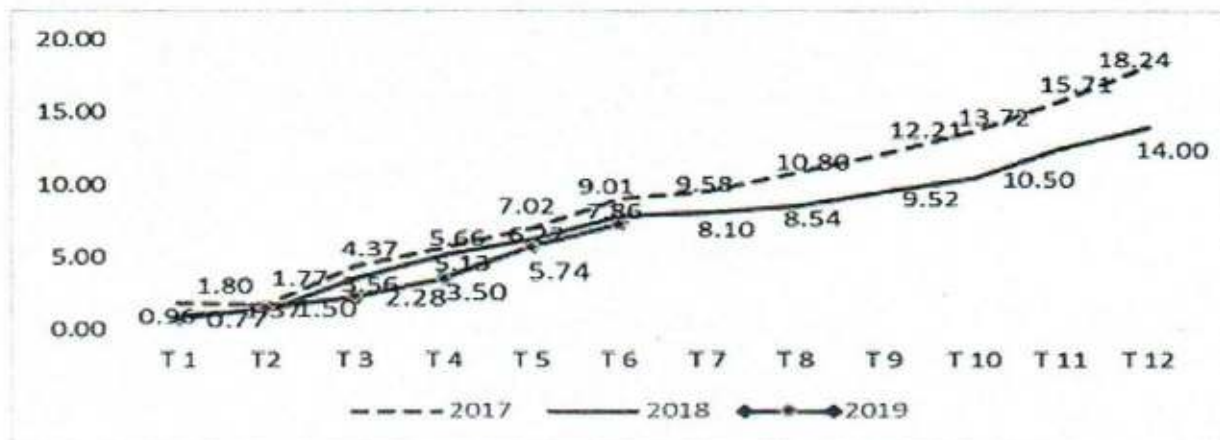


Đơn vị: %

Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

### Biến động lãi suất liên ngân hàng theo các kỳ hạn

Đơn vị: %



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Giá trị Trái Phiếu được tính toán dựa trên cơ sở chiết khấu (các) dòng tiền phát sinh trong tương lai về thời điểm hiện tại, do đó chịu tác động trực tiếp bởi lãi suất thị trường hay còn gọi là rủi ro lãi suất. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị Trái Phiếu sẽ giảm khi lãi suất thị trường tăng, và ngược lại. Khi tỷ lệ lạm phát gia tăng, lãi suất thị trường sẽ có xu hướng tăng tương ứng, khiến cho nhà đầu tư đòi hỏi mức sinh lời từ Trái Phiếu cao hơn, làm tăng lãi suất chiết khấu, do đó làm giảm giá trị hiện tại của Trái Phiếu. Ngược lại, nếu tỷ lệ lạm phát giảm kéo theo lãi suất thị trường giảm làm giảm chi phí đi vay của doanh nghiệp, tăng khả năng thanh toán nợ và trực tiếp làm tăng giá trị Trái Phiếu. Có thể kết luận rằng, tỷ lệ lạm phát và lãi suất thị trường có mối quan hệ ngược chiều với giá của Trái Phiếu.

Trong trường hợp diễn biến kinh tế vĩ mô trong thời hạn Trái Phiếu không có biến động bất thường, Trái Phiếu niêm yết dự kiến sẽ không chịu ảnh hưởng quá lớn đến từ tình hình lạm phát và lãi suất do một số các nguyên nhân sau đây:

- Trái Phiếu được bán bằng mệnh giá và có mức biên độ cố định và kỳ xác định lãi suất 6 tháng/lần sẽ giúp Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết giảm thiểu những rủi ro bởi việc tăng giảm lãi suất thị trường.
- Ngoài ra, xét về tình hình kinh tế vĩ mô, Việt Nam đang trong quá trình phục hồi sau khủng hoảng, luôn đưa ra mục tiêu kiểm chế lạm phát qua các năm, do đó rủi ro của lạm phát tăng trưởng cao trong các năm tới dự kiến sẽ không nằm ở mức cao.

#### 12. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành)

Tại Điều 6 của Thông tư 34/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Ngân hàng Nhà



nước Việt Nam quy định phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 29/2015/TT-NHNN ngày 22 tháng 12 năm 2015 và Thông tư số 16/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016) có quy định về việc tỷ lệ sở hữu trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài phải tuân thủ theo quy định của NHNN và các văn bản pháp luật liên quan trong từng thời kỳ.

Do vậy, trong từng thời kỳ và phụ thuộc vào tình hình thị trường, điều kiện kinh tế xã hội của Việt Nam, NHNN hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác có thể ban hành quy định về giới hạn tỷ lệ sở hữu trái phiếu niêm yết đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài, và do vậy có thể ảnh hưởng tới việc chuyển nhượng Trái Phiếu từ Nhà đầu tư trong nước cho Nhà đầu tư nước ngoài

### **13. Các loại thuế có liên quan**

#### **a) Thuế thu nhập cá nhân**

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức thuế như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần

#### **b) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của Pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai và nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp Thuế thu nhập Doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

**BẢN CÁO BẠCH**

- Mức thuế suất áp dụng đối với tiền lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng trái phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng trái phiếu tại thời điểm chuyển nhượng

**c) Thuế giá trị gia tăng**

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi trái phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

**d) Khấu trừ thuế**

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào (“Thuế”) do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Lý Đăng Ký Lưu Ký hoặc Trung Tâm Lưu Ký (tùy từng trường hợp áp dụng) ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

**14. Các điều khoản và điều kiện trái phiếu**

Trái Phiếu được điều chỉnh bởi các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu này (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”). Với việc nhận Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và trở thành chủ sở hữu Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu được xem là đã hiểu và đồng ý với tất cả các nội dung và quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và chịu sự ràng buộc của các quy định có liên quan của văn bản này.

**Các Điều Kiện Trái Phiếu** được quy định chi tiết tại Phụ lục 1 của Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số.... ký kết giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu”) ngày ..... (“**Hợp Đồng Đại Diện**”).



**BẢN CÁO BẠCH****VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT****TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT:**

Tên công ty: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ : Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 22200588 Fax: (84.24) 22200399

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**

*Từ 01/01/2013 đến 31/12/2017:*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Địa chỉ : Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 62883568 Fax: (84.24) 62885678

*Từ 01/01/2018 đến nay:*

**Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 38315100 Fax: (84.24) 38315090

**TỔ CHỨC TƯ VẤN NIÊM YẾT:**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC)

Trụ sở chính : tầng 5&6, tòa nhà AB, 76 Lê Lai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 3823 3299/(84.28) 3829 3826 Fax: (84.28) 3823 3301

Website : [www.hsc.com.vn](http://www.hsc.com.vn)

**ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở chính : Lầu 5&6 Tòa nhà AB Tower, số 76 Lê Lai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.28) 38233299 Fax: (84.28) 238233301

**VII. CÁC PHỤ LỤC**

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết;
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty;
3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, 2018 (Hợp nhất và Riêng lẻ), Báo cáo tài chính quý III/2019 (Hợp nhất và Riêng lẻ)
4. Phụ lục IV: Bản sao Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu giữa Tổ Chức Đăng Ký Niêm Yết và Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
5. Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
6. Phụ lục VI: Báo cáo về những tranh chấp pháp luật

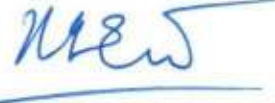


Bản Báo Bạch này được ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2019

**Đại diện Tổ chức đăng ký niêm yết  
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**



**PHAN ĐỨC TỬ**  
Chủ tịch HĐQT



**LÊ NGỌC LÂM**  
Phó Tổng Giám đốc  
phụ trách Ban Điều Hành



**VÕ BÍCH HÀ**  
Trưởng Ban Kiểm Soát



**TẠ THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng

**Đại diện Tổ chức tư vấn niêm yết  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**



**Phạm Ngọc Bích**  
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



